

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 49 ngày 28/12/2017)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 181/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2018)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC NIÊM YẾT

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM



Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: +84 (0243) 944 6368 Fax: +84 (0243) 944 6395
Website: www.techcombank.com.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT



Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: +84 (028) 3914 3588 Fax: +84 (028) 3914 4531
Website: www.vcsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 (024) 6262 6999 Fax: +84 (024) 6278 2688

Phòng Giao dịch

Địa chỉ: Tòa nhà Vinatex Tài Nguyên, Lầu 3, 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: +84 (028) 3914 3588 Fax: +84 (028) 3914 4531

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Bà Thái Hà Linh
Số điện thoại: +84 (0243) 944 6368

Chức vụ: Giám đốc Kế toán, Chính sách tài chính và Thuế

Hà Nội, tháng 5 năm 2018



NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 49 ngày 28/12/2017)



Địa chỉ: 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: +84 (0243) 944 6368 Fax: +84 (0243) 944 6365

Website: www.techcombank.com.vn

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu:	TCB
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng niêm yết:	1.165.530.720 cổ phần
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):	11.655.307.200.000 đồng (Mười một ngàn sáu trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, hai trăm ngàn đồng)

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT**

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: +84 (028) 3914 3588 Fax: +84 (028) 3914 4531

Website: www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN**CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tòa nhà CornerStone, Lầu 8, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: +84 (024) 3831 5090 Fax: +84 (024) 3831 5100

Website: www.ey.com

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	5
1.1 Rủi ro về kinh tế	5
1.2 Rủi ro về pháp luật	9
1.3 Rủi ro cạnh tranh.....	10
1.4 Rủi ro khác.....	11
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	14
2.1 Tổ chức niêm yết.....	14
2.2 Tổ chức tư vấn.....	14
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	19
4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	19
4.2 Cơ cấu tổ chức	26
4.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của Techcombank.....	27
4.4 Danh sách cổ đông	32
4.5 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Techcombank, những công ty mà Techcombank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Techcombank	33
4.6 Hoạt động kinh doanh	35
4.7 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	72
4.8 Vị thế của Techcombank so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành.....	78
4.9 Chính sách đối với người lao động.....	89
4.10 Chính sách cổ tức	91
4.11 Tình hình hoạt động tài chính	91
4.12 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	94
4.13 Tài sản	128
4.14 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	131
4.15 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	135
4.16 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	136
4.17 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Techcombank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	136
V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	137
1. Loại chứng khoán.....	137

2. Mã chứng khoán	137
3. Mệnh giá	137
4. Tổng số chứng khoán niêm yết	137
5. Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức niêm yết	137
5.1 Phương pháp tính giá	139
5.2 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	141
5.3 Các loại thuế có liên quan	142
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT	144
VII. PHỤ LỤC	145

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

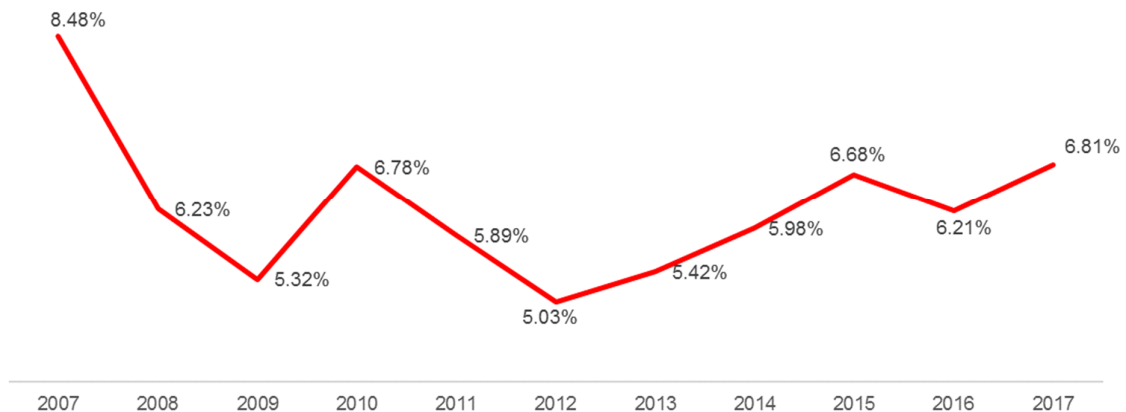
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1.1 Rủi ro về kinh tế

1.1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê (“GSO”) và Báo cáo của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2017 đạt mức 6,81% và cao hơn 0,6% so với năm 2016 nhờ sự cải thiện mạnh về tổng cung của nền kinh tế, trong đó khu vực dịch vụ đóng góp tỷ trọng lớn với kết quả tăng trưởng ấn tượng của hoạt động bán lẻ và ngành dịch vụ. Kế đến là ngành nông, lâm, thủy sản và khu vực công nghiệp – xây dựng. Bên cạnh đó, tổng cầu của nền kinh tế cũng được cải thiện đáng kể nhờ tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu tăng mạnh. Thặng dư thương mại năm 2017 đạt khoảng 2,5 tỷ USD, tuy nhiên cơ cấu xuất khẩu theo khu vực kinh tế tiếp tục phản ánh thực trạng thặng dư thương mại của Việt Nam phụ thuộc lớn vào khối doanh nghiệp FDI khi khu vực này tiếp tục có mức thặng dư thương mại cao.

Hình 1: Tăng trưởng GDP qua các năm, giai đoạn 2006 –2017



Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)

Theo dự báo của Quỹ Tiền tệ thế giới (“IMF”), kinh tế thế giới năm 2018 sẽ tăng trưởng cao hơn năm 2017 do khối các nước phát triển duy trì tăng trưởng ổn định, khối các nền kinh tế mới nổi tiếp tục có mức tăng trưởng cao hơn năm 2017. Trong bối cảnh này, với nền tảng kinh tế vĩ mô tương đối ổn định và những cải thiện mạnh mẽ về cơ chế chính sách liên quan đến cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh sẽ góp phần giúp Việt Nam tăng cường thu hút FDI, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nền kinh tế vẫn chứa đựng nhiều thách thức khi ổn định kinh tế chưa thực sự bền vững, phục hồi không đồng đều và tăng trưởng chủ yếu dựa vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài FDI. Chính vì thế Chính phủ cần ưu tiên tiếp tục chuyển đổi cơ cấu; cụ thể, tiếp tục cải cách nhằm

nâng cao ổn định cho hệ thống ngân hàng và xây dựng các thị trường vốn sâu hơn, cải thiện hiệu suất của khu vực DNNN và tạo thuận lợi cho một khu vực tư nhân năng động hơn và năng suất hơn.

Techcombank hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như sự tăng trưởng của Techcombank phụ thuộc nhiều vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong suốt 10 năm qua biến động khá mạnh và mặc dù nền kinh tế Việt Nam được dự đoán sẽ tăng trưởng trong các năm tiếp theo nhưng vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn và có thể làm cho nền kinh tế tăng trưởng chậm. Tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút có thể ảnh hưởng tới hoạt động, nhu cầu và khả năng chi trả cho dịch vụ tài chính của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp tại Việt Nam, qua đó tạo ra rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất... ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Techcombank. Sự giảm sút đó cũng có thể ảnh hưởng tới niềm tin của nhà đầu tư về kinh tế, thị trường tài chính Việt Nam và hoạt động của Techcombank.

Để hạn chế ảnh hưởng từ rủi ro giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế, Techcombank đã xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn dựa trên việc phân tích và xây dựng các kịch bản kinh tế, từ đó lựa chọn các lĩnh vực và phân khúc trọng tâm tăng trưởng bền vững hơn, ít chịu ảnh hưởng hơn từ các biến động kinh tế. Cụ thể là chiến lược của Techcombank tập trung vào các khoản vay ngắn hạn thay vì cho vay trung, dài hạn khó có thể điều chỉnh theo biến động kinh tế, đồng thời Techcombank chú trọng doanh thu phí từ các dịch vụ như thanh toán, thẻ... là các dịch vụ mà khách hàng luôn có nhu cầu kể cả trong điều kiện kinh tế khó khăn hơn. Trong quá trình triển khai chiến lược, Techcombank có bộ phận chuyên trách về kinh tế vĩ mô để không ngừng theo dõi, đánh giá và dự báo tình hình kinh tế, từ đó hạn chế tối đa những tác động tiêu cực đồng thời tận dụng lợi ích từ tăng trưởng kinh tế nói chung cũng như các chính sách và diễn biến kinh tế nói riêng của Việt Nam.

1.1.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng phát sinh từ việc khách hàng của Techcombank chậm hoặc không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi và các khoản phải trả khác theo cam kết. Nguyên nhân rủi ro tín dụng có thể là do kết quả kinh doanh sụt giảm của khách hàng dẫn đến khó khăn trong việc trả nợ, hoặc có thể do chủ ý lừa đảo của bên đi vay. Điều này ảnh hưởng đến khả năng thu hồi vốn, làm sụt giảm lợi nhuận và giá trị tài sản của Techcombank.

Để hạn chế rủi ro tín dụng, Techcombank đã xây dựng và triển khai hệ thống quản trị rủi ro xuyên suốt và hiệu quả. Trong đó, khẩu vị rủi ro tín dụng của Techcombank được xây dựng rõ ràng và thận trọng, hướng vào các phân khúc ít rủi ro hơn như khách hàng có thu nhập và khả năng trả nợ cao, các sản phẩm ít rủi ro hơn như cho vay thế chấp, cho vay ngắn hạn và các phân khúc ít tập trung rủi ro hơn như chuyển dịch từ cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn sang cho vay khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (Small, Medium Enterprise - "SME") và khách hàng cá nhân. Tính tới cuối năm 2017, gần 90% danh mục cho vay của

Techcombank là cho vay có tài sản đảm bảo với giá trị tài sản đảm bảo đạt hơn 200% giá trị dư nợ cho vay.

Techcombank cũng xây dựng hệ thống đánh giá rủi ro tín dụng nội bộ được áp dụng trong tất cả các bộ phận của Techcombank và cho phép Techcombank kiểm soát được chất lượng tín dụng của khách hàng. Đồng thời, Techcombank cũng xây dựng quy trình đánh giá chất lượng tín dụng và hệ thống cảnh báo sớm nhằm xác định sớm những thay đổi có thể xảy ra trong khả năng thanh toán của khách hàng. Đối với các khoản vay có diễn biến bất lợi về chất lượng nợ, bên cạnh việc tiến hành các thủ tục thu hồi nợ thông qua bộ phận chuyên trách thì Techcombank cũng chủ động trích lập dự phòng đầy đủ và kịp thời theo các quy định hiện hành. Nhờ đó, trong các năm vừa qua Techcombank vừa giữ được tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp theo quy định của NHNN (năm 2016: 1,57%, năm 2017: 1,61%), vừa là một trong số ít những ngân hàng đầu tiên đã trích lập, mua lại và xóa hoàn toàn các khoản nợ đã bán cho VAMC kể từ Quý I năm 2017 nhưng đồng thời vẫn liên tục nâng cao được tỷ lệ quỹ dự phòng trên giá trị nợ xấu để nâng cao hơn nữa mức độ an toàn của Ngân hàng. Techcombank luôn là một trong các tổ chức tín dụng được Moody's, S&P xếp hạng tín nhiệm cao nhất Việt Nam và ở mức trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia trong các năm vừa qua (Nguồn: Moody's, S&P, SBV).

1.1.3 Rủi ro lãi suất

Techcombank có thể phải gánh chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ cơ cấu dư nợ cho vay, sở hữu chứng khoán, gửi và nhận tiền gửi trên thị trường liên ngân hàng, và huy động vốn (từ doanh nghiệp và cá nhân). Khi lãi suất cho vay bình quân trên thị trường giảm, có thể Techcombank phải định giá lại các khoản vay dựa trên lãi suất cho vay cơ bản của mình, đồng thời điều chỉnh lãi suất tiền gửi để cân đối. Ảnh hưởng trên thực tế đối với thu nhập lãi do việc thay đổi lãi suất sẽ phụ thuộc vào mức độ và thời gian thay đổi lãi suất, hành vi của các bên và ngày định giá lại theo thỏa thuận đối với tài sản có và tài sản nợ của Techcombank và khả năng thích ứng đối với thay đổi lãi suất của các khoản vay liên ngân hàng. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") chỉ đang áp dụng trần lãi suất cho các khoản tiền huy động và cho vay ngắn hạn và chưa gây ảnh hưởng đáng kể tới Techcombank vì Ngân hàng không chủ trương cạnh tranh bằng lãi suất. Tuy nhiên, không có gì đảm bảo trong tương lai NHNN không điều chỉnh phạm vi áp dụng trần lãi suất. Lãi suất cơ bản do NHNN ấn định nếu ở mức thấp có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh của Techcombank.

Để quản trị rủi ro lãi suất, Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro ("ARCO") của Techcombank đã thiết lập các giới hạn về khoảng chênh lệch lãi suất huy động – cho vay cho các kỳ hạn và xây dựng hệ thống để cảnh báo khi gần đạt tới các giới hạn này. Techcombank cũng theo dõi giá trị chịu rủi ro của danh mục tài sản bằng cách sử dụng các mô hình dựa trên dữ liệu quá khứ để đánh giá thiệt hại tối đa có thể phát sinh đối với danh mục trong các kỳ hạn đã được xây dựng. Techcombank giám sát vị thế này hàng ngày và sử dụng các chiến lược phòng ngừa rủi ro để đảm bảo rằng vị thế của Techcombank được duy trì trong các giới hạn được xác định trước.

1.1.4 Rủi ro ngoại hối

Techcombank chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá hối đoái do một phần tài sản nợ và tài sản có của Techcombank được hạch toán bằng ngoại tệ, và do việc nắm giữ và giao dịch hối đoái và chứng khoán đầu tư, kể cả các công cụ phái sinh (như giao dịch hối đoái kỳ hạn, giao dịch hối đoái hoán đổi và giao dịch hối đoái quyền chọn) của Techcombank. Mặc dù Techcombank thực hiện nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro (hedging) để giảm thiểu rủi ro ngoại hối, các rủi ro liên quan đến ngoại hối vẫn có thể phát sinh nếu Techcombank không thể dự đoán được một cách chính xác ảnh hưởng của biến động tỷ giá hối đoái giữa Việt Nam đồng (“VND”) với Đô la Mỹ (“USD”) và các tiền tệ khác đối với doanh thu và lãi biên của Techcombank.

Ngoài ra, VND là đơn vị tiền tệ báo cáo của Techcombank. Biến động tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng khi các tài sản có và tài sản nợ bằng ngoại tệ của Techcombank được chuyển đổi thành VND nhằm mục đích báo cáo tài chính. Nếu VND tăng giá so với các ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ giảm (mặc dù giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng giảm). Ngược lại, nếu VND giảm giá so với các ngoại tệ, giá trị các tài sản có bằng ngoại tệ sẽ tăng (nhưng giá trị tài sản nợ bằng ngoại tệ cũng tăng). Vì vậy, biến động tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến điều kiện tài chính của Techcombank tùy theo trạng thái các tài sản có – tài sản nợ bằng ngoại tệ của Techcombank tại từng thời kỳ.

Để quản trị rủi ro ngoại hối, Techcombank đã đặt ra các giới hạn về vị thế đối với từng loại tiền tệ. Ví dụ như đối với vị thế USD, Techcombank đã xác định giới hạn của vị thế mở (Net Open Position) là 100 triệu USD, tức là thận trọng hơn so với mức quy định của NHNN là 165 triệu USD. Techcombank giám sát vị thế này của từng loại tiền tệ hằng ngày và thực hiện các chiến lược phòng ngừa rủi ro nhằm đảm bảo rằng vị thế nằm trong giới hạn được xác định.

1.1.5 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán (rủi ro thanh khoản) phát sinh trong quá trình huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Techcombank. Rủi ro tiềm tàng về tính thanh khoản luôn tồn tại trong hoạt động của các ngân hàng Việt Nam, kể cả Techcombank, do (i) chênh lệch kỳ hạn đáo hạn giữa vốn huy động từ tiền gửi và các khoản cho vay khách hàng; hoặc do (ii) khách hàng huy động rút trước khi đáo hạn, hoặc khách hàng vay không trả nợ đúng hạn. Do đặc tính thị trường nên tại Techcombank và các ngân hàng khác, tỷ trọng tiền gửi ngắn hạn và không kỳ hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng số tiền gửi của khách hàng. Tuy vậy, theo các nghiên cứu phân tích đánh giá, do thị trường Việt Nam còn thiếu các sản phẩm đầu tư thay thế nên tỷ lệ lớn các khoản tiền gửi ngắn hạn không bị rút trước thời hạn và thường quay vòng thêm một hoặc nhiều kỳ hạn. Do vậy, đây thực tế là một nguồn vốn huy động trung hạn ổn định của các ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Techcombank đã đa dạng hóa nguồn huy động, đồng thời từng bước giảm tỷ trọng cho vay trung dài hạn và tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn trong danh mục tài sản để đảm bảo tính thanh khoản cao cho bảng tài sản của Ngân hàng. Bên cạnh đó, Techcombank cũng thiết lập tỷ lệ nội bộ về Hệ số thanh khoản với các điều kiện chặt chẽ hơn

so với yêu cầu của NHNN. Ngoài ra, Techcombank đã đàm phán được với các tổ chức tín dụng khác để cấp cho Techcombank hạn mức tín dụng mà Techcombank có thể sử dụng để đảm bảo nhu cầu thanh toán khi cần thiết.

Techcombank cũng đã thành lập Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ và Có (“ALCO”) để theo dõi và quản lý rủi ro thanh khoản, xây dựng và vận hành các chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ và các kế hoạch dự phòng để kiểm soát rủi ro thanh khoản và đảm bảo an toàn vốn như đánh giá các dòng tiền dự kiến và các tài sản thế chấp có thể được sử dụng để bù đắp thiếu hụt thanh khoản. Hàng tháng, Techcombank thực hiện các bài kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản để đảm bảo hệ thống đủ khả năng vận hành trong trường hợp cần thiết.

1.1.6 Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Techcombank đưa ra các cam kết tài trợ cho khách hàng, và các cam kết không được ghi nhận là nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán (kể cả các chấp thuận thanh toán, bảo lãnh và thư tín dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng của khách hàng, v.v.) Techcombank có thể phải chịu rủi ro tín dụng trong các cam kết ngoại bảng của mình do các cam kết ngoại bảng này cần được thực hiện trong một số trường hợp nhất định. Nếu Techcombank không thể thu hồi được khoản thanh toán từ các khách hàng của mình liên quan đến các cam kết mà Techcombank đã thực hiện thì kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Techcombank có thể bị ảnh hưởng bất lợi.

Với khẩu vị rủi ro thận trọng, Techcombank đánh giá thư tín dụng và bảo lãnh là các hoạt động có rủi ro tín dụng tương tự như các khoản vay, và do đó đã áp dụng các biện pháp quản trị rủi ro tín dụng tương tự cho các hoạt động ngoại bảng (quản trị rủi ro tín dụng được mô tả ở mục 4.6.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn).

1.2 Rủi ro về pháp luật

Nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tăng trưởng nhanh chóng. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp luật và chính sách của Việt Nam vẫn chưa đồng bộ và ổn định như các nền kinh tế đã phát triển. Thêm vào đó, sự thay đổi trong chính sách hay trong cách hiểu và vận dụng pháp luật có thể dẫn đến những hậu quả không mong đợi mà có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đối với các doanh nghiệp trong nước.

Khung pháp lý và chính sách tác động đến nền kinh tế và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh và thương mại đã và đang được triển khai kể từ thời điểm bắt đầu chính sách “Đổi Mới” vào năm 1986 và hiện nay vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện. Trong những năm gần đây, mặc dù các văn bản pháp luật của Việt Nam đã được soạn thảo công phu, minh bạch hơn để các nhà đầu tư dễ tiếp cận, nhưng sự không rõ ràng của một số quy định trong các văn bản luật như Bộ Luật Dân Sự, Luật Thương Mại, Luật Chứng Khoán, Luật Đầu Tư và Luật Doanh Nghiệp và sự lệ thuộc của các luật này vào các văn bản hướng dẫn thi hành của Chính phủ và các bộ vẫn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

NHNN quản lý hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại và có khả năng tác động đến thị trường tài chính và ngân hàng nói chung. Bản chất và ảnh hưởng của các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của Techcombank và các thay đổi chính sách pháp luật, quy định và pháp lý này có thể ảnh hưởng bất lợi đến điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Techcombank.

Để hạn chế rủi ro này, Techcombank luôn chủ động cập nhật các văn bản pháp luật và phổ biến cho toàn thể các cán bộ công nhân viên. Techcombank đã xây dựng các quy trình, quy định để đảm bảo bộ phận phụ trách về Pháp chế của Ngân hàng tham gia và kiểm soát quá trình xây dựng và ban hành các quy trình, quy định, các chính sách, sản phẩm... mới nhằm đảm bảo hoạt động của Techcombank là tuân thủ với các quy định hiện hành, cập nhật nhất với các quy định dự kiến sẽ ban hành của pháp luật. Đồng thời, Techcombank cũng đã xây dựng hệ thống phòng thủ 3 cấp, trong đó các bộ phận Kiểm toán Nội bộ và Kiểm soát Tuân thủ hoạt động độc lập và theo mô hình, tiêu chuẩn tiên tiến trên thế giới để đảm bảo hiệu quả, qua đó giúp Techcombank hạn chế được các ảnh hưởng tiêu cực từ rủi ro này.

1.3 Rủi ro cạnh tranh

Cùng với sự phát triển về kinh tế, lĩnh vực ngân hàng cũng phát triển mạnh trên nhiều mặt nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính tốt nhất cho khách hàng. Điều này làm cho khách hàng được tiếp cận với các dịch vụ tài chính tốt nhất từ các ngân hàng, tuy nhiên cũng mang lại sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng với nhau như cạnh tranh về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, các chương trình nhằm thu hút khách hàng mới hoặc chăm sóc khách hàng cũ như giảm hoặc miễn phí giao dịch khi khách hàng thực hiện giao dịch, v.v. Chính những rủi ro này cũng có thể ảnh hưởng đến tình hình huy động vốn, cho vay của Techcombank. Tuy nhiên, Techcombank cũng có những lợi thế riêng biệt để hạn chế rủi ro trên như hệ sinh thái khách hàng rộng lớn – là những khách hàng, nhà cung cấp, đại lý, nhà phân phối của những khách hàng doanh nghiệp lớn như Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Vingroup, CTCP Tập đoàn Masan, Sun Group. Với việc sử dụng dịch vụ của Techcombank trong tất cả các giao dịch của khách hàng trong hệ sinh thái trên sẽ giúp cho Techcombank có được một lượng tiền gửi không kỳ hạn (“CASA”) lớn trong hệ thống. Điều này giúp cho Techcombank giảm chi phí huy động từ đó có lợi thế cạnh tranh so với các ngân hàng khác và tăng lợi nhuận từ hoạt động. Bên cạnh đó, với nền tảng hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, Techcombank đã dần tự động hóa các quy trình hoạt động, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ cho khách hàng. Chính điều này đã giúp cho Techcombank duy trì lượng khách hàng hiện tại cũng như tạo điều kiện cho Techcombank tiếp cận khách hàng mới. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 với tỷ lệ ROAE của Techcombank là 27,7% - cao nhất trong các ngân hàng thương mại cổ phần – đã khẳng định được vị thế của Techcombank trong ngành so với các ngân hàng khác.

1.4 Rủi ro khác

1.4.1 Rủi ro liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro (“QTRR”), chính sách và quy trình quản lý nội bộ

Mặc dù Techcombank là một trong những ngân hàng đặc biệt chú trọng việc áp dụng các chính sách và kỹ thuật QTRR trong hoạt động, việc có thể kiểm soát đầy đủ và bảo vệ Techcombank khỏi mọi rủi ro vẫn là một vấn đề khó khăn.

Để giảm thiểu các rủi ro này, Techcombank coi QTRR là một trong 3 nền tảng chính trong chiến lược của Ngân hàng. Ngân hàng đã tạo dựng văn hóa QTRR mạnh, và không ngừng đầu tư để hoàn thiện hệ thống QTRR và áp dụng các chuẩn mực tiêu chuẩn QTRR quốc tế. Techcombank là ngân hàng tiên phong áp dụng các phương pháp và chuẩn mực quản trị rủi ro tiên tiến tại Việt Nam như tập trung hóa hệ thống QTRR, triển khai Basel 2 và báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế IFRS. Năm 2016 Techcombank đã hoàn thành triển khai cách tiếp cận chuẩn hóa của Basel II - một chuỗi các cách tiếp cận rủi ro tín dụng và tập trung mới vào rủi ro vận hành, trong đó đề cập đến ba trụ cột: (i) yêu cầu vốn tối thiểu, (ii) rà soát giám sát và (iii) nguyên tắc thị trường - và tự nguyện đề xuất áp dụng chính thức vào năm 2019, tức là sớm hơn 1 năm so với quy định của NHNN. Techcombank cũng đang tiếp tục làm việc chặt chẽ với NHNN và các bên liên quan để tiếp tục triển khai các chuẩn mực cao hơn của Basel 2 trong thời gian tới, như cách tiếp cận xếp hạng nội bộ.

1.4.2 Rủi ro từ việc cho vay tập trung vào một số ngành nhất định

Cũng như đa số các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, Techcombank chú trọng tài trợ cho các ngành, khu vực kinh tế có tiềm năng phát triển trong từng thời kỳ và việc này dẫn đến khả năng phát sinh rủi ro tập trung vào một số nhóm ngành. Mặc dù Techcombank luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về giới hạn cho vay theo ngành, sự suy thoái của một số ngành kinh tế vẫn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Techcombank.

Techcombank giảm thiểu rủi ro này bằng cách lựa chọn thận trọng các ngành và khu vực kinh tế có tiềm năng ổn định, lâu dài, đồng thời chuyển dịch từ cho vay các doanh nghiệp lớn trong ngành sang cho vay các nhà cung cấp, nhà phân phối và khách hàng cá nhân trong ngành đó để phân tán rủi ro. Đối với từng khách hàng trong ngành, Techcombank cũng luôn đánh giá cẩn trọng khách hàng vay để lựa chọn chỉ cho vay các khách hàng có khả năng trả nợ tốt và có lịch sử giao dịch nhiều năm với Ngân hàng. Techcombank luôn đảm bảo được việc tuân thủ các hạn mức của NHNN quy định đối với việc cho vay tập trung theo ngành trong các năm gần đây.

1.4.3 Rủi ro từ tài sản đảm bảo

Hầu hết các khoản cho vay và các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp của Techcombank được bảo đảm bằng tài sản của bên đi vay hoặc bên thứ ba. Một thực tế ở Việt Nam là thủ tục xử lý tài sản bảo đảm có thể bị kéo dài và quá trình xử lý tài sản bảo đảm có thể gặp nhiều khó khăn. Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức

tín dụng được ban hành năm 2017 đã dần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các tổ chức tín dụng nói chung và Techcombank nói riêng trong việc giảm thiểu rủi ro từ tài sản đảm bảo. Nghị quyết này đã cho phép áp dụng nhiều chính sách mới (so với pháp luật hiện hành) về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, góp phần tạo lập cơ sở pháp lý thuận lợi hơn cho việc xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán nợ xấu.

Ngoài ra, để hạn chế rủi ro này thì Techcombank còn chú trọng cho vay với tài sản đảm bảo có tính thanh khoản cao, ví dụ như với các khoản vay mua nhà thì Techcombank tập trung cho vay mua nhà được bảo đảm bởi chính căn nhà được mua tại các dự án tốt của các doanh nghiệp bất động sản có uy tín. Đồng thời, Techcombank cũng thường xuyên đánh giá lại giá trị đối với các tài sản đảm bảo có giá trị lớn để đảm bảo giá trị của tài sản đảm bảo là cập nhật theo giá thị trường.

1.4.4 Rủi ro do thiếu thông tin về khách hàng tín dụng

Hiện nay, Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (“CIC”) đang thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin về các khách hàng của ngân hàng và là trung tâm cung cấp thông tin tín dụng chính thống duy nhất do NHNN thành lập. Tuy nhiên, do những hạn chế khách quan của trình tự cung cấp thông tin từ các ngân hàng thương mại (“NHTM”) cho CIC và trình tự cung cấp thông tin từ CIC cho các NHTM, Techcombank có thể không được cập nhật kịp thời và đầy đủ thông tin của một số khách hàng tổ chức cũng như cá nhân. Điều này có thể gây ảnh hưởng tới chất lượng thông tin nhằm đánh giá và lựa chọn các khách hàng tốt.

Để giảm thiểu rủi ro này, Techcombank đa dạng hóa nguồn thông tin, xây dựng các hệ thống thông tin nội bộ và tập trung cho vay các khách hàng đã có lịch sử giao dịch nhiều năm với Techcombank, và do đó Techcombank đã có sẵn thông tin về khách hàng. Techcombank cũng triển khai nhiều biện pháp khác như thành lập bộ phận chuyên trách để kiểm tra về việc sử dụng khoản vay của khách hàng đúng mục đích sau khi giải ngân.

1.4.5 Rủi ro từ việc phân loại nợ và dự phòng nợ xấu (“NPL”)

Techcombank đã áp dụng nguyên tắc cẩn trọng đối với hoạt động phân loại nợ và chính sách xử lý nợ xấu nhất quán với các quy định của NHNN. Từ tháng 6 năm 2014 đến nay, Techcombank cũng đã chủ động ước tính và xây dựng các kế hoạch tài chính dự toán theo các quy định của NHNN nhằm chủ động trước khả năng tăng tỷ lệ nợ xấu phải trích lập dự phòng rủi ro của Techcombank do tác động của Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/03/2014 do NHNN ban hành quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Bên cạnh việc triển khai phân loại và trích lập dự phòng nợ xấu theo các quy định của NHNN theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), Techcombank đã áp dụng Chuẩn mực báo cáo

tài chính quốc tế (“IFRS”) từ năm 2011. Điều này giúp cho việc phân loại nợ và trích lập dự phòng nợ xấu của Techcombank trở nên chính xác, phù hợp với bản chất của khoản nợ hơn. Techcombank là một trong số ít các ngân hàng tại Việt Nam rất tích cực trong việc trích lập dự phòng và xử lý nợ xấu. Techcombank là một trong 2 ngân hàng TMCP đầu tiên đã hoàn toàn trích lập, mua lại và xóa toàn bộ nợ xấu đã bán cho VAMC. Nhờ đó, tỷ lệ nợ xấu của Techcombank tại cuối năm 2017 là tỷ lệ nợ xấu thực, và ở mức 1,61% - thấp hơn nhiều so với mức 3% theo yêu cầu của NHNN. Cũng nhờ sự tích cực và thận trọng này mà sau khi sử dụng dự phòng để xóa toàn bộ nợ xấu đã bán cho VAMC, tỷ lệ quỹ dự phòng trên nợ xấu của Techcombank vẫn liên tục tăng trong 3 năm vừa qua (năm 2015, 2016 và 2017 lần lượt ở mức 63%, 67% và 73%).

1.4.6 Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin (“CNTT”)

Techcombank sử dụng hệ thống CNTT để thực hiện một số lượng lớn các nghiệp vụ, các giao dịch một cách chính xác và kịp thời, đồng thời lưu trữ và xử lý về cơ bản tất cả các dữ liệu liên quan đến công việc kinh doanh và các hoạt động của Techcombank. Việc ứng dụng hệ thống CNTT cho hoạt động kiểm soát tài chính, QTRR, phân tích tín dụng và báo cáo, hạch toán, kế toán, dịch vụ khách hàng và các hệ thống khác, cũng như các mạng lưới liên lạc giữa các chi nhánh của Techcombank và các trung tâm xử lý dữ liệu chính vận hành tốt có tính quyết định đối với hoạt động kinh doanh và năng lực cạnh tranh hiệu quả của Techcombank. Vì vậy, các hoạt động như đột nhập vào hệ thống mạng, vi phạm bảo mật dữ liệu cũng ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống CNTT, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của Ngân hàng.

Để hạn chế rủi ro từ hệ thống CNTT, Techcombank đã xây dựng một bộ phận chuyên trách về An ninh Thông tin để quản lý, phát hiện và xử lý các vấn đề về an ninh thông tin, chủ động xây dựng các giải pháp ngăn chặn và phản ứng phù hợp để đảm bảo sự an toàn và an ninh cho mọi giao dịch của khách hàng. Techcombank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam tiên phong trong việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế trong bảo mật giao dịch cho khách hàng như chuẩn mực PCI-DSS từ năm 2011, chuyển đổi việc phát hành thẻ quốc tế từ thẻ từ sang thẻ theo công nghệ Chip - EMV từ tháng 12/2011, thực hiện áp dụng bảo mật 3D secure từ đầu năm 2013.

Nhờ những nỗ lực đó, Techcombank luôn được đánh giá cao về an ninh thông tin tại Việt Nam. Techcombank là một trong 6 thành viên của Ban điều hành Mạng lưới ứng cứu sự cố an ninh công nghệ thông tin của NHNN, và thường xuyên được NHNN cũng như các cơ quan liên quan tham khảo ý kiến trong các vấn đề về an ninh thông tin.

1.4.7 Rủi ro bất khả kháng

Hoạt động của Techcombank còn chịu ảnh hưởng của các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, bãi công, đảo chính, chiến tranh, v.v... là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, phòng ngừa, dự kiến của Techcombank. Các rủi ro này, nếu xảy ra,

có thể sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh của Techcombank.

Nhằm giảm thiểu các rủi ro này, Techcombank đã xây dựng các kế hoạch đảm bảo liên tục hoạt động (“BCP”) để hạn chế thiệt hại và duy trì hoạt động trong trường hợp có sự cố. Ngoài ra, Ngân hàng cũng đã mua bảo hiểm hoạt động theo nhiều lớp để đảm bảo được bảo vệ một cách toàn diện khi có bất khả kháng xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

2.1 Tổ chức niêm yết

- Ông: Hồ Hùng Anh Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông: Hoàng Huy Trung Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông: Nguyễn Lê Quốc Anh Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Bà: Bùi Thị Khánh Vân Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2.2 Tổ chức tư vấn

- Đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hải
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“VCSC”) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cung cấp tại thời điểm tham gia lập Bản cáo bạch.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

▪ Tổ chức niêm yết	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
▪ Techcombank/ TCB	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
▪ Công ty tư vấn/ Tổ chức tư vấn/ VCSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
▪ Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Techcombank về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán
▪ Điều lệ	Điều lệ của Techcombank đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam thông qua ngày 03/03/2018
▪ Vốn điều lệ	Là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập của Techcombank
▪ Bộ Luật Dân Sự	Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015
▪ Cổ phiếu	do Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
▪ Luật Chứng Khoán	Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006 như được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Chứng Khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010
▪ Luật Doanh Nghiệp	Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
▪ Luật Đầu Tư	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 như được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa Đổi, Bổ Sung Điều 6 Và Phụ Lục 4 Về Danh Mục Ngành, Nghề Đầu Tư Kinh Doanh Có Điều Kiện Của Luật Đầu Tư ngày 22 tháng 11 năm 2016
▪ Luật Các Tổ chức Tín Dụng	Luật Các Tổ Chức Tín Dụng số 47/2010/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2010 như được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa Đổi,

Bổ Sung Một Số Điều Của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017

- Luật Thương Mại Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005


Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

▪ BCTC	Báo cáo tài chính
▪ BKS	Ban Kiểm soát
▪ CP	Cổ phần
▪ Chi nhánh	Các chi nhánh, điểm giao dịch và văn phòng đại diện của Techcombank
▪ Chỉ số P/E	Price/ Earning: là chỉ số giá trị thị trường trên thu nhập của mỗi cổ phiếu
▪ Chỉ số P/B	Price to Book: là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu so với giá trị ghi sổ của cổ phiếu đó
▪ ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
▪ ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
▪ EPS	Earning Per Share: là lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu $EPS = (\text{Lợi nhuận ròng} - \text{Cổ tức cổ phiếu ưu đãi}) / \text{Lượng cổ phiếu bình quân đang lưu thông}$
▪ GCN/ Giấy CN	Giấy chứng nhận
▪ HĐQT	Hội đồng Quản trị
▪ HSX / HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
▪ KTT	Kế toán trưởng
▪ LNTT	Lợi nhuận trước thuế
▪ TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
▪ TSCĐ	Tài sản cố định
▪ UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
▪ NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
▪ QTRR	Quản trị rủi ro

▪ ROA	Hệ số LNST / Tổng tài sản bình quân
▪ ROAE	Tỷ lệ LNST / Vốn chủ sở hữu bình quân
▪ USD	Đô La Mỹ
▪ Vốn CSH	Vốn chủ sở hữu
▪ VĐL	Vốn điều lệ
▪ VND	Đồng Việt Nam
▪ WB	Wholesale Banking – Khối Ngân hàng Bán buôn của Techcombank
▪ BB	Business Banking – Khối Ngân hàng Doanh nghiệp của Techcombank
▪ PFS	Personal Financial Services – Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân của Techcombank
▪ Affluent	Khách hàng cá nhân có thu nhập hộ gia đình hàng năm trên 1 tỷ VNĐ
▪ Mass Affluent	Khách hàng cá nhân có thu nhập hộ gia đình hàng năm từ 200 triệu tới 1 tỷ VNĐ
▪ SME	Small, Medium Enterprise – doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới 600 tỷ VNĐ
▪ USME	Upper SME – doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 200 tới 600 tỷ VNĐ
▪ BBC	Business Banking Center – Trung tâm Kinh doanh Khách hàng Doanh nghiệp
▪ HSBC	Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải
▪ Bancassurance	Ngân hàng cung cấp các sản phẩm của công ty bảo hiểm cho khách hàng thông qua mạng lưới của ngân hàng
▪ T24	Hệ thống ngân hàng lõi (core banking) do Temenos cung cấp và được sử dụng tại Techcombank
▪ CMS	Card Management System – hệ thống quản lý thẻ
▪ CRM	Customer Relationship Management – hệ thống quản lý quan hệ khách hàng
▪ PCI-DSS	Payment Card Industry Data Security Standard – một tiêu chuẩn an ninh thông tin cho lưu trữ, truyền tải và xử lý thẻ thanh toán do Hội đồng Tiêu chuẩn Bảo mật (do các thành viên như Visa, MasterCard, American Express, Discover và JCB sáng lập) quy định

- POS Point of Sale – điểm bán hàng
-

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**4.1 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****4.1.1 Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết**

- Tên Công ty: **NGÂN HÀNG THƯƠNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM**
- Tên Tiếng Anh: **VIETNAM TECHNOLOGICAL AND COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
- Tên viết tắt: **TECHCOMBANK**
- Trụ sở: 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: +84 (0243) 944 6368
- Fax: +84 (0243) 944 6395
- Website: www.techcombank.com.vn
- Giấy CN ĐKDN: số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 49 ngày 28/12/2017
- Giấy phép hoạt động: số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/08/1993
- Vốn điều lệ đăng ký: 11.655.307.200.000 đồng (Mười một ngàn sáu trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, hai trăm ngàn đồng)
- Vốn điều lệ thực góp: 11.655.307.200.000 đồng (Mười một ngàn sáu trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, hai trăm ngàn đồng)
- Logo: 

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng Anh – Chủ tịch HĐQT

Ngành nghề kinh doanh: Căn cứ Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 49 ngày 28/12/2017, ngành nghề kinh doanh của Techcombank như sau:

Bảng 1: Danh sách ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).	6499
2.	Hoạt động trung gian tiền tệ khác:	6419 (Chính)
	a. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;	
	b. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: a) Cho vay; b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; c) Bảo lãnh ngân hàng; d) Phát hành thẻ tín dụng; đ) Bao thanh toán trong nước;	
	c. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;	
	d. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: a) Cung ứng phương tiện thanh toán; b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;	
	e. Mở tài khoản: a) Mở tài khoản tại NHNN; b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;	
	f. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;	
	g. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;	
	h. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;	
	i. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;	
	j. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;	
	k. Dịch vụ môi giới tiền tệ;	
	l. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật Chứng Khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN;	
	m. Vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân	

STT	Tên ngành	Mã ngành
	hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của NHNN;	
n.	Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;	
o.	Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;	
p.	Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;	
q.	Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định;	
r.	Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN;	
s.	Lưu ký chứng khoán;	
t.	Kinh doanh mua, bán vàng miếng;	
u.	Mua nợ;	
v.	Ví điện tử; và	
w.	Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.	

Nguồn: Giấy phép hoạt động của Techcombank số 38/GP-NHNN do NHNN cấp ngày 06/03/2018

4.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Techcombank

- **Ngày 27/09/1993:** Techcombank được thành lập dưới hình thức ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam với vốn điều lệ là 20 tỷ đồng, hoạt động theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0040/NH-GP do NHNN cấp ngày 06 tháng 08 năm 1993 với thời hạn hoạt động ban đầu là 20 năm, sau đó được tăng lên 99 năm tính từ ngày 08 tháng 10 năm 1997 theo Quyết Định số 330/QĐ-NH5 của NHNN
- **Năm 1994:** Khai trương chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, bắt đầu việc mở rộng mạng lưới của Techcombank ra các khu vực đô thị chính
- **Năm 2001:** Hợp tác với Temenos, nhà cung cấp phần mềm ngân hàng hàng đầu thế giới, để triển khai phần mềm ngân hàng GLOBUS - Techcombank trở thành ngân hàng trong nước đầu tiên thực hiện giải pháp ngân hàng lõi toàn cầu

- **Năm 2003:**
 - ✓ Triển khai thành công phần mềm Globus trên toàn hệ thống vào ngày 16 tháng 12 năm 2003
 - ✓ Bắt đầu phát hành thẻ F@st Access, đây là sản phẩm thẻ ghi nợ đầu tiên của Techcombank
- **Năm 2004:**
 - ✓ Khai trương biểu trưng mới của Techcombank
 - ✓ Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000: 2000 được chứng nhận bởi BVQI. Là một trong số ít ngân hàng áp dụng hệ thống này để nâng cao chất lượng hoạt động
- **Năm 2005:**
 - ✓ Nâng cấp hệ thống phần mềm Globus sang phiên bản mới nhất Temenos T24R05
 - ✓ Techcombank là một trong bảy ngân hàng đầu tiên được VISA lựa chọn là đơn vị phát hành thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán VISA ở Việt Nam
 - ✓ Ký kết hợp đồng cổ đông chiến lược với Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải (“HSBC”) dẫn đến việc HSBC trở thành cổ đông nắm giữ 10% vốn điều lệ của Techcombank
- **Năm 2006:**
 - ✓ Ra mắt thẻ thanh toán quốc tế Techcombank Visa
 - ✓ Tiếp tục phát triển thêm các hệ thống CNTT với việc giới thiệu hệ thống quản lý thẻ và chuyển đổi thẻ mới sử dụng công nghệ Compass Plus; hoàn thành nâng cấp và trở thành ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam sử dụng hệ thống ngân hàng lõi phiên bản này)
 - ✓ Là ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên của Việt Nam được tổ chức định mức tín nhiệm quốc tế Moody’s xếp hạng tín nhiệm B1
 - ✓ Techcombank đã bắt đầu cung cấp các sản phẩm bảo hiểm thông qua sự hợp tác với Bảo hiểm Bảo Việt.
- **Năm 2007:**
 - ✓ Đạt được thỏa thuận với HSBC để tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của HSBC tại Techcombank từ 10% lên 15%
 - ✓ Nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi lên phiên bản T24R06
 - ✓ Là ngân hàng đầu tiên và duy nhất của Việt Nam được Financial Insights công nhận thành tựu về ứng dụng công nghệ đi đầu trong giải pháp phát triển thị trường
 - ✓ Triển khai chương trình “Khách hàng bí mật” đánh giá chất lượng dịch vụ của các giao dịch viên và điểm giao dịch của Techcombank
 - ✓ Techcombank triển khai ngân hàng trực tuyến (“internet banking”)
 - ✓ Techcombank đăng ký Công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- **Năm 2008:**
 - ✓ Ra mắt thẻ tín dụng Techcombank Visa Credit
 - ✓ Triển khai hàng loạt dự án hiện đại hóa công nghệ như: nâng cấp hệ thống phần mềm ngân hàng lõi lên phiên bản T24R07, gia nhập hai liên minh thẻ lớn nhất trong hệ thống thẻ ngân hàng Việt Nam là Smartlink và BankNet, kết nối hệ thống ATM với hệ thống của đối tác chiến lược HSBC, triển khai số Dịch Vụ Khách Hàng Miễn Phí (hỗ trợ 24/7) 1800 588 822
 - ✓ Thành lập các Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài Sản Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank AMC”), Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (“Techcom Securities”) và Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ Thương (“Techcom Capital”)
 - ✓ Tăng tỷ lệ sở hữu của đối tác chiến lược HSBC từ 15% lên 19,4% và tăng vốn điều lệ lên 3.165 tỷ đồng
 - ✓ Techcombank đã tung ra hai thẻ VISA cùng nhãn hiệu với hãng hàng không quốc gia hàng đầu của Việt Nam – và là một trong số những thẻ đồng thương hiệu đầu tiên ở Việt Nam
- **Năm 2009:** Xây dựng và triển khai chiến lược giai đoạn 2009-2014 với sự tư vấn của McKinsey
- **Năm 2012:** Techcombank hợp tác với Prudential và Manulife để phân phối các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ
- **Năm 2013:**
 - ✓ Ra mắt hội sở mới tại miền Nam nằm tại trung tâm TP. HCM
 - ✓ Techcombank đã triển khai hệ thống thanh toán số đầu tiên tại Việt Nam để đáp ứng Tiêu chuẩn PCI-DSS
 - ✓ Techcombank triển khai chương trình “Hành trình văn hóa doanh nghiệp” thông qua chương trình “We Act” – tập trung vào việc phát triển nguồn nhân lực và lãnh đạo
- **Năm 2014:** Ra mắt ứng dụng mobile banking F@st Mobile với dịch vụ chuyển tiền qua mạng xã hội. Techcombank trở thành ngân hàng đầu tiên giới thiệu dịch vụ tân tiến này tới khách hàng, đánh dấu một bước ngoặt mới trong việc chuyển và nhận tiền cũng như thanh toán các giao dịch trực tuyến trên thị trường Việt Nam
- **Năm 2015:**
 - ✓ Mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Hoá chất Việt Nam và đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Kỹ Thương (“TechcomFinance”) (tháng 6/2015)
 - ✓ Ký thoả thuận hợp tác toàn diện với Vietnam Airlines (tháng 8/2015). Thoả thuận hợp tác toàn diện lần này là bước tiến mới trong quan hệ hợp tác sâu rộng đã có trong hơn 16 năm qua giữa hai bên. Theo đó, Vietnam Airlines và Techcombank đồng ý đẩy

mạnh hợp tác toàn diện, lâu dài, có hiệu quả, cùng có lợi trên nhiều lĩnh vực và sử dụng dịch vụ của nhau, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, tạo hiệu quả kinh doanh, tăng vị thế và sức cạnh tranh của hai bên

- **Năm 2016:** Xây dựng và triển khai chiến lược 2016-2020 với tầm nhìn trở thành ngân hàng số 1 và doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2020 với giá trị thị trường vượt 10 tỷ USD, nắm giữ trên 10% thị phần doanh thu trong các phân khúc trọng tâm mà Techcombank đã lựa chọn, tốc độ tăng trưởng Tổng thu nhập hoạt động hàng năm trên 30% và tỷ lệ thu nhập thuần từ phí dịch vụ chiếm trên 30% Tổng thu nhập hoạt động
- **Năm 2017:**
 - ✓ Techcombank mua lại cổ phần sở hữu của đối tác chiến lược HSBC
 - ✓ Techcombank công bố hợp đồng bancassurance độc quyền 15 năm với Manulife
- **Năm 2018**
 - ✓ Ngày 09/01/2018: Techcombank được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán thay đổi lần thứ 2 số 188/2016/GCNCP-VSD-2, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 1.165.530.720 cổ phiếu
 - ✓ Techcombank đã thực hiện thoái vốn tại Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Kỹ Thương (“TechcomFinance”)

4.1.3 Quá trình tăng vốn điều lệ của Techcombank

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Techcombank tại ngày 27/09/1993 là 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ Techcombank là 11.655.307.200.000 đồng (Mười một ngàn sáu trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, hai trăm ngàn đồng). Quá trình tăng vốn điều lệ của Techcombank như sau:

Bảng 2: Tóm tắt các đợt tăng vốn

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm	Đợt phát hành	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
1993			20.000.000	20.000.000	Cổ đông sáng lập + cổ đông thường góp vốn thành lập Techcombank	NHNN
1995	1	20.000.000	31.495.000	51.495.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
1996	2	51.495.000	18.505.000	70.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	3	70.000.000	10.020.000	80.020.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2001	4	80.020.000	5.230.000	85.250.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN

Năm	Đợt phát hành	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
	5	85.250.000	17.095.000	102.345.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2002	6	102.345.000	2.090.000	104.435.000	Ngân hàng TMCP Nông thôn Hải Phòng sáp nhập vào Techcombank	NHNN
	7	104.435.000	5.385.000	109.820.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	8	109.820.000	8.050.000	117.870.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	9	117.870.000	10.110.000	127.980.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2003	10	127.980.000	52.020.000	180.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	11	180.000.000	22.190.000	202.190.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2004	12	202.190.000	31.950.000	234.140.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	13	234.140.000	18.115.000	252.255.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	14	252.255.000	7.745.000	260.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	15	260.000.000	88.705.000	348.705.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	16	348.705.000	63.995.000	412.700.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	17	412.700.000	40.375.000	453.075.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	NHNN
2005	18	453.075.000	45.130.000	498.205.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	19	498.205.000	4.870.000	503.075.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	20	503.075.000	52.820.000	555.895.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	NHNN
	21	555.895.000	61.765.000	617.660.000	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho HSBC	NHNN
	22	617.660.000	213.235.000	830.895.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông	NHNN
2006	23	830.895.000	669.105.000	1.500.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên	NHNN
	24	1.500.000.000	250.798.360	1.750.798.360	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho HSBC Phát hành cổ phiếu thưởng cho	NHNN, UBCKNN

Năm	Đợt phát hành	Giá trị vốn trước phát hành	Giá trị vốn tăng thêm	Mức vốn điều lệ sau khi tăng	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2008					cổ đông hiện hữu Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN
	25	1.750.798.360	11.000.000	1.761.798.360	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	
	26	1.761.798.360	759.509.590	2.521.307.950	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên	
	27	2.521.307.950	434.973.170	2.956.281.120	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	
	28	2.956.281.120	208.954.590	3.165.235.710	Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho HSBC	
	2009	29	3.165.235.710	476.779.000	3.642.014.710	
30		3.642.014.710	695.000.000	4.337.014.710	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	
31		4.337.014.710	1.063.402.000	5.400.416.710	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	
2010	32	5.400.416.710	1.531.767.000	6.932.183.710	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	NHNN, UBCKNN
2011	33	6.932.183.710	1.855.895.000	8.788.078.710	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	NHNN, UBCKNN
2012	34	8.788.078.710	60.000.000	8.848.078.710	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	NHNN, UBCKNN
2013	35	8.848.078.710	30.000.000	8.878.078.710	Phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên	NHNN, UBCKNN
	36	8.878.078.710	700.000.000	9.578.078.710	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	NHNN, UBCKNN
2017	37	9.578.078.710	2.077.228.490	11.655.307.200	Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành năm 2010	NHNN, UBCKNN

Nguồn: Techcombank

4.2 Cơ cấu tổ chức

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và Luật Các Tổ chức Tín Dụng. Các hoạt động của Techcombank tuân thủ Luật Doanh nghiệp,

Luật Các Tổ chức Tín Dụng và Điều lệ Techcombank đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng tại thời điểm 31/03/2018 như sau:

Hình 2: Sơ đồ tổ chức của Techcombank



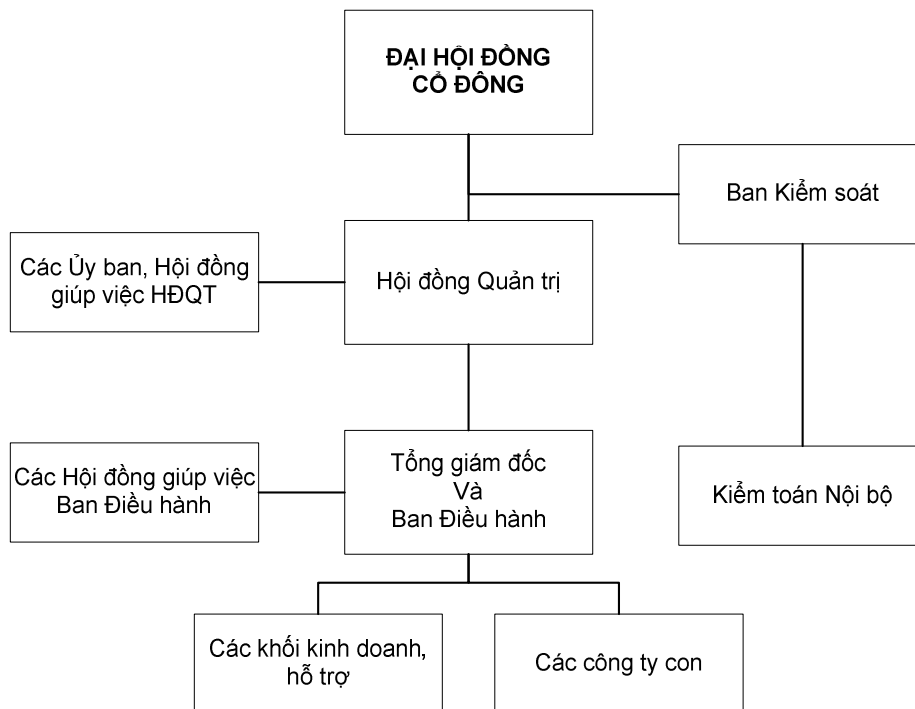
Nguồn: Techcombank

Techcombank hiện có ba công ty con. Chi tiết về các công ty con được trình bày ở phần 5.2 Bản cáo bạch này.

4.3 Cơ cấu bộ máy quản lý của Techcombank

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định trong Điều lệ Techcombank.

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Techcombank



Nguồn: Techcombank

4.3.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định những vấn đề quan trọng của Techcombank theo quy định tại Luật Các Tổ Chức Tín Dụng, Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ. ĐHĐCĐ có quyền thông qua định hướng phát triển của Techcombank, và bầu, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT và BKS của Techcombank và thực hiện các quyền hạn khác. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ được triệu tập hàng năm chủ yếu bởi HĐQT và có thể được triệu tập bất thường trong một số trường hợp đặc biệt.

4.3.2 Hội Đồng Quản Trị

HĐQT của Techcombank là cơ quan quản trị Techcombank với các thành viên được bầu bởi ĐHĐCĐ. HĐQT có vai trò và trách nhiệm giám sát và đưa ra những quyết định chủ chốt liên quan đến tài chính và vận hành, cũng như đặt ra chiến lược quản trị rủi ro dựa trên đề xuất của Ban Điều Hành nhằm đạt được những mục tiêu chiến lược của Techcombank, hướng đến thành công lâu dài của Techcombank và mang đến những giá trị bền vững cho khách hàng.

Techcombank thành lập 4 hội đồng/ủy ban giúp việc cho HĐQT, bao gồm:

- Ủy Ban Thường Trực Hội Đồng Quản Trị (“UBTT HĐQT”): UBTT HĐQT gồm 6 thành viên. UBTT HĐQT là cơ quan được HĐQT thành lập để đại diện cho HĐQT hỗ trợ Ban Điều Hành ra quyết định kịp thời đối với những hoạt động kinh doanh quan trọng phát sinh giữa các kỳ họp chính thức của HĐQT.
- Ủy Ban Kiểm Toán Và Rủi Ro (“ARCO”): ARCO gồm 7 thành viên. ARCO là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động ngân hàng.
- Ủy Ban Nhân Sự Và Lương Thưởng (“NORCO”): NORCO gồm 7 thành viên. NORCO là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến nhân sự lãnh đạo cao cấp và thực hiện thông qua các nguyên tắc, chính sách và quy định nội bộ về nhân sự và lương thưởng của Techcombank theo phân công và/hoặc ủy quyền của HĐQT.
- Hội Đồng Chuyển Đổi (“TECO”): TECO gồm 3 thành viên. TECO là cơ quan được HĐQT thành lập nhằm tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến định hướng triển khai Chương trình chuyển đổi toàn ngân hàng giai đoạn 2016-2020 với tầm nhìn trở thành ngân hàng số 1 và doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam vào năm 2020 với giá trị thị trường vượt 10 tỷ USD, nắm giữ trên 10% thị phần doanh thu trong các phân khúc trọng tâm mà Techcombank đã lựa chọn, tốc độ tăng trưởng Tổng thu nhập hoạt động hàng năm trên 30% và tỷ lệ thu nhập thuần từ phí dịch vụ chiếm trên 30% Tổng thu nhập hoạt động.

4.3.3 Ban Kiểm soát

BKS do ĐHCĐ của Techcombank bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm. BKS giám sát HĐQT để bảo đảm là HĐQT thực hiện công việc vì lợi ích cao nhất của cổ đông của Techcombank theo các quy tắc và quy định hiện hành.

Techcombank đã thành lập bộ phận Kiểm toán Nội bộ trực thuộc BKS nhằm lập kế hoạch và tiến hành việc kiểm toán nội bộ thường xuyên và bất thường nhằm theo dõi công tác kiểm soát nội bộ, tuân thủ và QTRR, báo cáo các phát hiện và các vụ việc cần phải áp dụng biện pháp khắc phục cho BKS.

4.3.4 Ban Điều hành

Ban Điều hành quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày của Techcombank. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và thuộc danh sách dự kiến đã được Thống Đốc NHNN chấp thuận.

Techcombank thành lập 4 hội đồng giúp việc cho Ban Điều hành, bao gồm:

- **Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ Và Có (“ALCO”)**: ALCO là đầu mối phụ trách đối với các vấn đề liên quan đến việc quản trị bảng cân đối kế toán. ALCO thực hiện giám sát chặt chẽ và định hướng cho cơ cấu tài chính của Techcombank, và đồng thời là một cấu phần không thể tách rời của bộ khung tổng thể về quản trị vốn và rủi ro. Mục tiêu của ALCO là nhằm kiểm soát các rủi ro ảnh hưởng đến bảng cân đối bao gồm rủi ro thanh khoản, nguồn vốn, lãi suất và tỷ giá. ALCO đánh giá môi trường bên ngoài, nhận định xu hướng để xác định môi trường tương lai thích hợp nhất cho kế hoạch dài hạn của bảng cân đối, và xem xét các tình huống căng thẳng.
- **Hội Đồng Tín Dụng Cao Cấp (“HĐTĐCC”)**: HĐĐCC bao gồm các chuyên gia phê duyệt tín dụng cấp A và một số chuyên gia phê duyệt tín dụng cấp B nhằm tập hợp phát huy trí tuệ, kiến thức của tập thể để tăng cường chất lượng phê duyệt với những hồ sơ cấp tín dụng có giá trị lớn của Techcombank. HĐĐCC thực hiện chức năng, nhiệm vụ phê duyệt cấp mức/hạn mức tín dụng mới, giải ngân, phát hành bảo lãnh, L/C, chiết khấu, bao thanh toán, phê duyệt điều chỉnh về nội dung, điều kiện cấp tín dụng của các khoản tín dụng đã được phê duyệt và các vấn đề khác liên quan đến việc cấp tín dụng, v.v. thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐĐCC.
- **Hội Đồng Đầu Tư Tài Chính (“HĐĐTTC”)**: HĐĐTTC bao gồm một số thành viên do HĐQT bổ nhiệm, bãi nhiệm. Nhiệm vụ của HĐĐTTC là chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư tài chính của toàn hệ thống Techcombank; chỉ đạo phê duyệt các hoạt động đầu tư tài chính của hệ thống Techcombank trong phạm vi thẩm quyền được phân công, ủy quyền; báo cáo, đề xuất HĐQT điều chỉnh kế hoạch đầu tư tài chính phù hợp với thực trạng và/hoặc báo cáo tình hình hoạt động đầu tư tài chính, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính; chỉ đạo thực hiện các hoạt động đầu tư theo thẩm quyền và/hoặc theo nghị quyết của HĐQT, ĐHCĐ; chỉ đạo Tổng Giám đốc và các công ty con xây dựng, hoàn thiện và tuân thủ quy định/quy trình thủ tục về đầu tư tài

chính và quản lý giới hạn/trạng thái đầu tư tài chính đảm bảo an toàn, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật. Quyền hạn của HĐQTTC là phê duyệt các hoạt động đầu tư tài chính theo phân cấp ủy quyền.

- **Hội Đồng Kế Hoạch Đầu Tư Dự Án (“PIPC”)**: PIPC là một hội đồng được thành lập nhằm thực hiện chức năng và nhiệm vụ về các hoạt động đầu tư dự án nội bộ của Techcombank: chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư dự án của Techcombank; chỉ đạo thực hiện hoạt động đầu tư dự án theo thẩm quyền và/hoặc theo nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ; đánh giá giám sát công tác triển khai dự án thực hiện dừng hoặc kiến nghị dừng (nếu dự án do HĐQT phê duyệt) nếu các dự án vi phạm nguồn lực, vi phạm ngân sách theo những phê duyệt ban đầu; chỉ đạo Ban Điều Hành hoàn thiện và tuân thủ quy định/quy trình thủ tục về đầu tư dự án và quản lý sử dụng nhằm đảm bảo minh bạch, an toàn, hiệu quả phù hợp quy định pháp luật, v.v.. PIPC bao gồm các thành viên là Tổng Giám đốc hoặc thành viên HĐQT được HĐQT phê duyệt trong từng thời kỳ, Ban Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng, và các thành viên khác do Chủ tịch PIPC quyết định trong từng trường hợp cụ thể.

4.3.5 Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị

Bảng 3: Chức năng nhiệm vụ chính của các đơn vị

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
1	Khối Ngân hàng Bán buôn	Xây dựng, tổ chức, triển khai và thực thi toàn bộ chiến lược phát triển khách hàng phân khúc ngân hàng bán buôn (khách hàng doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 600 tỷ VNĐ trở lên) của Techcombank
2	Khối Ngân hàng Doanh nghiệp	Xây dựng, tổ chức, triển khai và thực thi toàn bộ chiến lược phát triển khách hàng phân khúc ngân hàng doanh nghiệp (khách hàng doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 600 tỷ VNĐ trở xuống) của Techcombank
3	Khối Dịch vụ Tài chính và Ngân hàng Cá nhân	Xây dựng, tổ chức, triển khai và thực thi toàn bộ chiến lược phát triển khách hàng phân khúc ngân hàng bán lẻ (khách hàng cá nhân) của Techcombank
4	Khối Ngân hàng Giao dịch	Tư vấn và cung cấp các sản phẩm Quản lý dòng tiền, Tài trợ thương mại cho khách hàng để thu phí dịch vụ và lãi suất trên số dư huy động vãng lai
5	Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính	Tư vấn và cung cấp các sản phẩm môi giới tiền tệ, các hoạt động liên quan đến sàn giao dịch hàng hóa cho khách hàng để thu phí dịch vụ; Thực hiện các hoạt động tự doanh trên các thị trường bao gồm ngoại hối, lãi suất, hàng hóa, kinh doanh trái phiếu và các sản phẩm phái sinh; Quản lý bảng cân đối của toàn hàng và trạng thái thanh khoản trong phạm vi ALCO cho phép

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
6	Khối Bảo hiểm	Phối hợp với các khối liên quan để cung cấp sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ qua mạng lưới phân phối của Ngân hàng; cung cấp sản phẩm của Ngân hàng cho các công ty bảo hiểm; Quản lý việc bảo hiểm các rủi ro cho Ngân hàng để giảm thiểu thiệt hại có thể phát sinh
7	Khối Bán hàng và Kênh phân phối	Quản lý mạng lưới (chi nhánh, phòng giao dịch, ATM, e-channel và kênh bán hàng qua đối tác) để trực tiếp cung cấp sản phẩm, dịch vụ tới khách hàng
8	Khối Quản trị Rủi ro	Quản trị rủi ro, thẩm định, phê duyệt và kiểm soát chất lượng tín dụng toàn hệ thống, xây dựng và triển khai các chính sách, công cụ, phương thức, chiến lược hành động nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng, thị trường và hoạt động
9	Khối Vận hành và CNTT	Xây dựng, triển khai, duy trì, quản lý và kiểm soát hạ tầng CNTT và các giải pháp CNTT phục vụ cho hoạt động của toàn hệ thống Techcombank và khách hàng; Xây dựng, triển khai, quản lý và kiểm soát các hoạt động vận hành và xử lý nghiệp vụ tập trung tại Hội sở; Quản lý và kiểm soát các hoạt động vận hành tại chi nhánh; Tổ chức và thực hiện các hoạt động phân tích và cải tiến chất lượng hỗ trợ các đơn vị để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ
10	Khối Tiếp thị và Truyền thông	Xác định các phân khúc khách hàng ưu tiên và cơ hội kinh doanh, xây dựng và triển khai các kế hoạch tiếp thị phù hợp; Quản lý thương hiệu của Ngân hàng; Quản lý chung về truyền thông cho cán bộ nhân viên và truyền thông đối ngoại; Quản lý chung về quy trình phát triển sản phẩm; Quản lý chung về chất lượng dịch vụ khách hàng
11	Khối Tài chính Kế hoạch	Quản trị hoạt động kinh doanh tập đoàn và quản lý bảng cân đối tài sản, nguồn vốn; Quản lý, thực hiện kế toán tài chính, chính sách tài chính và thuế tập trung; Định hướng, xây dựng kế hoạch kinh doanh; kiểm soát và phân tích hiệu quả tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của các khối kinh doanh; Quản lý điều hành công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ tập trung phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng
12	Khối Quản trị Nguồn nhân lực	Thu hút, lựa chọn, quản lý, đào tạo, phát triển nhân tài và quan hệ lao động; Tổ chức và quản lý nhân sự toàn hệ thống TCB và các đơn vị trực thuộc; Tư vấn và cung cấp các giải pháp quản trị nguồn nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức và cá nhân, tăng sự cam kết và gắn bó của nhân viên với tổ chức, nâng cao hiệu quả tổ chức

STT	Bộ phận	Chức năng/ Nhiệm vụ chính
13	Khối Kiểm soát Tuân thủ và Pháp chế	Đảm bảo sự tuân thủ luật pháp và các quy định trong ngân hàng trong mọi hoạt động của Ngân hàng; Đảm bảo tối đa quyền và lợi ích của Techcombank trên phương diện pháp lý
14	Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng	Xây dựng, triển khai và cập nhật tầm nhìn, chiến lược, mô hình kinh doanh, mô hình tài chính của toàn Ngân hàng; Hỗ trợ, phối hợp với các đơn vị trong việc xây dựng, triển khai và cập nhật chiến lược, mô hình kinh doanh, kế hoạch tổng thể của từng đơn vị; Xây dựng kế hoạch thực thi hàng năm và theo dõi, quản lý, báo cáo hiệu quả thực thi hoạt động kinh doanh toàn Ngân hàng; Xây dựng, phát triển mối quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư chiến lược nhằm nâng cao giá trị của Ngân hàng
15	Văn phòng Chuyển đổi	Triển khai và giám sát, truyền thông và báo cáo về tình hình thực hiện Chương trình Chuyển đổi của Ngân hàng

Nguồn: Techcombank

4.4 Danh sách cổ đông

4.4.1 Cơ cấu cổ đông vào ngày 11/05/2018

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông hiện tại của Techcombank

STT	Cổ đông	Số lượng	Số CP sở hữu	Giá trị (theo mệnh giá) (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Cổ đông trong nước				
	Tổ chức	30	316.731.958	3.167.319.580.000	27,18%
	Cá nhân	1.696	585.824.990	5.858.249.900.000	50,26%
II	Cổ đông nước ngoài				
	Tổ chức	170	257.319.412	2.573.194.120.000	22,08%
	Cá nhân	4	4.925.000	49.250.000.000	0,42%
III	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi cổ tức				
	Tổ chức	0	0	0	0%
	Cá nhân	0	0	0	0%
IV	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
V	Công đoàn Techcombank	1	729.360	7.293.600.000	0,06%
	Tổng cộng	1.901	1.165.530.720	11.655.307.200.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 11/05/2018

4.4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Techcombank

Bảng 5: Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %/VDL
1	Công ty Cổ phần Tập	0303576603	Tầng 8, phòng 802 tòa nhà	174.771.833	14,99

STT	Tên tổ chức	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %/VĐL
	đoàn Masan		Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM		
Tổng cộng				174.771.833	14,99

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 11/05/2018

4.4.3 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100230800 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/09/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 49 ngày 29/12/2017 thì các cổ đông sáng lập của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (khoản 3 Điều 113, Luật Doanh nghiệp 2014).

Bảng 6: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %/VĐL
1	Hoàng Văn Đạo	023144146	220/8 Phan Văn Hân, phường 17, quận Bình Thạnh, Tp.HCM	6.397.022	0,549
2	Nguyễn Thiệu Quang			10.085.477	0,865
3	Nguyễn Thị Nga	010148673	Tầng 5, Tòa nhà 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	70.986	0,006
Tổng cộng				16.553.485	1,420

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 11/05/2018

Ghi chú: Cổ đông Nguyễn Thiệu Quang – Phó Chủ tịch HĐQT thứ nhất - bị hạn chế chuyển nhượng theo Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012.

4.5 Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Techcombank, những công ty mà Techcombank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Techcombank

4.5.1 Công ty mẹ của Techcombank

Không có

4.5.2 Danh sách công ty con của Techcombank

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (“TechcomSecurities”)

- Địa chỉ: Tầng 10+21, Tòa nhà Techcombank, 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Giấy phép hoạt động: 98/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/9/2008
- Điện thoại: 1800 588 826
- Vốn điều lệ đăng ký: 1.000 tỷ đồng

- Vốn điều lệ thực góp: 1.000 tỷ đồng
 - Tỷ lệ nắm giữ của Techcombank: 100% vốn điều lệ
 - Năm thành lập: 2008
 - Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Môi giới
 - Tự doanh
 - Bảo lãnh phát hành
 - Tư vấn đầu tư chứng khoán
 - Các dịch vụ chứng khoán khác.
- ❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank AMC”)**
- Địa chỉ: Tầng 19, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
 - Giấy CNĐKKD: 0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 18/6/2008
 - Điện thoại: +84 (024) 39446368 Fax: +84 (024) 3944 6386
 - Vốn điều lệ đăng ký: 410 tỷ đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 410 tỷ đồng
 - Tỷ lệ nắm giữ của Techcombank: 100% vốn điều lệ
 - Năm thành lập: 2008
 - Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Nhận và quản lý nợ chưa thanh toán và tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm
 - Mua bán và xử lý nợ chưa thanh toán của các doanh nghiệp khác phù hợp các quy định của pháp luật
- ❖ **Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“TechcomCapital”)**
- Địa chỉ: Tầng 10, Số 191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
 - Giấy phép hoạt động: 40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008
 - Điện thoại: +84 (0 243) 9446368 Fax: +84 (0243) 9446583
 - Vốn điều lệ đăng ký: 40 tỷ đồng
 - Vốn điều lệ thực góp: 40 tỷ đồng
 - Tỷ lệ nắm giữ của Techcombank: 100% vốn điều lệ

- Năm thành lập: 2008
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
 - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

4.5.3 Danh sách những công ty mà Techcombank đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

❖ Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (“TechcomSecurities”)

(Xem thông tin chi tiết phần 4.5.2)

❖ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank AMC”)

(Xem thông tin chi tiết phần 4.5.2)

❖ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“TechcomCapital”)

(Xem thông tin chi tiết phần 4.5.2)

4.5.4 Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Techcombank

Không có

4.6 Hoạt động kinh doanh

4.6.1 Ngành nghề kinh doanh chính

a) Chủng loại và chất lượng sản phẩm, dịch vụ

Techcombank cung cấp các dịch vụ nhằm phục vụ đa dạng đối tượng khách hàng dựa trên ba phân khúc cốt lõi là Ngân hàng Bán Buôn (“WB”), Ngân hàng Doanh nghiệp (“BB”) và Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân (“PFS”). Bên cạnh đó, Techcombank cũng cung cấp các dịch vụ như Ngân hàng Giao dịch (“Transaction Banking”), Nguồn vốn và Thị trường tài chính (“Treasury and Financial Markets”) và Ngân hàng Đầu tư (“Investment Banking”).

❖ Ngân Hàng Bán Buôn (“WB”)

▪ Tổng quan

Ngân hàng Bán buôn phục vụ các khách hàng doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 600 tỷ VND trở lên. Khối WB đóng vai trò đầu mối quan hệ với các khách hàng lớn, dẫn dắt đội ngũ phối hợp từ các Khối Ngân hàng Đầu tư, Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính, Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Khối Dịch vụ ngân hàng và Tài chính cá nhân để phục vụ toàn bộ chuỗi giá trị của các khách hàng doanh nghiệp lớn. Trong các năm qua, Khối WB tập trung khai thác tối đa tiềm năng khách hàng hiện tại, tăng cường mở rộng nền tảng khách hàng lõi, phát triển hệ thống quản trị xuyên suốt cùng cơ chế tín dụng phù hợp theo từng nhóm khách hàng.

▪ Sản phẩm dịch vụ của Khối WB

Sản phẩm và dịch vụ của Khối WB bao gồm các sản phẩm truyền thống như (i) cho vay, (ii) nhận tiền gửi, và (iii) các dịch vụ ngân hàng bán buôn khác như dịch vụ thanh toán quốc tế, dịch vụ ngoại hối và phòng ngừa rủi ro, dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh, dịch vụ quản lý tiền tệ và thanh khoản.

Khối WB tập trung vào các sản phẩm dịch vụ nhằm tăng doanh thu từ phí bao gồm: nghiệp vụ Quản lý tiền tệ, Dịch vụ tài trợ thương mại và Tài trợ chuỗi cung ứng, Dịch vụ ngân hàng điện tử; Hệ thống tài trợ chuỗi cung ứng (trực tuyến) – SCF (“Supply Chain Financing”); Các dịch vụ thu hộ (tích hợp và tự động) (“Cash Collection Services”) và các sản phẩm phái sinh (hedging tỷ giá, lãi suất, hàng hóa, tư vấn phát hành trái phiếu...).

- ✓ **Sản phẩm cho vay khách hàng:** bao gồm các khoản cho vay ngắn hạn và trung dài hạn
 - Cho vay ngắn hạn: là các khoản cho vay với kỳ hạn tối đa là một năm cho khách hàng doanh nghiệp với lãi suất hợp lý, điều kiện khoản vay linh hoạt, thủ tục đơn giản, thuận tiện. Đa số khoản vay ngắn hạn là khoản vay tài trợ vốn lưu động đáp ứng nhu cầu tài chính mang tính thời vụ hoặc cả chu kỳ kinh doanh, giúp doanh nghiệp ổn định nguồn tài chính và tăng tính chủ động trong việc lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Khối cũng triển khai mạnh mẽ các dịch vụ bao thanh toán, tài trợ kho vận, tài trợ bên bán, sản phẩm thấu chi và tài trợ xuất, nhập khẩu.
 - Khoản vay trung và dài hạn: là các khoản vay có thời hạn từ trên 1 năm, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng trong việc đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng, tăng năng lực và công suất hoạt động. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay này được áp dụng theo phương thức thả nổi, cạnh tranh.
- ✓ **Sản phẩm tiền gửi:** Các sản phẩm tiền gửi đa dạng, gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn
 - Tiền gửi không kỳ hạn: tiền gửi được sử dụng linh hoạt, có thể rút tiền tại bất kỳ thời điểm nào, đảm bảo an toàn, chính xác, bảo mật. Doanh nghiệp có thể sử dụng vượt quá số dư trên tài khoản nếu tham gia sản phẩm thấu chi. Tiền gửi không kỳ hạn được thực hiện theo các loại tiền VND, USD và các ngoại tệ khác.
 - Tiền gửi có kỳ hạn: được thực hiện dưới hình thức các hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn. Khách hàng có thể lựa chọn thời hạn tiền gửi phù hợp với nhu cầu và lãi suất áp dụng, có thể là lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định tương ứng với kỳ hạn gửi, đồng thời có thể dùng làm tài sản đảm bảo vay vốn hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác tại Techcombank hay tổ chức tín dụng khác. Tiền gửi có kỳ hạn thông thường được tự động quay vòng khi đến hạn.
- ✓ **Các dịch vụ Ngân hàng Bán buôn khác**

- Dịch vụ thanh toán quốc tế: thư tín dụng xuất nhập khẩu, dịch vụ nhờ thu xuất nhập khẩu, nhận chuyển tiền đến; chuyển tiền ra nước ngoài; thanh toán biên mậu dành cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc.
 - Dịch vụ ngoại hối và phòng ngừa rủi ro: giao dịch hối đoái giao ngay dành cho các doanh nghiệp có nhu cầu mua bán ngoại tệ cho hoạt động xuất nhập khẩu; giao dịch hối đoái kỳ hạn nhằm giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro về tỷ giá; giao dịch ngoại hối đoái hoán đổi; liên kết cung cấp ngoại tệ tiền mặt dành cho các tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực du lịch, xuất khẩu lao động, tư vấn du học trong việc thu mua ngoại tệ mặt và sản phẩm đại lý thu đổi ngoại tệ ủy nhiệm dành cho các tổ chức kinh tế có nguồn thu ngoại tệ.
 - Dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh: Nghiệp vụ tài trợ thương mại bao gồm tài trợ xuất khẩu nông sản, tài trợ nhà phân phối, tài trợ nhà cung cấp, bao thanh toán, tài trợ dự án trọn gói. Nghiệp vụ bảo lãnh gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn thanh toán, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh phát hành, bảo lãnh đối ứng và một số loại bảo lãnh khác. Bên cạnh đó các sản phẩm tài trợ L/C và nhờ thu D/A, D/P cho các doanh nghiệp xuất khẩu với lãi suất ưu đãi và L/C trả chậm có điều khoản thanh toán ngay được đánh giá là một giải pháp hữu hiệu cho các doanh nghiệp nhập khẩu.
 - Dịch vụ quản lý tiền tệ và thanh khoản: bao gồm các dịch vụ như quản lý các khoản phải chi (thanh toán bằng séc, thanh toán chuyển khoản, thanh toán trực tuyến...); quản lý các khoản phải thu (đặt quỳ thu tiền tại các điểm chỉ định, thu tiền mặt qua các kênh hay thu tiền mặt tại điểm chỉ định...); quản lý thanh khoản (quản lý tài khoản tập trung, tiết kiệm online, ngân hàng trực tuyến).
- **Định hướng phát triển**
 - ✓ Trong các năm tới, WB sẽ tiếp tục nâng cao năng lực hiểu khách hàng để hiểu về chuỗi giá trị của khách hàng, phối hợp chặt chẽ với các Khối Ngân hàng Đầu tư, Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính, Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân để cung cấp giải pháp tài chính đồng bộ, tổng thể cho khách hàng và cả hệ sinh thái của khách hàng.

❖ Ngân Hàng Doanh Nghiệp (“BB”)

▪ Tổng quan

Ngân hàng Doanh nghiệp phục vụ các khách hàng doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 600 tỷ VND trở xuống (“SME”). Đây là một trong các nòng cốt của hoạt động kinh doanh của Techcombank và đến ngày 31 tháng 03 năm 2018, Techcombank đã cung cấp sản phẩm dịch vụ cho hơn 100.000 khách hàng doanh nghiệp. Sản phẩm và dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp của Techcombank gồm cho vay, nhận tiền gửi, dịch vụ thanh toán, bảo lãnh, tài trợ thương

mại, quản lý tiền tệ cho khách hàng doanh nghiệp chủ yếu được cung cấp thông qua các Trung tâm Khách hàng Doanh nghiệp (“BBC”) và các phòng Khách hàng Doanh nghiệp tại các chi nhánh.

▪ **Sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp**

Các sản phẩm cho vay khách hàng doanh nghiệp chính mà Techcombank cung cấp gồm các khoản cho vay ngắn hạn, khoản cho vay trung và dài hạn:

- ✓ Khoản vay ngắn hạn: Techcombank cung cấp các khoản vay ngắn hạn với kỳ hạn tối đa là một năm cho khách hàng doanh nghiệp với lãi suất hợp lý, điều kiện khoản vay linh hoạt, thủ tục đơn giản, thuận tiện. Đa số khoản vay ngắn hạn của Techcombank là khoản vay tài trợ vốn lưu động đáp ứng nhu cầu tài chính ngắn hạn mang tính thời vụ hoặc cả chu kỳ kinh doanh, từ đó giúp doanh nghiệp ổn định nguồn tài chính và tăng tính chủ động trong việc lập kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Techcombank cũng cung cấp cho các khách hàng doanh nghiệp các sản phẩm bao thanh toán, tài trợ kho vận, tài trợ bên bán, sản phẩm thấu chi và tài trợ xuất, nhập khẩu. Nhìn chung, các khoản vay ngắn hạn của Techcombank được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm và tỷ lệ tài trợ phụ thuộc vào loại sản phẩm cho vay và tài sản được tài trợ bởi vốn vay.
- ✓ Khoản vay trung và dài hạn: là các khoản vay có thời hạn từ trên 1 năm, nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng trong việc đầu tư máy móc thiết bị, nhà xưởng, tăng năng lực và công suất hoạt động. Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay này được áp dụng theo phương thức thả nổi, cạnh tranh.

▪ **Sản phẩm tiền gửi**

Techcombank luôn cung cấp cho các khách hàng doanh nghiệp những sản phẩm tiền gửi đa dạng.

- ✓ Tiền gửi không kỳ hạn: tiền gửi được sử dụng linh hoạt, có thể rút tiền tại bất kỳ thời điểm nào, đảm bảo an toàn, chính xác, bảo mật. Doanh nghiệp có thể sử dụng vượt quá số dư trên tài khoản nếu tham gia sản phẩm thấu chi. Tiền gửi không kỳ hạn được thực hiện theo các loại tiền VND, USD và các ngoại tệ khác.
- ✓ Tiền gửi có kỳ hạn: được thực hiện dưới hình thức các hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi ngắn hạn Khách hàng có thể lựa chọn thời hạn tiền gửi phù hợp với nhu cầu và lãi suất áp dụng, có thể là lãi suất thả nổi hoặc lãi suất cố định tương ứng với kỳ hạn gửi, đồng thời có thể dùng làm tài sản đảm bảo vay vốn hoặc đảm bảo cho nghĩa vụ khác tại Techcombank hay tổ chức tín dụng khác. Tiền gửi có kỳ hạn thông thường được tự động quay vòng khi đến hạn.

▪ **Các dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp khác:**

- ✓ Dịch vụ thanh toán quốc tế: bao gồm nhận chuyển tiền đến; chuyển tiền ra nước ngoài; thanh toán biên mậu dành cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam – Trung Quốc; thư tín dụng xuất nhập khẩu hay dịch vụ nhờ thu xuất nhập khẩu.

- ✓ Dịch vụ ngoại hối và phòng ngừa rủi ro: bao gồm giao dịch hối đoái giao ngay dành cho các doanh nghiệp có nhu cầu mua bán ngoại tệ cho hoạt động xuất nhập khẩu; giao dịch hối đoái kỳ hạn nhằm giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro về tỷ giá; giao dịch hối đoái hoán đổi; sản phẩm liên kết cung cấp ngoại tệ tiền mặt dành cho các tổ chức kinh tế hoạt động trong lĩnh vực du lịch, xuất khẩu lao động, tư vấn du học trong việc thu mua ngoại tệ mặt và sản phẩm đại lý đổi ngoại tệ ủy nhiệm dành cho các tổ chức kinh tế có nguồn thu ngoại tệ ổn định và thường xuyên với khối lượng lớn.
- ✓ Dịch vụ tài trợ thương mại và bảo lãnh: Nghiệp vụ tài trợ thương mại bao gồm tài trợ xuất khẩu nông sản, tài trợ nhà phân phối, tài trợ nhà cung cấp, bao thanh toán, tài trợ dự án trọn gói. Nghiệp vụ bảo lãnh gồm bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh hoàn thanh toán, bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh phát hành, bảo lãnh đối ứng và một số loại bảo lãnh khác. Bên cạnh đó các sản phẩm tài trợ L/C và nhờ thu D/A, D/P cho các doanh nghiệp xuất khẩu với lãi suất ưu đãi và L/C trả chậm có điều khoản thanh toán ngay được đánh giá là một giải pháp hữu hiệu cho các doanh nghiệp nhập khẩu.
- ✓ Dịch vụ quản lý tiền tệ và thanh khoản: bao gồm các dịch vụ như quản lý các khoản phải chi (thanh toán bằng séc, thanh toán chuyển khoản, thanh toán trực tuyến...); quản lý các khoản phải thu (đặt quỳ thu tiền tại các điểm chỉ định, thu tiền mặt qua các kênh hay thu tiền mặt tại điểm chỉ định...); quản lý thanh khoản (quản lý tài khoản tập trung, tiết kiệm online, ngân hàng trực tuyến).

▪ Định hướng kinh doanh

- ✓ Trong các năm tới, BB tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm tài chính doanh nghiệp chất lượng cao thông qua các phương pháp tiếp cận chuyên biệt với từng ngành nghề, khách hàng mục tiêu và lựa chọn chi nhánh theo tiêu chuẩn để phục vụ từng phân khúc khác nhau, trong đó tập trung vào các ngành và lĩnh vực nằm trong hệ sinh thái của khách hàng WB để nâng cao hiệu quả khai thác và bán chéo. BB cũng sẽ tập trung phát triển khách hàng USME và SME có giá trị trọn đời cao nhất và ưu tiên cho vay khách hàng hiện hữu và giao dịch chính với Techcombank trên 3 năm.

◆ Dịch Vụ Ngân hàng và Tài Chính Cá Nhân (“PFS”)

▪ Tổng quan

Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân của Techcombank tập trung vào việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng cá nhân với số lượng khách hàng lên đến hơn 5 triệu khách hàng. Dịch vụ khách hàng cá nhân là lĩnh vực thế mạnh truyền thống của Techcombank, đặc biệt trong việc thu hút tiền gửi cá nhân. Trong vài năm gần đây, Techcombank đã thành công trong việc sử dụng thế mạnh trong hoạt động nhận tiền gửi cá nhân của mình sang hoạt động cho vay khách hàng cá nhân và kinh doanh thẻ ghi nợ/thẻ tín dụng. Techcombank đang theo đuổi kế hoạch mở rộng các sản phẩm PFS sang các lĩnh vực khác như quản lý tài sản bằng cách tập trung vào các tiểu phân khúc trọng tâm trong mảng PFS.

▪ Sản phẩm tiết kiệm và sản phẩm cho vay

Techcombank cung cấp cho khách hàng cá nhân một loạt sản phẩm tiền gửi và cho vay kể cả các sản phẩm truyền thống dưới đây:

- ✓ Tài khoản tiết kiệm;
- ✓ Các khoản cho vay để mua ô tô;
- ✓ Các khoản cho vay mua nhà mới;
- ✓ Các khoản cho vay du học, học phí;
- ✓ Các khoản cho vay mua nhà và cho vay tiêu dùng thế chấp bất động sản;
- ✓ Các khoản cho vay tiêu dùng, bao gồm thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ, có và không có tài sản đảm bảo;
- ✓ Đầu tư;
- ✓ Cho thuê tủ két.

▪ **Sản phẩm bancassurance**

- ✓ Với các sản phẩm bancassurance cho phép Techcombank hợp tác với các công ty bảo hiểm và thúc đẩy các kênh bán hàng của Techcombank để bán các sản phẩm bảo hiểm. Năm 2017, Techcombank đã công bố hợp đồng bancassurance độc quyền 15 năm với Manulife để phân phối các giải pháp bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng. Sự hợp tác này kết hợp với mạng lưới ngân hàng và với chuyên môn về bảo hiểm của Manulife nhằm cung cấp cho khách hàng "một cửa" cho cả các giải pháp ngân hàng và bảo hiểm tại Việt Nam.
- ✓ Bên cạnh đó, Techcombank cũng có quan hệ đối tác với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Bảo Việt để phân phối các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ.

▪ **Các sản phẩm giá trị gia tăng khác**

Ngoài các sản phẩm truyền thống, Techcombank còn giới thiệu một số sản phẩm sáng tạo để gia tăng chất lượng dịch vụ cho khách hàng và giúp Techcombank trở nên cạnh tranh hơn trên các phân khúc thị trường này. Các sản phẩm gia tăng tiêu biểu như sau:

- ✓ Tài Khoản Thanh Toán – tài khoản tất-cả-trong-một được sử dụng cho thẻ ghi nợ, tiền gửi tiết kiệm và thấu chi;
- ✓ F@st Saving – Tài khoản tiết kiệm liên kết với tài khoản vãng lai;
- ✓ F@st Advance – Khách hàng có thể chi tiêu vượt số tiền có trên tài khoản tiền gửi được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm hoặc uy tín khác hàng (thông qua việc xác nhận lương của khách hàng cá nhân);
- ✓ F@st Easy – số dư tối thiểu 10 triệu, khách hàng được tăng hạn mức thấu chi, hạn mức rút tiền, tự động chuyển F@st Saving;
- ✓ Tài tâm – Tài hiện – Tiết kiệm kết hợp với bảo hiểm;
- ✓ Phát lộc online: gửi tiết kiệm online nhanh gọn và thuận tiện với FIB; và

- ✓ Priority – Khách hàng Priority được hưởng nhiều ưu đãi như cho vay ưu đãi, được chăm sóc chu đáo, miễn phí thường niên của thẻ.

Techcombank cung cấp dịch vụ cho khách hàng cá nhân thông qua hệ thống gồm 01 Hội sở chính, 02 văn phòng đại diện và 315 điểm giao dịch. Bên cạnh đó Techcombank có hệ thống ATM riêng với 1.117 máy, POS là 1.996 máy (đến thời điểm 31/3/2018) và đã tham gia liên minh thẻ, cho phép khách hàng cá nhân của Techcombank truy cập vào 16.366 máy ATM và 293.166 POS trên toàn quốc (tại thời điểm 30/6/2017). Techcombank cũng đi tiên phong trong việc giới thiệu các kênh giao dịch điện tử, ví dụ như ngân hàng trực tuyến (internet banking) và ngân hàng di động (mobile banking), thanh toán hóa đơn và các website bán hàng trên mạng qua ngân hàng internet tại thị trường Việt Nam.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ truyền thống của ngân hàng thương mại, từ năm 2014, Khối PFS đã phối hợp cùng Khối Ngân hàng Đầu tư triển khai thành công sản phẩm Bộ Trái Phiếu doanh nghiệp dành cho khách hàng cá nhân – TCBond Series. Sản phẩm được triển khai rộng khắp trên toàn quốc và đang được khách hàng đón nhận rất tích cực. Ngoài ra, sản phẩm bảo hiểm trong năm 2017 phát triển mạnh với các sản phẩm liên kết với 2 đối tác Manulife và Generali, các sản phẩm tiết kiệm liên kết. Phí bảo hiểm trong năm 2017 thu được 644,3 tỷ đồng phí. Tính đến thời điểm cuối quý I/2018, đã có khoảng hơn 7,728 khách hàng cá nhân tham gia với doanh số hơn 198 tỷ đồng. Trong thời gian tới PFS sẽ tiếp tục phối hợp với các Khối kinh doanh khác để mang đến các sản phẩm đầu tư chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

▪ **Định hướng kinh doanh**

Trong các năm tới, Techcombank tiếp tục tập trung phục vụ khách hàng cá nhân theo các phân khúc mục tiêu, hiểu rõ nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng từng phân khúc để xây dựng sản phẩm và dịch vụ nhằm nâng cao mức độ sử dụng sản phẩm và sự gắn bó của khách hàng. Techcombank sẽ xây dựng và phát triển các kênh phân phối mới, đặc biệt là ngân hàng điện tử (digital banking), tối ưu hóa mô hình bán hàng để nâng cao hiệu quả bán hàng cho khách hàng trong hệ sinh thái của khách hàng WB và tăng cường bán chéo, bán thêm cho khách hàng. Techcombank cũng sẽ tiếp tục cải thiện về quy trình, quy định, cơ sở vật chất và đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nhân viên để không ngừng nâng cao trải nghiệm và đạt được sự hài lòng của khách hàng cũng như nâng cao hiệu quả và tiết kiệm chi phí trong vận hành.

◆ **Ngân Hàng Giao Dịch**

Thông qua mảng Ngân hàng Giao dịch, Techcombank cung cấp nhiều sản phẩm và dịch vụ Quản lý dòng tiền và Tài trợ thương mại đáp ứng nhu cầu của khách hàng, như thư tín dụng, tạm ứng, tài trợ nhà cung cấp, các dịch vụ phải thu... Techcombank cung cấp tài chính khi người bán hoặc người xuất khẩu yêu cầu thanh toán cho hàng hóa trước khi giao hàng. Ngoài ra, Techcombank cũng cung cấp tài chính chuỗi cung ứng, cho phép một nhà cung cấp bán

khoản phải thu của mình cho Ngân hàng với giá chiết khấu. Điều này cho phép nhà cung cấp có được thanh toán trước hạn.

Các sản phẩm khác mà Techcombank cung cấp cho khách hàng bao gồm quản lý tiền mặt, phải thu, thanh toán và các dịch vụ liên quan. Các giải pháp thanh toán của Techcombank bao gồm tiền mặt, thẻ, chuyển khoản ngân hàng và ghi nợ trực tiếp. Techcombank cung cấp các dịch vụ phải thu thông qua nhiều nền tảng khác nhau bao gồm tại các chi nhánh ngân hàng, ngân hàng điện tử hoặc tại các điểm bán hàng ("POS"). Techcombank cũng cung cấp các giải pháp ngân hàng trực tuyến cho khách hàng về các dịch vụ liên quan đến tài khoản cũng như dịch vụ thanh toán và quản lý thanh khoản.

Techcombank tạo được lợi thế nhờ cách tiếp cận toàn diện đối với "hệ sinh thái" khách hàng, trong đó Ngân hàng cung cấp các giải pháp thu và thanh toán được tích hợp trên toàn chuỗi giá trị của khách hàng nhằm nắm bắt các giao dịch giữa khách hàng doanh nghiệp lớn và phần còn lại trong các chuỗi giá trị của họ. Bằng cách đảm bảo rằng tất cả các giao dịch được thực hiện thông qua Techcombank, Techcombank đảm bảo rằng tất cả các nguồn quỹ vẫn còn trong hệ thống, từ đó tạo cơ hội cho Techcombank thu hút khách hàng để tăng số dư tiền gửi không kỳ hạn.

❖ Nguồn Vốn Và Thị Trường Tài Chính

Thông qua Khối Nguồn vốn và Thị trường tài chính, Techcombank cung cấp đa dạng sản phẩm cho khách hàng, bao gồm tiếp cận thị trường nợ trong nước với tư cách là đại lý sơ cấp trong kinh doanh trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp trong nước. Techcombank cũng cung cấp thanh khoản cho nhu cầu ngoại hối và các sản phẩm quản lý rủi ro thông qua các sản phẩm ngoại hối như giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi tiền tệ và lãi suất. Đối với khách hàng kinh doanh hàng hóa, Techcombank cũng cung cấp sản phẩm hàng hoá tương lai và các sản phẩm phái sinh.

Ngoài ra, Techcombank cung cấp cho khách hàng một loạt các sản phẩm khác với mục đích như tiền gửi, cho vay và đầu tư. Các cơ hội đầu tư mà Techcombank cung cấp bao gồm đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các công cụ chuyển nhượng như chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ trong nước.

❖ Ngân Hàng Đầu Tư

Khối Dịch Vụ Ngân hàng Đầu tư được quản lý và thực hiện bởi hai công ty con của Techcombank là Công ty Chứng khoán Kỹ thương và Công ty Quản lý quỹ Kỹ thương – với hoạt động chính là cung cấp dịch vụ tư vấn doanh nghiệp và dịch vụ quản lý tài sản.

Techcombank cung cấp đa dạng các sản phẩm tư vấn phát hành và thu xếp phân phối trái phiếu, ủy thác đầu tư bất động sản và quản lý rủi ro ngoại hối và hàng hóa. Các sản phẩm này giúp khách hàng doanh nghiệp của Techcombank có được nguồn tài trợ dài hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng giúp khách hàng cá nhân thu nhập cao đa dạng hóa các cơ hội đầu tư mang lại thu nhập ổn định và rủi ro thấp. Techcombank cũng cung cấp các sản phẩm khác biệt trong sản phẩm quản lý tài sản và dịch vụ trực tuyến và là đơn vị

đầu tiên tại Việt Nam cung cấp các khoản đầu tư vào ủy thác đầu tư bất động sản vào năm 2015.

b) Huy động vốn

Tại 31/12/2017, tổng nguồn vốn huy động của Techcombank tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó đóng góp chủ yếu đến từ Tiền gửi của khách hàng. Tiền gửi của khách hàng tại 31/12/2017 đạt 170.971 tỷ đồng, chiếm 72,8% trong tổng nguồn vốn huy động của Techcombank. Bên cạnh đó, Tiền gửi và vay các TCTD khác năm 2017 đã tăng 81,8% so với cùng kỳ năm 2016 và đạt mức 46.323 tỷ đồng.

Tại 31/03/2018, tổng vốn huy động của Techcombank đạt 226.866 tỷ đồng giảm nhẹ so với thời điểm 31/12/2017. Trong đó, nguồn huy động Tiền gửi của khách hàng tăng 6% so với thời điểm cuối năm 2017, chiếm tỷ trọng 80%.

Chi tiết Nguồn vốn huy động trong các năm qua như sau:

Bảng 7: Nguồn vốn huy động

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		31/03/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi của khách hàng	173.449	82,8%	170.971	72,8%	181.391	80,0%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	25.474	12,2%	46.323	19,7%	25.401	11,2%
<i>Tiền gửi của các TCTD khác</i>	<i>15.115</i>	<i>7,2%</i>	<i>21.274</i>	<i>9,1%</i>	<i>17.873</i>	<i>7,9%</i>
<i>Vay các TCTD khác</i>	<i>10.359</i>	<i>4,9%</i>	<i>25.049</i>	<i>10,7%</i>	<i>7.528</i>	<i>3,3%</i>
Phát hành giấy tờ có giá	10.415	5,0%	17.640	7,5%	20.074	8,8%
Tổng	209.337	100%	234.934	100%	226.866	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn có tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng với khoảng 76%, tiền gửi không kỳ hạn chiếm 21% - 22% trong cơ cấu tiền gửi của khách hàng.

Bảng 8: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng theo loại hình

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		31/03/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tiền gửi không kỳ hạn	35.827	20,6%	38.235	22,3%	38.547	21,3%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	31.031	17,8%	34.062	19,9%	34.191	18,8%

Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	4.796	2,8%	4.173	2,4%	4.356	2,4%
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn	134.053	77,3%	129.728	75,9%	139.372	76,8%
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	125.958	72,6%	121.993	71,4%	132.405	73,0%
Tiền gửi tiết kiệm và tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.095	4,7%	7.735	4,5%	6.967	3,8%
Tiền ký quỹ	3.569	2,1%	3.008	1,8%	3.472	1,9%
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	3.406	2,0%	2.844	1,7%	3.412	1,9%
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	163	0,1%	164	0,1%	60	0,0%
Tổng	173.449	100%	170.971	100%	181.391	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

Techcombank có khả năng tăng trưởng Thu nhập lãi thuần và các thu nhập khác nhờ vào khả năng kiểm soát các chi phí tương ứng. Từ năm 2016, Techcombank đã kiểm soát lãi suất bình quân huy động vốn ở mức khoảng 4,0%/năm. Tiền gửi của khách hàng là khoản nợ phát sinh lãi trọng yếu của Techcombank, giảm từ 173.449 tỷ đồng vào ngày 31/12/2016 còn 170.971 tỷ đồng vào ngày 31/12/2017.

Techcombank kiểm soát và giảm chi phí huy động tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và có kỳ hạn nhờ vào khả năng cung cấp cho khách hàng sự tiện ích, các sản phẩm và dịch vụ mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng để bù đắp cho lãi suất tiền gửi thấp hơn. Các khách hàng gửi tiền ít nhạy cảm về lãi suất có xu hướng chọn gửi tiền tại ngân hàng tiện lợi về mặt địa điểm và các dịch vụ đi kèm hơn là lãi suất tiền gửi. Để tiếp tục huy động vốn với chi phí thấp thông qua tiền gửi khách hàng, Techcombank tập trung phát triển và hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, hướng tới mục tiêu cung cấp các dịch vụ hiện đại, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ưu việt nhằm bứt phá vượt trội so với các đối thủ cạnh tranh.

c) Hoạt động tín dụng

Đến 31/12/2017, dư nợ cho vay khách hàng của Techcombank đạt 160.849 tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2016.

Đến 31/03/2018, tổng dư nợ cho vay khách hàng của Techcombank là 163.948 tỷ đồng, tăng 1,9% so với thời điểm cuối năm 2017. Mức dự phòng rủi ro cho vay khách hàng cũng tăng tương ứng theo quy định về trích lập dự phòng của NHNN và quy định nội bộ của Techcombank.

Bảng 9: Hoạt động tín dụng của Techcombank

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
----------	----------	----------	------------

Tổng dư nợ cho vay	142.616	160.849	163.948
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(1.495)	(1.885)	(2.338)
Dư nợ cho vay thuần	141.121	158.964	161.610
Tổng dư nợ cho vay/Nguồn vốn huy động	68,1%	68,5%	72,3%
Tổng dư nợ cho vay/Tổng tài sản	60,6%	59,7%	60,0%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

Theo định hướng thận trọng về rủi ro tín dụng, Techcombank đã chuyển dịch dần cơ cấu dư nợ cho vay khách hàng để tăng tỷ trọng cho vay ngắn hạn và giảm tỷ lệ cho vay trung dài hạn. Năm 2017, dư nợ cho vay ngắn hạn đã tăng gần gấp đôi và trở thành cấu phần lớn nhất trong dư nợ cho vay khách hàng, ở mức gần 40%. Tỷ trọng cho vay ngắn hạn vẫn được duy trì ở mức 40% tại thời điểm 31/03/2018.

Bảng 10: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017		31/03/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	35.884	25,2%	63.413	39,4%	68.652	41,9%
Nợ trung hạn	62.493	43,8%	42.896	26,7%	42.063	25,7%
Nợ dài hạn	44.239	31,0%	54.540	33,9%	53.233	32,5%
Dư nợ cho vay khách hàng	142.616	100%	160.849	100%	163.948	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

Phân loại nợ theo nhóm nợ

Danh mục tín dụng của Techcombank luôn được kiểm soát chặt chẽ bởi Khối Quản trị Rủi ro và dựa trên các nguyên tắc như an toàn trong hoạt động cho vay; đa dạng danh mục cho vay; đơn giản, thuận tiện trong qui trình; cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống; và các chính sách thận trọng được đầu tư về trung và dài hạn. Tỷ lệ nợ xấu (là nợ nhóm 3 đến nhóm 5) của Techcombank tại thời điểm 31/12/2017 và 31/03/2018 lần lượt ở mức 1,61% và 1,87% tổng dư nợ.

Bảng 11: Chất lượng dư nợ cho vay

Đơn vị tính: tỷ đồng

Phân loại nợ	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
Nợ đủ tiêu chuẩn	138.204	155.932	158.077
Nợ cần chú ý	2.166	2.333	2.802

Nợ dưới tiêu chuẩn	397	575	445
Nợ nghi ngờ	474	456	927
Nợ có khả năng mất vốn	1.375	1.553	1,697
Tổng cộng	142.616	160.849	163.948

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

Chính sách của Techcombank là luôn trích lập dự phòng ngay khi cần thiết trên cơ sở thận trọng và phù hợp với các quy định của NHNN. Trước ngày 01/06/2014, Techcombank tuân thủ tiêu chuẩn phân loại và trích lập dự phòng rủi ro được quy định tại Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 (đã được sửa đổi theo Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007) để phân loại nợ thành nhiều nhóm khác nhau dựa trên số ngày quá hạn của nợ đã đến hạn thanh toán.

Từ ngày 01/06/2014, Techcombank phân loại khoản cho vay khách hàng theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21/01/2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18/03/2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02.

Các khoản dư nợ thuộc Nhóm nợ đủ tiêu chuẩn (nhóm 1) luôn giữ vững ở mức từ 96% - 97% trong tổng dư nợ, đảm bảo an toàn rủi ro tín dụng theo các quy định của NHNN và quy định nội bộ của Techcombank. Các khoản nợ có chất lượng kém chỉ có tỷ trọng nhỏ (từ trên 1,5% - 1,6%) trong tổng dư nợ hàng năm.

❖ Phân loại nợ theo ngành nghề cho vay

Bảng 12: Phân loại dự nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh

Đơn vị tính: tỷ đồng

Dự nợ theo ngành nghề kinh doanh	Năm 2016		Năm 2017		31/03/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay các tổ chức kinh tế	80.972	56,8%	96.072	59,7%	99.286	60,6%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	66	0,1%	301	0,2%	280	0,2%
Khai khoáng	1.528	1,1%	1.272	0,8%	2.316	1,4%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	16.794	11,8%	20.070	12,4%	17.845	10,9%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.270	0,9%	1.859	1,2%	1.909	1,2%

Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	24	0,0%	89	0,1%	25	0,0%
Xây dựng	7.329	5,1%	6.101	3,8%	6.702	4,1%
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy và xe có động cơ khác	10.798	7,6%	14.727	9,2%	13.642	8,3%
Vận tải kho bãi	6.046	4,2%	3.257	2,0%	3.821	2,3%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2.371	1,7%	5.572	3,5%	6.589	4,0%
Thông tin và truyền thông	895	0,6%	1.081	0,7%	932	0,6%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	3.912	2,7%	9.304	5,8%	8.191	5,0%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	24.182	17,0%	20.326	12,5%	22.406	13,7%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	161	0,1%	768	0,5%	778	0,5%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	462	0,3%	1.869	1,2%	2.291	1,4%
Giáo dục và đào tạo	31	0,0%	72	0,0%	73	0,0%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	98	0,1%	84	0,1%	62	0,0%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	81	0,1%	16	0,0%	8	0,0%
Hoạt động dịch vụ khác	4.286	3,0%	9.268	5,7%	11.334	6,9%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	638	0,4%	36	0,0%	82	0,0%
Cho vay cá nhân	61.644	43,2%	64.777	40,3%	64.662	39,4%
Tổng cộng	142.616	100%	160.849	100%	163.948	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

Các khoản cho vay các tổ chức kinh tế liên quan đến hoạt động Công nghiệp chế biến, chế tạo; kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng cao nhất trong dư nợ cho vay cả hai năm 2016 và 2017; sau đó là các hoạt động Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa mô tô, ô tô, xe máy. Các ngành và lĩnh vực khác có tỷ trọng nhỏ hơn nhưng vẫn đủ để hài hòa giữa các ngành trong nền kinh tế.

Bảng 13: Phân loại dự nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp

Đơn vị tính: tỷ đồng

Dư nợ theo loại hình doanh nghiệp	Năm 2016		Năm 2017		31/03/2018	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Cho vay các tổ chức kinh tế	80.972	56,8%	96.072	59,7%	99.286	60,6%
Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước	3.795	2,7%	8.424	5,2%	7.373	4,5%
Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	32.321	22,7%	32.495	20,2%	38.065	23,2%
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của nhà nước	283	0,2%	63	0,1%	106	0,1%
Công ty cổ phần khác	41.221	28,9%	51.326	31,9%	50.181	30,6%
Doanh nghiệp tư nhân	882	0,6%	402	0,2%	362	0,2%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	1.702	1,2%	2.076	1,3%	1.924	1,2%
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	31	0,0%	71	0,11%	42	0,0%
Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	423	0,3%	821	0,5%	825	0,5%
Khác	314	0,2%	394	0,2%	408	0,2%
Cho vay cá nhân	61.644	43,2%	64.777	40,3%	64.662	39,4%
Tổng cộng	142.616	100%	160.849	100%	163.948	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

Trong tổng dư nợ cho vay doanh nghiệp, công ty TNHH và công ty cổ phần có tỷ trọng cao nhất lần lượt là 25,4% và 32,0% trong năm 2017, 27,7% và 30,7% trong 3 tháng đầu năm 2018.

◆ Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu

Bảng 14: Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu tại 31/03/2018

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/03/2018
Vốn tự có	24.230,08	27.970,36	40.846
Vốn cấp 1	15.073,70	19.228,99	34.302
Vốn cấp 2	9.156,38	8.741,37	6.544
Các khoản phải trừ khi tính vốn tự có	-	-	-
Vốn tự có	24.230,08	27.970,36	40.846
Tổng tài sản "Có" rủi ro	184.622,22	220.662,98	282.086
Tổng giá trị tài sản "Có" xác định theo mức độ rủi ro	176.304,78	211.352,10	411.119
Tài sản "Có" đã có hệ số rủi ro bằng 0%	-	-	-

Tài sản "Có" đã có hệ số rủi ro bằng 20%	5.403,88	6.187,92	1.201
Tài sản "Có" đã có hệ số rủi ro bằng 50%	8.634,78	10.141,33	4.465
Tài sản "Có" đã có hệ số rủi ro bằng 100%	103.194,90	134.988,85	90.297
Tài sản "Có" đã có hệ số rủi ro bằng 150%	59.071,23	5.843,38	9.049
Tài sản "Có" đã có hệ số rủi ro bằng 250%	-	54.190,61	306.107
Tổng giá trị tài sản "Có" tương ứng của cam kết ngoại bảng xác định theo mức độ rủi ro	8.317,44	9.310,89	17.768
Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất (%)	13,12%	12,68%	14,48%

Nguồn: Techcombank

Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) của Techcombank được tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 20/11/2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật có liên quan. CAR của Techcombank tại thời điểm 31/12/2017 ổn định ở mức 12,68% và tại thời điểm 31/03/2018 là 14,48%. Tỷ lệ này của Techcombank cao hơn mức tối thiểu 9% do Ngân Hàng Thanh Toán Quốc Tế theo Hiệp ước Basel đề xuất và NHNN yêu cầu.

Bên cạnh việc xây dựng danh mục tài sản có hệ số rủi ro thấp nhờ tập trung cho vay các phân khúc và kỳ hạn an toàn, Techcombank duy trì được tỷ lệ CAR cao mặc dù tăng trưởng tài sản cao còn có một phần nhờ áp dụng chính sách không trả cổ tức trong nhiều năm liên tiếp. Nhờ sự đầu tư này, Techcombank có nguồn lực để phục vụ cho việc tiếp tục tăng trưởng trong tương lai.

d) Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

◆ Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

▪ Kinh doanh ngoại tệ phục vụ khách hàng doanh nghiệp

Chất lượng dịch vụ

Mặc dù thị trường ngoại hối trong những năm qua cạnh tranh vô cùng khốc liệt, Techcombank vẫn duy trì được chất lượng dịch vụ tốt nhất trong việc phục vụ khách hàng nhờ:

- ✓ Mạng lưới chi nhánh rộng lớn với 315 chi nhánh/phòng giao dịch;
- ✓ Dịch vụ ngoại hối đơn giản, nhanh chóng và an toàn tuyệt đối;
- ✓ Đảm bảo những giải pháp tài chính ưu việt phù hợp chính xác với nhu cầu giao dịch ngoại hối của khách hàng
- ✓ Đội ngũ giao dịch viên ngoại hối năng động, chuyên nghiệp với hai kênh chuyên biệt phục vụ khách hàng:
- ✓ Kinh doanh và phân phối kênh chi nhánh: phục vụ khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, khách hàng bán lẻ; đồng thời triển khai các chương trình bán sản phẩm ngoại hối trên toàn hệ thống;

- ✓ Kinh doanh và sản phẩm cấu trúc: trực tiếp phục vụ khách hàng doanh nghiệp lớn;
- ✓ Nhóm phân tích thị trường với kỹ năng chuyên sâu về phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật, cung cấp các bản tin ngoại hối hàng ngày đến khách hàng.
- ✓ Sản phẩm và dịch vụ ngoại hối đa dạng, đáp ứng được tất cả các nhu cầu của khách hàng. Techcombank hiện là một trong những ngân hàng đầu tiên phát triển các giải pháp tài chính ngoại hối phái sinh giúp khách hàng kiểm soát rủi ro, tránh được ảnh hưởng bất lợi từ những biến động không mong muốn của tỷ giá ngoại tệ.

Khối lượng giao dịch ngoại hối

Năm 2017, tổng khối lượng các giao dịch ngoại hối với khách hàng lên tới 11,6 tỷ USD. Techcombank vẫn duy trì vị trí top 4 các ngân hàng có khối lượng giao dịch ngoại hối cao nhất.

Sự tích cực của Techcombank trong việc cung cấp tới khách hàng những giải pháp phù hợp và sự năng động trên thị trường góp phần vào sự phát triển của thị trường ngoại hối tại Việt Nam, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế.

▪ Kinh doanh ngoại tệ phục vụ khách hàng định chế tài chính

Mở rộng quan hệ hợp tác với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, các quỹ đầu tư và các định chế tài chính phi ngân hàng khác là chìa khóa cho tham vọng đưa Techcombank trở thành nhà tạo lập thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam.

Hiện nay Techcombank đã thiết lập quan hệ giao dịch ngoại hối với hầu hết các ngân hàng, các quỹ đầu tư và công ty bảo hiểm hoạt động tại thị trường Việt Nam, đáp ứng nhu cầu quy đổi ngoại tệ cho các tổ chức này. Trong giai đoạn từ 2009 đến 2017, tổng khối lượng giao dịch ngoại hối của Techcombank trên thị trường liên ngân hàng tăng trưởng ngoạn mục từ mức 3,97 tỷ USD lên tới 11,6 tỷ USD, góp phần giúp Techcombank trở thành ngân hàng tăng trưởng nhanh nhất về khối lượng giao dịch ngoại hối liên ngân hàng. Techcombank thường xuyên được xếp vào top những ngân hàng giao dịch tích cực nhất trên thị trường ngoại hối liên ngân hàng, dù quy mô tổng tài sản tương đối nhỏ so với một số ngân hàng quốc doanh. Techcombank cũng là ngân hàng tiên phong và dẫn đầu thị trường trong việc tạo lập thị trường cho những sản phẩm phái sinh ngoại hối và lãi suất.

◆ Hoạt động thanh toán

▪ Dịch vụ thanh toán trong nước

Techcombank cung cấp dịch vụ thanh toán trong nước thông qua mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, hệ thống ATM, POS, kênh thanh toán điện tử liên ngân hàng (“Citad”) và các kênh thanh toán thoải thuận song phương với các ngân hàng khác. Trong đó thanh toán điện tử là kênh thanh toán chính tại Techcombank. Các năm qua hệ thống thanh toán điện tử của Techcombank luôn được vận hành ổn định, hầu như không xảy ra lỗi ảnh hưởng tới giao dịch. Cục Công nghệ NHNN luôn có trách nhiệm và hỗ trợ nhiệt tình Techcombank trong việc xử lý các giao dịch chuyển tiền qua hệ thống Citad, đảm bảo chất lượng thanh toán của

Techcombank được duy trì ổn định. Bên cạnh đó, các kênh thanh toán song phương VCB-Money của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“VCB-Money”) và kênh thanh toán song phương giữa Techcombank và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV-TCB”) luôn được tận dụng tối đa nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán của khách hàng cũng như nội bộ Techcombank.

Bảng 15: Giao dịch đi của Dịch vụ thanh toán trong nước*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Kênh thanh toán	Năm 2016		Năm 2017		3 tháng 2018	
	Số món	Doanh số	Số món	Doanh số	Số món	Doanh số
Citad	3.528.689	1.751.779	7.612.811	2.498.977	2.576.397	883.350
BIDV-TCB	493.6	206.363	672.647	277.252	207.264	60.570
VCB-Money	13.149	587.582	11.543	489.883	2.953	157.798
Tổng cộng	3.541.838	2.545.724	8.297.001	3.266.112	2.786.614	1.101.718

*Nguồn: Techcombank***Bảng 16: Giao dịch đến của Dịch vụ thanh toán trong nước***Đơn vị tính: tỷ đồng*

Kênh thanh toán	Năm 2016		Năm 2017		3 tháng 2018	
	Số món	Doanh số	Số món	Doanh số	Số món	Doanh số
Citad	4.249.157	1.733.045	5.773.407	2.363.468	1.715.593	815.808
BIDV-TCB	475.66	206.289	752.314	277.181	259.317	60.541
VCB-Money	19.863	590.329	23.081	562.530	6.490	159.434
Tổng cộng	4.269.020	2.529.663	6.548.802	3.203.179	1.981.400	1.035.783

Nguồn: Techcombank

- **Dịch vụ thanh toán quốc tế**

Trong những năm gần đây, hoạt động thanh toán quốc tế tại Techcombank luôn được coi là một thế mạnh và tăng trưởng ổn định qua các năm cả về doanh số và số lượng giao dịch. Chi tiết về doanh số thanh toán quốc tế qua hệ thống SWIFT các năm 2016-2017 như sau:

Bảng 17: Giao dịch đi của Dịch vụ thanh toán quốc tế*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Kênh thanh toán	Năm 2016		Năm 2017		3 tháng 2018	
	Số món	Trị giá	Số món	Trị giá	Số món	Trị giá
Chuyển tiền TTR	65.654	103.663	66.574	98.685	14.205	22.392
Thanh toán theo phương thức LC/DP	9.122	33.280	7.757	34.945	1.617	6.673
Tổng cộng	74.776	136.944	74.331	133.630	15.822	29.065

Nguồn: Techcombank

Techcombank cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế cho các cá nhân và tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ... qua hệ thống Swift bao gồm 2 kênh thanh toán là chuyển tiền TTR và thanh toán theo phương thức LC/DP. Chuyển tiền TTR (“Điện chuyển tiền”) có số lượng và giá trị giao dịch đi lớn nhất với trên 60 nghìn món/năm và giá trị giao dịch hàng năm trên 100 nghìn tỷ đồng. Trong khi đó, thanh toán theo phương thức LC/DP đạt 8-9 nghìn món/năm với tổng giá trị giao dịch khoảng trên 30 nghìn tỷ đồng.

Bảng 18: Giao dịch đến của Dịch vụ thanh toán quốc tế

Đơn vị tính: tỷ đồng

Kênh thanh toán	Năm 2016		Năm 2017		3 tháng 2018	
	Số món	Trị giá	Số món	Trị giá	Số món	Trị giá
Chuyển tiền TTR	75.666	74.439	69.177	71.885	17.840	26.924
Thanh toán theo phương thức LC/DP	3.699	9.455	3.982	10.748	913	2.424
Tổng cộng	79.365	83.893	73.159	82.633	18.753	29.348

Nguồn: Techcombank

Giao dịch thanh toán quốc tế đến Techcombank ít hơn giao dịch đi, với lượng giao dịch chuyển tiền TTR đạt khoảng 70 nghìn món (khoảng 83 nghìn tỷ đồng) hàng năm và số lượng giao dịch thanh toán theo phương thức LC/DP đạt hơn 3-4 nghìn món/năm tương đương trên 9 nghìn tỷ đồng.

Ngoài ra Techcombank còn cung cấp dịch vụ thanh toán quốc tế cho khách hàng cá nhân thông qua dịch vụ Western Union. Doanh số thanh toán qua dịch vụ Western Union các năm 2016-2017 như sau:

Bảng 19: Doanh số thanh toán qua dịch vụ Western Union*Đơn vị tính: USD*

Doanh số	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
Nhận tiền	25.441.395	20.939.610	5.181.712
Chuyển tiền	1.013.446	793.506	201.795

*Nguồn: Techcombank***e) Hoạt động ngân hàng đại lý**

Hiện nay, Techcombank duy trì 44 tài khoản với các loại ngoại tệ khác nhau như USD, EUR, JPY, SGD, CHF, GBP, AUD, THB, HKD, CNY tại các ngân hàng có mạng lưới toàn cầu như Standard Charter Bank, Citibank, Wells Fargo, JP Morgan Chase, BNY Mellon, SMBC, BNP Paribas, Natixis, HSBC, Deutsche Bank, Commerzbank, Unicredit ING, ANZ, UOVB, Commonwealth....

Đồng thời, Techcombank cũng thiết lập quan hệ đại lý với trên 700 ngân hàng và các chi nhánh của họ trên toàn thế giới. Đến 31/03/2018, Techcombank đã thực hiện giao dịch thanh toán quốc tế với các ngân hàng tại 145 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Nhờ mạng lưới ngân hàng đại lý rộng, Techcombank luôn là ngân hàng hàng đầu về dịch vụ chuyển tiền và tài trợ thương mại tại Việt Nam với rất nhiều giải thưởng uy tín do các tổ chức uy tín và ngân hàng đại lý trao tặng như:

- Giải thưởng Ngân hàng tài trợ thương mại nội địa tốt nhất Việt Nam năm 2016 do Asian Banking&Finance trao tặng;
- Giải thưởng Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt Nam 2007-2016 do Alpha Southeast Asia trao tặng; và
- Giải thưởng Ngân hàng có tỷ lệ điện đạt chuẩn cao nhất trong suốt hơn 10 năm qua do Standard Charter Bank, Citibank, Wells Fargo, JP Morgan Chase, BNY Mellon, HSBC trao tặng.

f) Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán**❖ Hoạt động đầu tư kinh doanh vốn**

Techcombank sử dụng trên 51 nghìn tỷ đồng năm 2017 để đầu tư chứng khoán (trong 3 tháng đầu năm 2018 với giá trị đầu tư là trên 53 nghìn tỷ đồng), mang lại khoản lãi thuần mua bán chứng khoán đầu tư năm 2017 và 3 tháng đầu năm 2018 lần lượt là 856 tỷ đồng và 442 tỷ đồng.

Hoạt động chứng khoán kinh doanh được đầu tư năm 2017 trên 6 nghìn tỷ đồng (trong 3 tháng đầu năm 2018 với giá trị đầu tư trên 3 nghìn tỷ đồng) mang lại khoản lãi lần lượt 397 tỷ đồng năm 2017 và 11 tỷ trong 3 tháng đầu năm 2018.

Ngoài ra, Techcombank còn góp vốn đầu tư dài hạn vào các công ty với tổng giá trị tại thời điểm 31/12/2017 là 12 tỷ đồng – giảm mạnh so với năm 2016 do Techcombank đã thoái vốn thành công tại Tổng công ty Hàng không Việt Nam vào đầu năm 2017.

Bảng 20: Hoạt động đầu tư kinh doanh vốn

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
Chứng khoán kinh doanh	8.036	6.775	3.579
Chứng khoán đầu tư	47.135	51.733	53.722
Góp vốn, đầu tư dài hạn	583	12	12
Tổng cộng	55.754	58.521	57.313

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

❖ Hoạt động kinh doanh chứng khoán

Tại thời điểm 31/12/2017, chứng khoán kinh doanh của Techcombank giảm 15,7% so với cùng kỳ năm 2016. Cơ cấu chứng khoán của Techcombank trong năm 2017 chủ yếu là chứng khoán nợ gồm (i) Trái phiếu Chính phủ, (ii) Trái phiếu của các tổ chức tín dụng và (iii) Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành. Chi tiết như sau:

Bảng 21: Chi tiết chứng khoán kinh doanh của Techcombank

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
Chứng khoán nợ	8.036	6.775	3.579
Trái phiếu Chính phủ	5.824	3.822	2.778
Trái phiếu của các tổ chức tín dụng	960	117	139
<i>Trong đó trái phiếu được chính phủ bảo lãnh</i>	<i>960</i>	<i>117</i>	<i>139</i>
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế phát hành	1.252	2.836	662
Dự phòng chứng khoán kinh doanh	(11)	(17)	(9)
Tổng	8.025	6.758	3.571

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

❖ Hoạt động đầu tư chứng khoán

Bảng 22: Chi tiết chứng khoán đầu tư của Techcombank

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
1.Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	38.575	46.018	47.517

Chứng khoán nợ	38.428	45.798	47.471
Chứng khoán vốn	147	220	46
2.Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	8.560	5.715	6.205
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	2.922	-	-
Chứng khoán nợ khác	5.638	5.715	6.205
Tổng (1) + (2)	47.135	51.733	53.722
Dự phòng chứng khoán đầu tư	(1.461)	(191)	(212)
Tổng	45.675	51.542	53.510

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

Danh mục chứng khoán đầu tư của Techcombank có mức độ an toàn cao, với phần lớn là trái phiếu Chính phủ và trái phiếu do các tổ chức được Chính phủ bảo lãnh phát hành.

Dự phòng chứng khoán đầu tư của Techcombank giảm mạnh trong năm 2017 do Techcombank đã tất toán khoản đầu tư Trái phiếu do VAMC phát hành.

Techcombank là một trong các ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam mua lại và xóa toàn bộ nợ đã bán cho VAMC. Do đó, tới cuối năm 2017, số dư trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành đã không còn trên bảng tài sản của Techcombank.

◆◆ Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn

Hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong năm 2017 của Techcombank đánh dấu một sự kiện quan trọng, Techcombank đã thoái phần vốn 2,08% của Ngân hàng tại Tổng Công ty Hàng không Việt Nam vào đầu năm 2017, ghi nhận khoản lãi ròng 355 tỷ đồng. Trong Quý I/2018, Techcombank cũng ghi nhận khoản lãi ròng 894 tỷ đồng từ việc thoái toàn bộ phần vốn tại Công ty TNHH MTV Tài Chính Kỹ Thương (Techcom Finance - TCF).

Bảng 23: Hoạt động góp vốn, đầu tư dài hạn của Techcombank

Đơn vị tính: triệu đồng

Công ty	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	570.405	417	417
CTCP Sàn giao dịch Bất động sản Việt Nam	660	660	660
CTCP Tư vấn và Đầu tư TCBOND	600	-	-
CTCP Đầu tư PCB	7.962	7.962	7.962
Hiệp hội Viễn thông Tài chính liên ngân hàng toàn thế giới	1.005	1.005	1.005
Công ty Đào tạo và Tư vấn nghiệp vụ ngân hàng	1.040	1.040	1.040

CTCP Chuyển mạch Tài chính quốc gia	1.000	1.000	1.000
Tổng cộng	582.672	12.084	12.084
Dự phòng giảm giá	(4.926)	(2.401)	(2.416)
Tổng Cộng	577.746	9.683	9.668

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2016, 2017, BCTC Quý I năm 2018 do Techcombank lập

g) Hoạt động của các công ty con

◆ Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương (“TechcomSecurities”)

Năm 2017, tổng doanh thu thuần của Techcom Securities đạt 1.083 tỷ đồng, tăng trưởng 31,4% so với năm 2016. Tổng chi phí hoạt động trong năm của TechcomSecurities là 61,5 tỷ đồng. Tổng lợi nhuận sau thuế cả năm của Techcom Securities đạt 730 tỷ đồng, tăng trưởng 51,1% so với năm 2016.

Bên cạnh đó, TechcomSecurities tiếp tục giữ vững vị thế là nhà tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp hàng đầu thị trường Việt Nam, chiếm trung bình khoảng 30% thị phần với khối lượng phát hành lên đến 26 nghìn tỷ đồng. Ngoài ra, TechcomSecurities chiếm tới 82% thị phần môi giới trái phiếu doanh nghiệp niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

TechcomSecurities được tạp chí Finance Asia trao tặng giải thưởng là “Best DCM House in Vietnam – Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam” năm 2016 vào 31/12/2017 và tạp chí Alpha Southeast Asia vinh danh “Nhà tư vấn trái phiếu tốt nhất Việt Nam – Best Bond House in Vietnam”, giai đoạn từ 2007 – 2016.

Bảng 24: Một số chỉ tiêu hoạt động của TechcombankSecurities

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
Tổng tài sản	2.055	2.815	3.124
Tổng vốn chủ sở hữu	1.908	2.603	2.542
Doanh thu	824	1.083	184
Lợi nhuận sau thuế	483	730	74

Nguồn: TechcombankSecurities

◆ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank AMC”)

Trong năm 2017, Techcombank AMC tập trung triển khai chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thu hồi nợ, xử lý tài sản đảm bảo cho Techcombank. Bên cạnh việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thu hồi nợ, Techcombank AMC đặc biệt chú trọng tối ưu hóa phần mềm xử lý nợ để hỗ trợ tốt nhất cho cán bộ nhân viên, cũng như giảm thời gian, nâng cao hiệu quả

công việc, qua đó đã hỗ trợ tích cực cho Techcombank trong việc xử lý phát mãi tài sản, thu hồi các khoản nợ xấu và nợ bán cho các doanh nghiệp khác.

Cụ thể, kết quả thu hồi nợ năm 2017 đạt 85% so với kế hoạch đề ra, cao hơn 11% so với năm 2016. Tổng số thu tiền mặt, tài sản kê biên, tài sản thu giữ chuyển bán thành công... đều đạt kết quả cao hơn so với năm 2016.

Bên cạnh việc đẩy mạnh công tác thu hồi nợ dẫn đến kết quả thu nợ tăng, Techcombank AMC có những kết quả tốt trong việc quản lý và kiểm soát thực hiện kế hoạch chi phí, nhờ đó tổng chi phí phát sinh trong 2017 chỉ tăng 0,23% so với năm 2016.

Bảng 25: Một số chỉ tiêu hoạt động của Techcombank AMC

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Năm 2016	Năm 2017	31/03/2018
Tổng tài sản	1.527	1.492	1.459
Tổng vốn chủ sở hữu	677	740	767
Doanh thu	320	268	154
Lợi nhuận sau thuế	84	63	27

Nguồn: Techcombank AMC

❖ Công ty TNHH Quản lý quỹ Kỹ Thương (“TechcomCapital”)

Được thành lập từ năm 2008, TechcomCapital là công ty sở hữu bởi Techcombank – một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam. Mục tiêu của TechcomCapital là cung cấp các dịch vụ quản lý đầu tư và tư vấn tài chính doanh nghiệp bao gồm: tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn và tư vấn M&A.

Hiện tại, TechcomCapital đang quản lý các quỹ như sau: Quỹ đầu tư trái phiếu Techcom, Quỹ đầu tư cổ phiếu Techcom, Quỹ đầu tư bất động sản Techcom Việt Nam – hiện đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán FUCVREIT.

Năm 2017, lợi nhuận sau thuế của TechcomCapital đạt 15,8 triệu đồng và các tỷ lệ an toàn tài chính luôn đảm bảo ở mức an toàn và trong khung quy định cho phép.

4.6.2 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

a) Tổng quan

Techcombank đã và đang tiếp tục xây dựng một chiến lược QTRR vững mạnh với một hệ thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh và những hướng dẫn vận hành chặt chẽ nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh trong trung và dài hạn. Khối Quản trị Rủi ro thuộc sự giám sát của HĐQT, ARCO và Ban Điều hành là một trong những nhân tố chủ yếu của hoạt động Techcombank và được thực hiện chặt chẽ ngay từ khi Techcombank đi vào hoạt động.

Ý thức rằng QTRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một NHTM, Techcombank xây dựng chiến lược QTRR dựa trên các nguyên tắc sau: an toàn trong hoạt động cho vay; đa

dạng danh mục cho vay; đơn giản, thuận tiện trong qui trình; cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống; và các chính sách thận trọng được đầu tư về trung và dài hạn.

Chiến lược QTRR cơ bản của Techcombank là xây dựng một hệ thống QTRR phù hợp với Chiến lược và mô hình phát triển kinh doanh kèm theo các hướng dẫn vận hành chi tiết. Chiến lược này sẽ được triển khai tương thích với mức độ rủi ro mà Techcombank gặp phải, cho phép vừa phát triển kinh doanh vừa đảm bảo việc phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát rủi ro. Chiến lược QTRR sẽ gắn chặt với các hoạt động kinh doanh chủ chốt của Techcombank và linh hoạt để thích ứng với những thay đổi của môi trường bên ngoài.

Để xây dựng được hệ thống QTRR như vậy, Techcombank đã liên tục củng cố nền tảng của Khung quản trị rủi ro bằng việc phát huy những thành tựu đạt được và phát triển cán bộ nòng cốt thông qua công tác đào tạo. Cùng với việc áp dụng những công cụ QTRR và ứng dụng công nghệ mới nhất, công tác QTRR sẽ được áp dụng trong mọi khía cạnh hoạt động của Techcombank.

b) Nhiệm vụ của Khối quản trị Rủi ro

- Hoạch định, xây dựng chiến lược và triển khai thực hiện kế hoạch QTRR toàn hệ thống
- Xây dựng chính sách qui định, triển khai và giám sát việc tuân thủ thực hiện đảm bảo giảm thiểu rủi ro toàn hệ thống.
- Hỗ trợ các khối kinh doanh và các đơn vị trong các chương trình hành động của khối, giám sát việc thực hiện các chính sách qui định QTRR. Hỗ trợ xây dựng các chính sách, sản phẩm tín dụng, cảnh báo sớm rủi ro nhằm giảm thiểu rủi ro và tối đa hóa lợi nhuận của Ngân hàng.
- Xây dựng các công cụ định lượng và đánh giá rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, định kỳ Kiểm soát rủi ro toàn danh mục, kiểm soát đảm bảo chất lượng tín dụng toàn hệ thống.
- Thực hiện các công việc kiểm tra, tái thẩm định các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng, đưa ra những ý kiến độc lập và những đề xuất giảm thiểu rủi ro tín dụng.
- Đưa ra các quyết định phê duyệt theo chính sách, sản phẩm của Techcombank một cách rõ ràng, nhất quán trong phạm vi thời gian quy định.
- Kiểm soát đảm bảo chất lượng tín dụng và tài sản đảm bảo toàn hệ thống. Quản lý danh mục QTRR, cung cấp các báo cáo phân tích và cảnh báo rủi ro, xây dựng các công cụ Quản trị kiểm soát Rủi ro.
- Xây dựng chính sách, công cụ, phương thức quản lý tài sản bảo đảm và hệ thống thu hồi nợ nhằm giảm thiểu tổn thất cho Techcombank.
- Xây dựng chính sách, công cụ, phương thức quản lý Vốn nhằm giảm thiểu tổn thất cho Techcombank.

c) Các phương pháp đánh giá rủi ro các khoản vay

Techcombank đã phát triển các mô hình đánh giá tín dụng khác nhau phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Những mô hình này thường xuyên được rà soát và cải thiện khi Ngân hàng có thêm nhiều dữ liệu. Tất cả những khách hàng tiềm năng đều được đánh giá tín dụng thông qua hệ thống đánh giá tín dụng nội bộ của Ngân hàng trước khi hồ sơ vay của họ được phê duyệt. Techcombank đã xây dựng các chính sách và hướng dẫn sử dụng các mô hình đánh giá tín dụng này để đảm bảo rằng nhân viên quen thuộc với các phương pháp đánh giá tín dụng của Ngân hàng. Ngoài ra, mô hình đánh giá tín dụng cũng được tích hợp vào hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng, do đó tăng tính hiệu quả của quy trình đánh giá và quản trị rủi ro.

▪ Mô hình đánh giá tín dụng đối với khách hàng mảng bán lẻ

Nhằm hoàn thiện việc đánh giá rủi ro đến từ các khách hàng cá nhân, Techcombank đã đưa vào sử dụng mô hình xác định và mô phỏng xác suất vỡ nợ (Probability of default) của khách hàng cá nhân nhằm lượng hóa các tổn thất tín dụng. Ngân hàng sẽ xác định các biến số trong mô hình dựa trên các dữ liệu nội bộ, bao gồm thông tin về khách hàng, lịch sử giao dịch, lịch sử thanh toán trong quá khứ, dữ liệu của cơ quan tín dụng, tài sản hiện có và các sản phẩm ngân hàng đang được khách hàng sử dụng. Ngoài ra, Techcombank cũng đã hoàn thiện mô hình mới có khả năng dự phóng các tổn thất ước tính (Loss Given Default) để tính toán giá trị nội tại và giá trị còn lại của tài sản đảm bảo nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến động thị trường lên giá trị tài sản này.

Sự kết hợp giữa mô hình Xác định và mô phỏng xác suất vỡ nợ (PD) và mô hình dự phóng các tổn thất ước tính (LGD) giúp ngân hàng lượng hóa rủi ro tín dụng của khách hàng tại bất cứ thời điểm nào, từ đó giúp Ngân hàng ra các quyết định tín dụng khác nhau như phê duyệt hồ sơ vay, quyết định bán chéo sản phẩm và các quyết định khác tại giai đoạn tiền phê duyệt và/hoặc giai đoạn cảnh báo sớm.

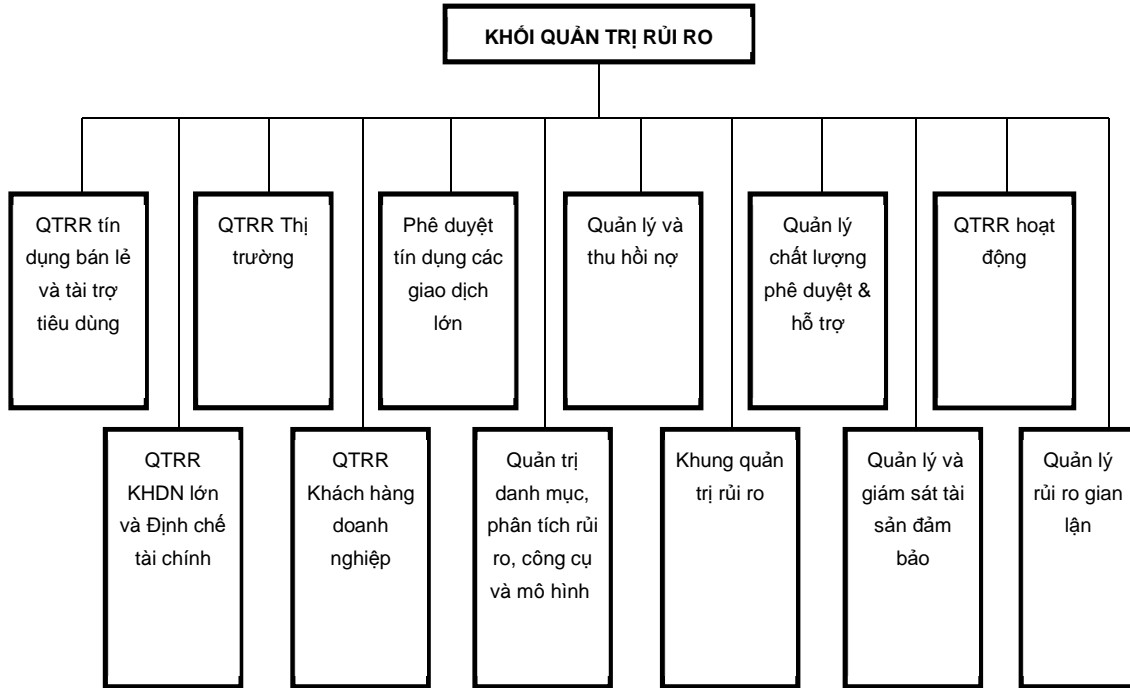
▪ Mô hình đánh giá tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp

Khách hàng doanh nghiệp được xếp loại bằng những mô hình PD khác nhau, tùy theo phân khúc khách hàng. Những mô hình này tích hợp và xem xét đến các yếu tố định lượng và cả định tính nhằm đánh giá khách hàng qua ba tiêu chí: (i) ngành, lĩnh vực hoạt động và sự thành lập; (ii) mức độ tin cậy về mặt tín dụng của khách hàng; và (iii) ngành nghề kinh doanh, tình hình tài chính, tài sản và khả năng chi trả.

Các khách hàng doanh nghiệp được xếp loại, đánh giá lại định kỳ mỗi năm một lần hoặc khi có sự thay đổi đáng kể ảnh hưởng đến xếp loại rủi ro của khách hàng. Kết quả xếp loại được sử dụng như nguồn tham chiếu chính trong quá trình phê duyệt tín dụng của khách hàng.

d) Cơ cấu tổ chức của Khối quản trị rủi ro

Hình 4: Cơ cấu tổ chức của Khối quản trị rủi ro



Nguồn: Techcombank

▪ **Quản trị rủi ro tín dụng bán lẻ và tài trợ tiêu dùng**

- ✓ Phát triển hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu và các công cụ QTRR phục vụ công tác QTRR cho danh mục tín dụng cá nhân và giám sát và cảnh báo sớm danh mục tín dụng cá nhân và tài trợ tiêu dùng;
- ✓ Xây dựng và chỉnh sửa hệ thống chính sách tín dụng cá nhân bao gồm: Khẩu vị rủi ro, chính sách tín dụng, chính sách thẩm định/phê duyệt và đóng góp ý kiến về chính sách sản phẩm tín dụng cá nhân và tài trợ tiêu dùng;
- ✓ Thiết lập đội điều tra hồ sơ tín dụng giả mạo để điều tra các hồ sơ giả mạo nhằm hạn chế rủi ro;
- ✓ Phát triển các mô hình quản trị rủi ro tín dụng cá nhân bao gồm hệ thống xếp hạng khách hàng trước và sau phát vay để hỗ trợ quy trình thẩm định/phê duyệt cũng như các mô hình dự báo cho công tác lập kế hoạch nợ xấu cho danh mục tín dụng cá nhân và tài trợ tiêu dùng. Triển khai và quản lý hệ thống SM để tự động hóa các chính sách và mô hình xếp hạng tín dụng cá nhân và tài trợ tiêu dùng trên hệ thống LOS;

- ✓ Thực hiện các công việc về thẩm định các hồ sơ đề xuất cấp tín dụng, đưa ra những ý kiến độc lập và những đề xuất giảm thiểu rủi ro tín dụng;
- ✓ Đưa ra các quyết định phê duyệt theo chính sách, sản phẩm của Techcombank một cách rõ ràng, nhất quán trong phạm vi thời gian quy định.

▪ **Quản trị rủi ro khách hàng doanh nghiệp lớn và định chế tài chính**

Là đầu mối tại Khối Quản trị Rủi ro đảm bảo công tác quản trị rủi ro tín dụng theo phân khúc KHDN lớn và ĐCTC, bao gồm:

- ✓ Chính sách quản trị rủi ro, chính sách đặc thù theo phân khúc (khẩu vị rủi ro, quy định, quy trình, hướng dẫn, sản phẩm liên quan tới hoạt động kinh doanh...);
- ✓ Tái thẩm định;
- ✓ Thực hiện nhận diện và cảnh báo sớm; đề xuất kịp thời các hành động cụ thể nhằm hạn chế, giảm thiểu rủi ro cho Techcombank;
- ✓ Quản lý chất lượng nợ và dự phòng, giám sát việc thực hiện đảm bảo tuân thủ các giới hạn tín dụng theo quy định, khẩu vị từng thời kỳ.

▪ **Quản trị rủi ro thị trường**

- ✓ Quản trị rủi ro thị trường phát sinh trong hoạt động kinh doanh của toàn Ngân hàng thông qua xây dựng và thực hiện kiểm soát hạn mức rủi ro, phân tích rủi ro danh mục, cảnh báo và đề xuất các phương án phòng ngừa và hạn chế rủi ro;
- ✓ Xây dựng phương pháp đo lường rủi ro thị trường, các mô hình hậu kiểm phương pháp đo lường, nhằm đảm bảo các mô hình là phù hợp;
- ✓ Đánh giá rủi ro thị trường đối với các sản phẩm, chương trình trên toàn Ngân hàng.

▪ **Quản trị rủi ro khách hàng doanh nghiệp**

- ✓ Là đầu mối tại Khối Quản trị Rủi ro thực hiện phối hợp với Khối BB trong việc xây dựng khẩu vị rủi ro tín dụng, chính sách tín dụng, sản phẩm tín dụng, thực hiện nhận diện và cảnh báo sớm rủi ro đối với nhóm khách hàng doanh nghiệp;
- ✓ Tập trung tác nghiệp từ khi khách hàng phát sinh nghĩa vụ tại Techcombank cho đến trước khi phát sinh nợ quá hạn, đề xuất kịp thời các hành động cụ thể nhằm hạn chế, giảm thiểu rủi ro tín dụng cho Ngân hàng.

▪ **Phê duyệt tín dụng các giao dịch lớn**

- ✓ Phê duyệt tín dụng theo các thẩm quyền được ngân hàng ủy quyền trong thời gian được qui định một cách nhanh chóng, hiệu quả, nhất quán và hài hòa giữa khẩu vị rủi ro và chính sách kinh doanh của Ngân hàng;
- ✓ Tham gia đóng góp vào chính sách quản trị rủi ro của Ngân hàng.

▪ Quản lý và thu hồi nợ

- ✓ Giám sát tổng thể phân luồng toàn hệ thống đảm bảo mọi khoản nợ vay có vấn đề trong hệ thống Techcombank đều được phân luồng đúng và đủ. Kiểm soát và nghiên cứu nâng cao chất lượng công tác quản trị phân luồng nợ vay có vấn đề;
- ✓ Là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm điều phối, thực hiện các công việc liên quan đến mua, bán và xử lý nợ xấu với Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC);
- ✓ Tổ chức, điều phối, thực hiện công tác thư ký cho các phiên họp định kỳ/bất thường của Hội đồng Xử lý nợ và Rủi ro tín dụng/các hội đồng khác phục vụ công tác xử lý nợ;
- ✓ Là đơn vị đầu mối quản lý và giám sát book Xử lý nợ, bao gồm công tác chuyển các khoản nợ sang book Xử lý nợ và công tác phát sinh khi khoản nợ đã thuộc book Xử lý nợ, ... và các công việc khác theo mô tả trong văn bản “Quy trình chuyển giao và quản lý nợ có vấn đề về tập trung tại hội sở”;
- ✓ Thực hiện các công việc kiểm tra, tái thẩm định các hồ sơ khách hàng doanh nghiệp và cá nhân thuộc phân luồng Giải Pháp Tài Chính và/hoặc theo yêu cầu của Hội đồng Xử lý nợ & Rủi ro tín dụng/Hội đồng Tín dụng cao cấp;
- ✓ Giám sát quá trình triển khai phương án tái cấu trúc cùng với Vùng/Chi nhánh, tư vấn phương án điều chỉnh nếu cần thiết;
- ✓ Quản trị giám sát danh mục khách hàng tái cấu trúc tài chính tổng hợp báo cáo định kỳ tới Ban Điều hành...;
- ✓ Tham mưu cho Hội đồng Xử lý nợ & Rủi ro tín dụng /Hội đồng Tín dụng các vấn đề liên quan:
 - Thể hiện quan điểm độc lập trong quá trình tái thẩm định phương án tái cấu trúc tài chính/hoạt động của doanh nghiệp và cá nhân
 - Phản biện và tham vấn giải pháp tháo gỡ các khó khăn trong quá trình triển khai tái cấu trúc tài chính/hoạt động của doanh nghiệp và cá nhân
 - Thư ký cho Hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng/Hội đồng tín dụng theo phân công.
- ✓ Tham mưu cho Ban Điều hành các vấn đề liên quan:
 - Chính sách liên quan tới chiến lược xử lý nợ/tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và cá nhân trong từng thời kỳ;
 - Điều chỉnh các chính sách tín dụng/Khẩu vị rủi ro của Techcombank nhằm mục đích giảm thiểu tổn thất khi khách hàng phát sinh nợ vay có vấn đề;
 - Đóng góp ý kiến xây dựng/đề xuất điều chỉnh Quy chế Tổ chức và hoạt động của hội đồng xử lý nợ và rủi ro tín dụng khi có yêu cầu;
 - Văn bản chính sách liên quan đến hoạt động phân luồng, giám sát phân luồng nợ

có vấn đề trên toàn hệ thống. Góp ý/đề xuất sửa đổi các nội dung liên quan đến Quy trình, quy định về nợ có vấn đề của Techcombank.

- ✓ Thực hiện các công việc theo sự phân công của Khối QTRR
- ✓ Thực hiện thêm các chức năng khác được quy định bổ sung trong các Quy trình, quy định, hướng dẫn của Techcombank trong từng thời kỳ (nếu có).
- **Quản trị danh mục, phân tích rủi ro & công cụ và mô hình**
 - ✓ Tổng hợp thông tin, thực hiện các báo cáo quản trị rủi ro danh mục tín dụng và đề xuất và kiểm soát cấu trúc Danh mục tín dụng và các ngưỡng QTRR tín dụng;
 - ✓ Xây dựng và dự báo chất lượng tín dụng của toàn danh mục, Đánh giá tác động và thay đổi Danh mục tín dụng theo kế hoạch đã xây dựng đầu năm;
 - ✓ Thực hiện phân loại nợ và quản lý phân loại nợ, dự phòng Rủi Ro Tín dụng;
 - ✓ Xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng cho các nhóm khách hàng khác nhau của khối Khách hàng Doanh nghiệp và Ngân hàng bán buôn. Theo dõi, đánh giá định kỳ tính chính xác và hiệu quả của hệ thống tín dụng khách hàng;
 - ✓ Xây dựng các mô hình QTRR tín dụng khác như mô hình tính toán định lượng rủi ro khác như: LGD, EAD, Pricing Models/Facilities Profitability (mô hình tính giá cho khách hàng);
 - ✓ Xây dựng hệ thống thông tin QTRR, cung cấp các báo cáo và dữ liệu QTRR.
- **Khung quản trị rủi ro**
 - ✓ Xây dựng khung chính sách quản trị rủi ro, khung chính sách tín dụng bao gồm những chính sách, quy định nghiệp vụ cấp cao do HĐQT/ARCO ban hành;
 - ✓ Triển khai các quy định tuân thủ theo quy định của Ngân hàng nhà nước và ban hành lại các văn bản hướng dẫn về rủi ro của Ngân hàng nhà nước trên toàn hệ thống;
 - ✓ Hỗ trợ các đơn vị rủi ro kinh doanh trong xây dựng các văn bản nghiệp vụ tín dụng và QTRR cho từng phân khúc khách hàng;
 - ✓ Tham gia góp ý, nhận diện rủi ro các văn bản/quy định do các đơn vị trong và ngoài Techcombank ban hành;
 - ✓ Xây dựng, hỗ trợ xây dựng các chính sách qui định qui chế vận hành hội đồng diễn đàn theo yêu cầu từng thời kỳ, thư ký và điều phối, vận hành các Hội đồng/Diễn đàn khi được yêu cầu;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch, phối hợp quản lý/Thực hiện các dự án QTRR theo chiến lược phát triển chung của toàn Ngân hàng/chiến lược phát triển Quản trị rủi ro bao gồm: quản lý tổng quan danh mục dự án mà Khối là chủ trì hoặc phối hợp triển khai; cập nhật và báo cáo tiến độ dự án; quản lý, điều phối, kiểm soát việc thực hiện các dự án mà Khối QTRR là đơn vị chủ trì; thực hiện hoặc phối hợp triển khai các dự án theo yêu cầu, chỉ đạo của Ban giám đốc Khối (từng dự án cụ thể) ;

- ✓ Xây dựng và triển khai các chương trình nâng cao nhận thức và tăng cường QTRR toàn hệ thống; hỗ trợ thực hiện rủi ro hoạt động và xây dựng các chốt kiểm soát chất lượng QTRR nội khối;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch hành động của khối, kế hoạch phát triển nhân sự và chiến lược QTRR, kế hoạch tài chính và là đầu mối làm việc với Tài chính và các đơn vị khác về chiến lược và kế hoạch hành động;
 - ✓ Đầu mối của Khối QTRR làm việc với các bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ và bên ngoài (kiểm toán nội bộ, thanh tra NHNN...);
 - ✓ Quản lý hệ thống phân quyền phê duyệt tín dụng của Techcombank;
 - ✓ Lập kế hoạch, xây dựng, quản lý, theo dõi/giám sát thực hiện: ngân sách, nguồn lực, chi phí của toàn Khối.
- **Quản lý và giám sát tài sản bảo đảm**
- ✓ Xây dựng và quản trị hệ thống chính sách chung về tài sản bảo đảm toàn hệ thống
 - ✓ Phối hợp làm việc với các bộ phận trong hệ thống về xây dựng và điều chỉnh chính sách liên quan tới tài sản bảo đảm;
 - ✓ Xây dựng các bộ tiêu chí, quy chuẩn liên quan tới việc đánh giá, kiểm soát hoạt động của các tổ chức liên kết với Techcombank trong hoạt động quản lý và giám sát tài sản bảo đảm và giám sát chất lượng hoạt động của các bộ phận liên kết nói trên trong quá trình hợp tác với Techcombank;
 - ✓ Đầu mối giải đáp và truyền thông về hệ thống văn bản chính sách chung về tài sản bảo đảm hệ thống;
 - ✓ Giám sát tài sản bảo đảm hệ thống thông qua công tác rà soát danh mục tài sản bảo đảm và thực địa tài sản bảo đảm;
 - ✓ Cảnh báo các tồn tại về rủi ro tài sản bảo đảm/rủi ro trong công tác quản lý và giám sát tài sản bảo đảm;
 - ✓ Điều tra, khảo sát thị trường (quy hoạch, chính sách nhà nước...) liên quan tới giá tài sản bảo đảm;
 - ✓ Xây dựng các khung giá hàng hóa, ô tô... phục vụ hoạt động định giá tài sản bảo đảm.
- **Quản lý chất lượng phê duyệt & hỗ trợ**
- ✓ Chịu trách nhiệm xây dựng, hoàn thiện và giám sát Data Mart và chuẩn hóa dữ liệu chung của Khối QTRR;
 - ✓ Quản trị dữ liệu, giám sát, khai thác và phân tích dữ liệu từ các hệ thống liên quan đến hoạt động thẩm định, tái thẩm định và phê duyệt tín dụng: Data warehouse, LOS, ARA, FAST-UP, ECM, CRIB, CCMS, T24, ICS, WB Applications ...;

- ✓ Đầu mối của Khối QTRR phối hợp với IT phân quyền sử dụng các hệ thống liên quan đến hoạt động thẩm định và phê duyệt tín dụng;
 - ✓ Đầu mối kiểm soát các yêu cầu phát triển và cải tiến hệ thống của Khối Quản trị rủi ro;
 - ✓ Kiểm soát tính hiệu quả hoạt động phê duyệt tín dụng dựa vào các báo cáo hiệu quả: Pipeline, ANF và các báo cáo khác;
 - ✓ Kiểm soát tính hiệu quả và minh bạch quy trình làm việc/workflow/process của các bộ phận thẩm định, phê duyệt nhằm đưa ra các đề xuất cải tiến, hoàn thiện các quy trình tác nghiệp;
 - ✓ Phân tích và giám sát định kỳ thông tin dữ liệu trên hệ thống hoạt động thẩm định và phê duyệt, đảm bảo thông tin các hồ sơ tín dụng được thẩm định, phê duyệt thực hiện theo đúng quy trình tác nghiệp, từ đó làm cơ sở đánh giá tính nhất quán, tính phù hợp về hoạt động thẩm định và phê duyệt;
 - ✓ Đầu mối theo dõi, báo cáo, đề xuất các phương pháp và thực hiện cải tiến quy trình chung của toàn ngân hàng;
 - ✓ Thực hiện vai trò vận hành các Hội đồng;
 - ✓ Vận hành hoạt động phân luồng hồ sơ tín dụng từ khâu thẩm định lên các cấp phê duyệt theo đúng quy định phân luồng phê duyệt của ngân hàng.
- **Quản lý rủi ro gian lận**
 - ✓ Xây dựng, duy trì, triển khai các công cụ, phương thức, các văn bản hướng dẫn về QTRR Gian lận. Đảm bảo các nội dung và phương thức thực hiện cách thống nhất và toàn diện trong khuôn khổ các chính sách, tiêu chuẩn, và phương pháp luận QTRR hoạt động;
 - ✓ Tiến hành đánh giá rủi ro và kiểm soát và rà soát rủi ro gian lận tại các đơn vị trong hệ thống;
 - ✓ Yêu cầu các đơn vị triển khai các công cụ QTRR gian lận bao gồm nhận diện, đánh giá, giám sát và báo cáo về rủi ro gian lận, đồng thời có các giải pháp giảm thiểu rủi ro gian lận tại Techcombank;
 - ✓ Quản trị trạng thái rủi ro gian lận của toàn ngân hàng. Báo cáo trạng thái rủi ro gian lận cho các đơn vị liên quan như là một cấu phần RRHĐ;
 - ✓ Phối hợp với QTRR hoạt động trong việc xây dựng các công cụ, chính sách chung về QTRR hoạt động nhằm hiệu quả công tác QTRR tại Techcombank.
 - **Quản trị rủi ro hoạt động**
 - ✓ Xây dựng, duy trì, triển khai, giám sát thực hiện các công cụ, phương thức, quy định QTRR hoạt động;

- ✓ Xây dựng và duy trì bộ máy QTRR hoạt động hiệu quả và phù hợp với Chính sách QTRR;
- ✓ Quản trị trạng thái rủi ro hoạt động và tiến độ xử lý rủi ro trong danh mục rủi ro hoạt động của toàn ngân hàng. Xây dựng và duy trì hệ thống thông tin dữ liệu để QTRR hoạt động hiệu quả;
- ✓ Kiểm soát, giám sát các hoạt động có rủi ro đảm bảo RRHD nằm trong hạn mức đã được phê duyệt, bao gồm việc kiểm soát, đánh giá rủi ro các sản phẩm, hoạt động, nghiệp vụ trước khi triển khai thực tế và rà soát thường xuyên trong quá trình hoạt động;
- ✓ Đề xuất phương thức quản lý các tiểu loại rủi ro hoạt động thông qua việc xem xét các văn bản quy định, quy trình và cách thức hoạt động của các đơn vị quản trị tiểu loại rủi ro hoạt động. Đảm bảo các công tác xử lý và quản trị các tiểu loại RRHD hiệu quả và phù hợp với Quy định QTRR hoạt động;
- ✓ Đánh giá các rủi ro trọng yếu toàn hệ thống và đưa ra các yêu cầu quản lý cho các tiểu loại rủi ro hoạt động trọng yếu bao gồm các quy trình, chính sách, phương thức quản trị và các yêu cầu tối thiểu nhằm giảm thiểu và quản lý rủi ro. Xây dựng danh mục các kịch bản sự kiện rủi ro trọng yếu, các danh mục sự kiện rủi ro bất thường và các kế hoạch giảm thiểu rủi ro;
- ✓ Hỗ trợ các đơn vị xác định, đánh giá, xử lý, giám sát, báo cáo các rủi ro hoạt động cụ thể phát sinh và thực hiện đào tạo, truyền thông và xây dựng văn hóa QTRR hoạt động;
- ✓ Hỗ trợ các đơn vị thiết lập và theo dõi những biện pháp giảm thiểu phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh trong phạm vi hạn mức khẩu vị rủi ro hoạt động và yêu cầu đủ vốn cho rủi ro hoạt động của Ngân hàng;
- ✓ Thực hiện báo cáo về QTRR hoạt động theo yêu cầu nội bộ hoặc của NHNN.

e) Mục tiêu và định hướng công tác quản trị rủi ro

Techcombank – hiểu rõ khách hàng để quản trị rủi ro tốt hơn

Quản trị rủi ro hiệu quả sẽ đảm bảo sức khỏe tài chính và sự phát triển bền vững của một ngân hàng. Vì vậy, trong những năm gần đây các ngân hàng Việt Nam rất chú trọng đầu tư và đẩy mạnh hoạt động quản lý rủi ro.

Sự khác biệt của Techcombank là tất cả mọi chiến lược và hoạt động của chúng tôi đều đặt khách hàng ở trung tâm, làm thế nào để mang lại giá trị cho khách hàng, đi song hành cùng với sự phát triển thịnh vượng của khách hàng thay vì tập trung bằng mọi cách để bán sản phẩm của mình. Khi hiểu khách hàng, chất lượng của sản phẩm dịch vụ sẽ sát với nhu cầu của khách hàng, và theo đó Ngân hàng cùng phát triển đồng hành với khách hàng. Hiểu rõ điều này, “Khách hàng là trọng tâm” cũng chính là kim chỉ nam cho hoạt động quản lý rủi ro của Techcombank và được thể hiện qua các góc độ sau:

❖❖ Mô hình quản lý rủi ro hướng tới khách hàng

Với mục tiêu QTRR hiệu quả, thông suốt, minh bạch và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, mô hình quản trị tại Techcombank tách biệt các chức năng bán hàng và phê duyệt chấp nhận rủi ro, theo đó các bộ phận chức năng đều có vai trò độc lập của mình. Việc có chung một mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, nhằm phát triển kinh doanh song hành với đảm bảo quản trị rủi ro hiệu quả là vô cùng thách thức. Tuy nhiên, mô hình QTRR được xây dựng theo từng phân khúc khách hàng, đáp ứng với quy mô, đặc tính, hành vi của từng nhóm khách hàng và với định hướng “QTRR chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn” đã giúp Techcombank ngày càng quản trị rủi ro hiệu quả hơn, hiểu khách hàng, nhận diện sớm các rủi ro và có các quyết định phù hợp hơn.

Không chỉ cung cấp các giải pháp tài chính cho khách hàng, Techcombank đồng thời tư vấn các cơ cấu tài chính và cung cấp nguồn tài chính cho cả khách hàng của khách hàng. Các khách hàng của Techcombank như Tập đoàn Vingroup (“Vingroup”) được cung cấp nguồn vốn cho các dự án xây dựng, bên cạnh đó, Techcombank cũng tư vấn các giải pháp quản trị, quản lý rủi ro hiệu quả đồng thời với việc cung cấp nguồn tín dụng cho các khách hàng trong hệ sinh thái của Vingroup như các nhà thầu, nhà cung cấp và các khách hàng mua bất động sản... Thông qua cách QTRR trên cơ sở bảo vệ khách hàng này, Techcombank kiểm soát chặt chẽ được dòng vốn, chi phí, doanh thu bán hàng, chủ động với các khó khăn của doanh nghiệp và giảm thiểu các rủi ro. Vingroup ngày càng phát triển, và Techcombank cũng sẽ lớn mạnh song hành cùng khách hàng.

Techcombank xây dựng các phương thức quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản linh hoạt và chủ động dự phòng cho các phương án rủi ro. Việc linh hoạt trong quản trị, giúp vừa quản lý được vốn mà đơn giản trong vận hành kinh doanh. Theo đó, các giải pháp và dịch vụ cho khách hàng cũng có nhiều lựa chọn hơn, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng. Một số sản phẩm được đánh giá cao, trong đó đặc biệt là các sản phẩm trái phiếu Doanh nghiệp bán cho các khách hàng cá nhân cũng được các khách hàng nhiệt tình tham gia.

❖❖ Văn hóa tuân thủ đảm bảo tính hệ thống và chuẩn mực

Với mục tiêu chiến lược là Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, Techcombank đã luôn tiên phong áp dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất vào hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong công tác quản trị rủi ro. Việc nghiêm túc tuân thủ các qui định pháp luật, các chuẩn mực tiêu chuẩn quốc tế và chủ động thực hiện áp dụng toàn hệ thống, Techcombank hướng tới xây dựng hệ thống minh bạch tin cậy đối với các khách hàng và đối tác.

Văn hóa tuân thủ được xây dựng, phát huy và đề cao ở Techcombank. Các cán bộ Techcombank nghiêm túc và đề cao tính tự giác tuân thủ, không dung túng bao che các vi phạm. Bên cạnh đó còn chủ động cam kết thực hiện các chuẩn mực hành vi và đạo đức nghề nghiệp.

❖ Basel II

Basel II, một chuẩn mực quản trị rủi ro hiện đại, đã sớm được Techcombank nghiên cứu và từng bước triển khai ngay từ năm 2012. Techcombank đã hoàn tất các yêu cầu của NHNN trong việc đánh giá chênh lệch, và tính toán CAR.

Trong năm 2017, Techcombank tiếp tục thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng vốn nội bộ, thiết lập các kịch bản và hoàn thiện các yêu cầu (về thông tin, tài liệu, quy trình ...) Việc tự đánh giá cũng mang lại các kết quả giúp Techcombank quản trị nội bộ tốt hơn và sẵn sàng nguồn lực áp dụng sớm các tiêu chuẩn quản trị rủi ro Basel II.

Việc tuân thủ áp dụng tiêu chuẩn Basel II sẽ giúp Ngân hàng bảo đảm nguồn vốn lành mạnh, tính toán được những các chi phí rủi ro, minh bạch thông tin và có các phương án dự phòng cho các rủi ro bên ngoài tác động.

❖ Liên tục cải tiến

Techcombank hiểu rằng để đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, chỉ có liên tục cải tiến các công cụ tự động hóa mới có các giải pháp phù hợp. Việc phát triển các công cụ QTRR tự động hóa, trên nền tảng dữ liệu vượt trội là giải pháp giúp Techcombank hiểu được đầy đủ khách hàng nhất, vừa phục vụ được đầy đủ các nhu cầu thực sự của khách hàng, giảm thiểu thời gian và chi phí vận hành, đồng thời nhận diện sớm nhất, chủ động và quản lý hiệu các rủi ro. Không dừng lại ở việc nhiều năm qua luôn dẫn đầu thị trường trong các đầu tư nghiên cứu liên tục cải tiến, phát triển về công nghệ thông tin và dữ liệu, nhiệm vụ này tiếp tục là trọng tâm phát triển nền tảng QTRR của Techcombank trong các năm tới.

Con người Techcombank cũng không bao giờ dừng lại, trong năm 2017, bên cạnh phát triển các chuyên môn nghiệp vụ bán hàng, nhân sự chú trọng vào mục tiêu “mỗi Techcomers là một chuyên gia về quản trị rủi ro”. Để thực hiện được điều này, các cán bộ Techcombank đặc biệt là các cán bộ bán hàng trực tiếp được đào tạo thường xuyên về nhận diện, đánh giá rủi ro và các giải pháp giảm thiểu. Bên cạnh các khóa đào tạo tập trung, các cán bộ QTRR trực tiếp đi gặp khách hàng và đồng hành của các đơn vị kinh doanh trong các công tác đánh giá, thẩm định, kiểm soát và nhận diện rủi ro là phương thức đào tạo trực tiếp hiệu quả đối với các cán bộ bán hàng trực tiếp.

Trên tất cả, văn hóa rủi ro từng bước được xây dựng, theo đó, mỗi cán bộ Techcombank đều có trách nhiệm quản trị rủi ro. Mọi nhân viên của Techcombank hiểu rõ các rủi ro phát sinh, kiểm soát các rủi ro là cách duy nhất để Techcombank phát triển bền vững và đạt được các mục tiêu chiến lược.

f) Quản trị tuân thủ và rủi ro hoạt động**❖ Hoạt động đã triển khai trong năm 2017**

Việc xây dựng và hoàn thiện Khung Quản trị rủi ro hoạt động – kim chỉ nam trong công tác QTRR hoạt động tại Techcombank - theo các tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế đã giúp công tác

QTRR hoạt động tại Techcombank trong năm 2017 được triển khai một cách bài bản, gắn kết trên cả 3 tuyến phòng thủ.

Các công cụ QTRR hoạt động tại Techcombank được triển khai mở rộng, đồng bộ tại các Khối kinh doanh và các Khối hỗ trợ, đặc biệt bắt đầu tập trung vào việc nhận diện sớm rủi ro ngay từ giai đoạn thiết kế/xây dựng quy trình/sản phẩm kinh doanh để vừa đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho Khách hàng vừa kiểm soát tốt rủi ro cho Khách hàng và Ngân hàng. Bên cạnh đó, cơ chế tiếp nhận báo cáo, phối hợp, theo dõi, xử lý các rủi ro/tồn thất phát sinh trên toàn hệ thống tiếp tục được duy trì để xử lý hiệu quả kịp thời, đồng thời hạn chế lặp lại các rủi ro hoạt động/tồn thất đối với Ngân hàng.

Xây dựng văn hóa QTRR và tuân thủ là một nhiệm vụ trọng tâm và mang tính chất dài hạn trong định hướng công tác QTRR hoạt động của Techcombank. Với mục tiêu văn hóa QTRR từ các cấp Lãnh đạo cao nhất được lan tỏa tới các cấp Lãnh đạo và toàn thể CBNV, năm 2017, Techcombank tiếp tục triển khai các hoạt động truyền thông, đào tạo, tăng cường nhận thức nhằm nâng cao năng lực QTRR hoạt động/tuân thủ cho toàn bộ CBNV. Nhờ đó, từng vị trí chức danh nắm bắt, hiểu được những rủi ro hoạt động có thể gặp phải trong quá trình vận hành và chủ động phòng ngừa, giảm thiểu các vi phạm tuân thủ/rủi ro đạo đức nghề nghiệp.

◆◆ Kế hoạch và định hướng

Trong các năm tới, Techcombank tập trung vào các nhiệm vụ sau trong công tác QTRR hoạt động:

- Vận hành hiệu quả Khung Quản trị rủi ro hoạt động một cách nhất quán trên toàn hệ thống, đưa công tác QTRR hoạt động gắn liền với hoạt động của tất cả đơn vị theo sự chỉ đạo, định hướng của Hội đồng rủi ro hoạt động và Pháp lý.
- Xây dựng một văn hóa QTRR hoạt động mạnh mẽ, trở thành một cấu phần quan trọng trong Văn hóa tổ chức của Techcombank.

4.6.3 Thị trường hoạt động

Cho đến ngày 31 tháng 03 năm 2018, Techcombank đã thành lập 01 hội sở, 02 văn phòng đại diện và 315 chi nhánh, điểm giao dịch tại các tỉnh thành trên cả nước. Ngoài ra, Techcombank đã triển khai mạng lưới 1.117 máy ATM riêng và 1.996 máy POS đặt tại các nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, công ty du lịch, khách sạn, v.v. để phục vụ hoạt động giao dịch thanh toán của các khách hàng là chủ thẻ. Đến tháng 6 năm 2017, Techcombank đã tham gia liên minh thẻ, cho phép khách hàng cá nhân truy cập vào 16.366 máy ATM và 293.166 máy POS trên toàn quốc. Ngoài ra, để phục vụ khách hàng doanh nghiệp, Techcombank hiện có 30 Trung tâm kinh doanh Khách hàng doanh nghiệp (Business Banking center) và 2 Trung tâm ngân hàng doanh nghiệp lớn (Wholesale Banking center) để phục vụ đối tượng là các doanh nghiệp lớn.

Bên cạnh đó, Techcombank còn có các kênh khác để tiếp cận và phục vụ khách hàng:

- **Đội ngũ Bán hàng trực tiếp (Direct Sales):** Đội ngũ nhân viên bán hàng trực tiếp là kênh bán hàng chính tại các thành phố lớn. Đội ngũ này phụ trách bán các sản phẩm như cho vay vốn lưu động, cho vay thực hiện chuỗi cung ứng và quản lý tiền mặt. Tất cả các nhân viên được đào tạo chuyên về từng ngành và phân khúc khách hàng cụ thể. Điều này cho phép đội ngũ thực hiện bán sản phẩm hiệu quả và cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện. Bên cạnh đó, đội ngũ này cũng phụ trách bán các sản phẩm đặc biệt khác tùy theo các chiến lược và chiến dịch đang diễn ra tại thời điểm hiện tại.
- **Đại lý:** Các đại lý là kênh bán hàng chính của Techcombank ở các tỉnh. Đại lý phụ trách bán các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ cho khách hàng mới. Tại các thành phố lớn, các đại lý chính là đại lý xe hơi và đại lý bất động sản hỗ trợ Techcombank trong việc giới thiệu cho khách hàng các khoản vay ô tô và vay thế chấp. Các đại lý không được phân loại như nhân viên của Techcombank vì các đại lý nhận thưởng bằng hoa hồng.
- **Tổng đài (Call centers):** Techcombank hiện có [67] tổng đài viên – người sẽ nhận, hướng dẫn và giải quyết các yêu cầu về sản phẩm và các chương trình khuyến mãi hiện đang triển khai. Nếu khách hàng quan tâm đến một sản phẩm nhất định, Tổng đài sẽ chuyển cuộc gọi tới đội bán hàng phù hợp theo yêu cầu hay kết nối người gọi tới nhóm bán hàng tương ứng thông qua hệ thống web nội bộ. Khách hàng có thể liên hệ đường dây nóng 24 giờ một ngày và 7 ngày một tuần.
- **Tiếp thị qua điện thoại:** Đội ngũ nhân viên gồm 59 nhân viên tiếp thị qua điện thoại sử dụng dữ liệu khách hàng nội bộ để bán sản phẩm thẻ và cung cấp các dịch vụ ngân hàng trực tuyến. Đội ngũ cũng liên tục tư vấn cho khách hàng về các chương trình khuyến mãi và tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng. Nhân viên tiếp thị thực hiện cuộc gọi tự động từ thứ hai đến thứ sáu trong giờ làm việc (8 giờ sáng đến 5 giờ chiều).
- **Ngân hàng trực tuyến - Internet Banking (“F@st i-bank”):** F@st i-bank là dịch vụ ngân hàng trực tuyến cho phép khách hàng tiến hành các giao dịch tài chính bất cứ nơi đâu và bất cứ lúc nào. Các dịch vụ hiện có trên F@st i-bank bao gồm tra cứu số dư, chuyển tiền, dịch vụ tiền gửi, yêu cầu thanh toán và truy vấn thẻ, yêu cầu vay tiền, hóa đơn và các dịch vụ thanh toán khác.
- **Ngân hàng qua điện thoại - Mobile Banking (“F@st Mobile”):** Ứng dụng F@st Mobile cung cấp cho khách hàng là những người sử dụng điện thoại thông minh khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính suốt 24 giờ. Các dịch vụ hiện có trên ứng dụng F@st bao gồm tra cứu tài khoản, chuyển tiền nhanh, thanh toán hóa đơn, tra cứu thẻ và các dịch vụ thanh toán khác.
- **Dịch vụ SMS Banking (“F@st Mobipay”):** Dịch vụ SMS Banking phục vụ cho số đông người Việt Nam không được kết nối internet. Các dịch vụ hiện có trên F@st Mobipay bao gồm tra cứu số dư, thanh toán hoá đơn và nạp tiền vào điện thoại di động trả trước.

Hiện tại, Techcombank đã có trên 5,3 triệu khách hàng cá nhân và trên 100.000 khách hàng doanh nghiệp đang sử dụng dịch vụ của Techcombank. Techcombank đã thiết lập một hệ

thống dịch vụ toàn diện nhằm đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng gồm dịch vụ ngân hàng bán buôn, ngân hàng bán lẻ, dịch vụ ngân hàng dành cho doanh nghiệp và các tổ chức khác, dịch vụ tài chính cá nhân. Đồng thời, Techcombank cũng phát triển các kênh giao dịch điện tử internet banking, mobile banking, hỗ trợ thanh toán hóa đơn và thanh toán qua các website bán hàng trên mạng trên thị trường Việt Nam.

4.6.4 Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

Hiện Techcombank đã và đang triển khai hàng loạt các dự án, trong đó:

Bảng 26: Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tình hình triển khai	Thời gian dự kiến hoàn thành
Quy trình rủi ro tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp	Tối ưu hóa quy trình tín dụng phê duyệt tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp Củng cố nền tảng quản trị rủi ro của Ngân hàng	Tinh giản quy trình giải ngân, thư viện điều kiện tín dụng và quy trình kiểm soát sau vay	Tháng 12/2018
Tối ưu hóa chi nhánh	Xây dựng quy trình quản trị rủi ro hoạt động, củng cố khung pháp lý tại các chi nhánh Củng cố nền tảng quản trị rủi ro của Ngân hàng	Bước đầu triển khai theo kế hoạch thực thi chi tiết	Tháng 01/2019
Nâng cao năng lực của lực lượng bán hàng (RM) cho khách hàng doanh nghiệp	Nâng cao năng lực của lực lượng bán hàng bằng việc hoàn thiện mô hình từ tuyển chọn, đào tạo và giữ chân cho lực lượng bán Củng cố nền tảng nhân sự vượt trội của Ngân hàng	Đang phát triển lộ trình đào tạo	Tháng 12/2018
Chiến lược dữ liệu	Tạo dựng nền tảng dữ liệu và phân tích mạnh để cho phép TCB thực hiện các dữ liệu và các quyết định được hỗ trợ phân tích; Gia tăng thêm giá trị cho các khía cạnh kinh doanh thông qua việc tăng năng suất bán hàng và quản lý rủi ro cao cấp nhờ sự hiểu biết tới khách hàng tốt hơn qua đó đáp ứng được nhu cầu của khách hàng Củng cố nền tảng dữ liệu xuất sắc	Đang thiết kế và xây dựng mô hình giá trị trọn đời cho BB và PFS	Tháng 03/2019

Mô hình kinh doanh Affluent và Mass Affluent	Hoàn thiện mô hình kinh doanh cho phân khúc Affluent và Mass Affluent thông qua sự hiểu biết về khách hàng và hệ thống quản lý khách hàng từ lúc tiếp xúc khách hàng lần đầu đến suốt vòng đời của khách hàng tại TCB	Hoàn thiện mô hình kinh doanh, chuẩn bị triển khai các sáng kiến	Tháng 11/2019
SSP 3.0	Phát triển quy trình Quản trị giá trị khách hàng cho từng phân khúc với việc cung cấp những sản phẩm và dịch vụ khác biệt tới khách hàng dựa trên thấu hiểu sở thích/mong muốn và hành vi của khách hàng	Đang xây dựng cơ sở hiểu biết và giá trị khách hàng	2020

Nguồn: Techcombank

4.7 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

4.7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Bảng dưới đây thể hiện Kết quả hoạt động kinh doanh của Techcombank qua các năm:

Bảng 27: Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2016	2017	% tăng giảm	31/03/2018	2016	2017	% tăng giảm	31/03/2018
Tổng giá trị tài sản	234.949	268.354	14,2%	271.553	235.363	269.392	14,5%	273.153
Vốn chủ sở hữu	18.394	24.970	35,8%	35.716	19.587	26.931	37,5%	37.616
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	11.139	15.233	36,8%	4.658	11.833	16.344	38,1%	4.660
<i>Thu nhập lãi thuần</i>	<i>8.118</i>	<i>8.829</i>	<i>8,8%</i>	<i>2.527</i>	<i>8.142</i>	<i>8.930</i>	<i>9,7%</i>	<i>2.547</i>
<i>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</i>	<i>1.456</i>	<i>3.323</i>	<i>128,2%</i>	<i>409</i>	<i>1.956</i>	<i>3.812</i>	<i>94,9%</i>	<i>492</i>
<i>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</i>	<i>240</i>	<i>278</i>	<i>15,88%</i>	<i>45</i>	<i>240</i>	<i>279</i>	<i>16,33%</i>	<i>45</i>
<i>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh</i>	<i>382</i>	<i>808</i>	<i>111,5%</i>	<i>414</i>	<i>606</i>	<i>1.252</i>	<i>106,6%</i>	<i>453</i>

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ				Hợp nhất			
	2016	2017	% tăng giảm	31/03/2018	2016	2017	% tăng giảm	31/03/2018
<i>doanh, chứng khoán đầu tư</i>								
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	163	386	136,8%	1.069	0	356	75,543%	894
Lãi thuần từ hoạt động khác*	780	1.609	106,3%	194	888	1.715	93,1%	229
Chi phí hoạt động	4.045	4.574	13,1%	1.231	4.175	4.698	12,5%	1.267
Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	718	1.362	89,77%	492	873	1.565	79,3%	518
Lợi nhuận trước thuế	3.434	7.057	105,5%	2.602	3.997	8.036	101,1%	2.569
% LNTT/TOI	30,8%	46,3%	15,5%	55,9%	33,8%	49,2%	15,4%	55,1%
Lợi nhuận sau thuế	2.734	5.678	107,7%	2.110	3.149	6.446	104,7%	2.049
% LNST/TOI	24,5%	37,3%	12,8%	45,3%	26,6%	39,4%	12,8%	44,0%
CAR	11,33%	11,19%	-0,14%	13,91%	13,12%	12,68%	-0,44%	14,48%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	16,0%	26,2%	10,2%	27,6%	17,5%	27,7%	10,2%	25,2%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất các năm 2016, 2017 và Quý I/2018 do Techcombank tự lập

Ghi chú: ROAE của Quý 1/2018 đã được niên hóa. Số liệu riêng lẻ và hợp nhất chưa niên hóa của Quý 1/2018 lần lượt là 6,90% và 6,35%

(*) Lãi thuần từ hoạt động khác bao gồm Thu từ các công cụ tài chính phái sinh khác, Thu hồi nợ đã xóa sổ trong những năm trước, Thu nhập từ tất toán sớm trái phiếu VAMC

◆ Tổng tài sản

Tổng tài sản của Techcombank năm 2017 tăng 14,5% so với năm 2016 và đạt 269.392 tỷ đồng. Đóng góp chính vào sự tăng trưởng này là từ tăng trưởng tín dụng. Tổng dư nợ cho vay khách hàng năm 2017 của Techcombank tăng 12,8% so với năm 2016, trong đó có đóng góp lớn của Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân (“PFS”), đưa tỷ trọng của PFS lên chiếm 39,4% tổng dư nợ cho vay của Ngân hàng. Sản phẩm cho vay thế chấp mua nhà của PFS tiếp tục tăng trưởng nhờ được thúc đẩy bởi sự tăng trưởng của thị trường vay thế chấp mua nhà tại Việt Nam. Bên cạnh đó, mối quan hệ cộng sinh đôi bên cùng có lợi bền chặt giữa

Techcombank với các nhà phát triển bất động sản cũng hỗ trợ rất nhiều vào tăng trưởng dư nợ cho vay thế chấp mua nhà của Ngân hàng. Chiến lược này giúp tạo ra sự khác biệt cho Techcombank trong việc cùng thực hiện chiến dịch tiếp thị, marketing cho dự án và đồng thương hiệu với các nhà phát triển bất động sản; bên cạnh đó, các nhân sự quản lý của Ngân hàng cũng cùng làm việc sát sao với đối tác để hoàn thành tốt nhất các dự án.

Khối Ngân hàng Bán buôn (“WB”) đóng góp khoảng 46,2% trong tổng dư nợ cho vay và tăng 15,8% so với năm 2016. Chiến lược tổng thể của Ngân hàng là chuyển dịch các khoản vay của khách hàng WB sang tập trung cho vay ngắn hạn nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản. Techcombank hỗ trợ giải quyết nhu cầu tín dụng trong dài hạn của khách hàng doanh nghiệp bằng cách cung cấp những giải pháp, dịch vụ thu phí khác như dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp bằng nội tệ do Khối Ngân hàng Đầu tư thực hiện.

Tín dụng từ Khối Khách hàng Doanh nghiệp (“BB”) cũng tăng trưởng khoảng 10,3% so với năm 2016. Nhằm phục vụ tốt hơn các khách hàng SME, ngân hàng đã mở 15 Trung tâm Kinh doanh Khách hàng Doanh nghiệp (BBC) tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh với đội ngũ bán hàng, các quy trình thẩm định và phê duyệt tín dụng, dịch vụ khách hàng được thiết kế riêng phù hợp với khách hàng SME cũng như ngành nghề kinh doanh của khách hàng.

Tuy tín dụng có tăng trưởng cao nhưng Techcombank vẫn kiểm soát tốt chất lượng các khoản vay. Điều này được thể hiện bởi hệ số CAR của Techcombank luôn vượt xa yêu cầu tối thiểu của NHNN.

Bên cạnh đó, năm 2017 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác cũng tăng 39,3% so với năm 2016, đạt 30.156 tỷ đồng với chi phí huy động thấp, qua đó giúp Techcombank kiểm soát được chi phí huy động của Ngân hàng.

❖ Vốn chủ sở hữu

Trong năm 2017, Techcombank đã tăng vốn điều lệ từ 8.878 tỷ đồng lên 11.655 tỷ đồng thông qua việc phát hành 70 triệu cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu với giá bán 30.000 đồng/cổ phần, và từ nguồn trái phiếu chuyển đổi. Việc chào bán và chuyển đổi trái phiếu thành công cũng đã góp phần tăng Thặng dư vốn của Techcombank và đạt 2.165 tỷ đồng. Đồng thời, Techcombank cũng đã thực hiện việc mua 172.353.345 cổ phiếu của cổ đông lớn là Ngân hàng HSBC để làm cổ phiếu quỹ.

Quý 1 năm 2018, Techcombank thực hiện bán cổ phiếu quỹ cho cán bộ công nhân viên và hai nhà đầu tư nước ngoài với tổng cộng số lượng cổ phiếu quỹ bán được là 107.942.188 cổ phiếu. Việc bán cổ phiếu quỹ này mang lại cho Techcombank thặng dư 6.100 tỷ đồng.

❖ Tổng thu nhập hoạt động (TOI) và Chi phí hoạt động

Tổng thu nhập hoạt động của Techcombank năm 2017 tăng 38,1% so với năm 2016, đạt 16.344 tỷ đồng. Trong đó thu nhập lãi thuần từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng có xu hướng giảm trong cơ cấu tổng thu nhập hoạt động của Techcombank với tỷ lệ tương ứng cho

năm 2017 và năm 2016 là 68,8% và 54,6%. Đồng thời, thu nhập ngoài lãi tăng dần qua các năm, đặc biệt là lãi từ hoạt động dịch vụ, chủ yếu nhờ đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ bancassurance, thẻ tín dụng và thẻ thanh toán, ngân hàng đầu tư và ngân hàng giao dịch. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ của Ngân hàng chủ yếu đến từ các sản phẩm đáp ứng nhu cầu tài chính của nhóm dân số có thu nhập ngày càng cao tại Việt Nam. Các yếu tố thúc đẩy tăng trưởng thu nhập ngoài lãi của Ngân hàng là tình hình kinh tế Việt Nam thuận lợi và việc Techcombank cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tài chính ưu việt hơn so với các đối thủ trong ngành.

Tổng chi phí hoạt động của Techcombank đạt 4.698 tỷ đồng năm 2017, tăng 12,5% so với năm 2016. Tỷ lệ tổng chi phí hoạt động trên tổng thu nhập hoạt động giảm từ 35,3% năm 2016 xuống còn 28,7% năm 2017 và 27,2% trong 3 tháng đầu năm 2018. Lương và các chi phí liên quan chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng chi phí hoạt động (tỷ trọng trên 50%) hàng năm, đứng thứ 2 là chi phí thuê văn phòng và tài sản (tỷ trọng khoảng 10%), các chi phí khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chi phí hoạt động. Việc duy trì tỷ trọng chi phí nhân sự trên tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng ở mức thấp phụ thuộc vào khả năng giữ và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên. Hiện tại, đội ngũ nhân viên của toàn hệ thống Techcombank đang dẫn đầu về hiệu suất hoạt động trong ngành. Techcombank cũng tối ưu hóa chi phí bằng cách tận dụng hiệu quả các kênh ngân hàng điện tử và ngân hàng số, vốn có chi phí vận hành thấp hơn cho mỗi giao dịch và cũng giúp Ngân hàng tiếp cận khách hàng ở các vùng nông thôn với chi phí thấp hơn. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, Techcombank có tổng thu nhập hoạt động và lãi thuần từ hoạt động dịch vụ trên mỗi nhân viên lần lượt là 1,9 tỷ đồng/người và 435 triệu đồng/người. Kết quả đạt được nhờ vào đội ngũ bán hàng chất lượng cao, trẻ trung, năng động và có sự gắn kết, trung thành cao với Ngân hàng, ngoài ra, Ngân hàng cũng rất chú trọng vào chất lượng của hoạt động tuyển dụng, giữ chân nhân tài và đầu tư đáng kể vào công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Lợi nhuận

Năm 2017 tiếp tục là một năm thành công của Techcombank khi lợi nhuận sau thuế đạt 6.446 tỷ đồng, tăng 104,7% so với năm 2016 và tăng gấp 4,2 lần so với năm 2015. 3 tháng đầu năm 2018, Techcombank cũng đạt mức lợi nhuận sau thuế cao ở mức 2.049 tỷ đồng, tăng 93,5% so với cùng kỳ năm 2017. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân năm 2017 đạt mức kỷ lục 27,7%, trong đó 3 tháng đầu năm 2018 (đã niên hóa) đạt 25,2%.

Ngoài ra, trong Quý I năm 2018, Techcombank cũng ghi nhận khoản lãi ròng 894 tỷ đồng từ việc thoái toàn bộ phần vốn tại Công ty TNHH MTV Tài Chính Kỹ Thương (Techcom Finance - TCF). Điều này góp phần làm cho Lợi nhuận sau thuế của Techcombank đạt 2.049 tỷ đồng, tăng 93,5% so với cùng kỳ năm 2017.

4.7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Techcombank

Hoạt động của Techcombank trong năm 2016 và năm 2017 chịu ảnh hưởng bởi hai nhóm nhân tố chính, bao gồm nhóm các nhân tố bên trong và nhóm các nhân tố bên ngoài. Cả hai nhóm nhân tố này sẽ tác động đến Techcombank theo cả hai chiều, có thể mang lại thuận lợi nhưng cũng có thể sẽ tạo ra khó khăn.

◆ Khó khăn

- Việt Nam đã tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (“CPTPP”), Cộng đồng Kinh tế chung ASEAN (“AEC”) cũng đã thành lập và các Hiệp định tự do thương mại với các đối tác trên thế giới, do đó trong hội nhập có cơ hội nhưng cũng có thách thức:
 - ✓ Việc mở cửa thị trường tài chính làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, áp lực cạnh tranh cũng tăng dần theo lộ trình nới lỏng các quy định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, đặc biệt là các quy định về mở chi nhánh và các điểm giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng. Trong khi các tổ chức tài chính Việt Nam còn nhiều yếu kém: trình độ chuyên môn và trình độ quản lý còn bất cập, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh thấp, nợ quá hạn cao, khả năng chống đỡ rủi ro kém... Nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh về quy mô, khách hàng và hệ thống kênh phân phối là nhãn tiền khi mà các hỗ trợ từ phía Chính phủ, NHNN thông qua các rào cản, phân biệt đối xử không còn nữa. Mở cửa thị trường tài chính trong nước cũng làm tăng rủi ro do những tác động từ bên ngoài, cơ hội tận dụng chênh lệch tỉ giá, lãi suất giữa thị trường trong nước và thị trường quốc tế giảm dần. Hệ thống ngân hàng Việt Nam cũng phải đối mặt với các cơn sốc kinh tế, tài chính quốc tế và nguy cơ khủng hoảng. Trong trường hợp đó, thị trường vốn chưa phát triển sẽ khiến hệ thống ngân hàng phải chịu mức độ thiệt hại lớn hơn do rủi ro gây nên.
 - ✓ Trong bối cảnh đó, thể chế của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam còn một số bất cập, hệ thống pháp luật về ngân hàng còn thiếu đồng bộ. Quy trình quản trị trong các tổ chức tín dụng nói chung vẫn chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch thấp, chưa hình thành môi trường làm việc và kinh doanh lành mạnh. Tuy nhiên, trong những năm qua, Techcombank đã có sự tư vấn của các công ty tư vấn hàng đầu thế giới như McKinsey và đã đưa vào áp dụng nhiều chuẩn mực quốc tế về quản trị và điều hành, tuy vậy điều đó chủ yếu giúp nâng cao được năng lực quản trị điều hành của Techcombank chứ không cải thiện được về mặt môi trường chung của cả ngành ngân hàng. Do quy định của các tổ chức xếp hạng về việc xếp hạng của tổ chức không vượt quá xếp hạng của ngành nên xếp hạng của Techcombank khó có thể được cải thiện nhanh chóng.

❖ Thuận lợi

- Bên cạnh những khó khăn được đề cập ở trên, thì tình hình kinh tế vĩ mô cũng có một số thuận lợi tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển, trong đó có Techcombank:
 - ✓ Tăng trưởng kinh tế tiếp tục được ghi nhận ở mức ổn định và đạt 6,81% trong năm 2017. Chỉ số giá tiêu dùng (“CPI”) tháng 12 năm 2017 tăng 0,21% so với tháng trước. Tính chung cả năm 2017, CPI đã tăng 3,53% so với cuối năm 2016, thấp hơn kế hoạch 4% được phê duyệt (nguồn: GSO). Việc ổn định nền kinh tế trong năm 2017 là kết quả của quá trình tái cơ cấu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, hiệu quả, cải thiện môi trường kinh doanh và phát huy tích cực vai trò Nhà nước kiến tạo.
 - ✓ Chính phủ gần đây đã thực hiện các biện pháp để tăng cường nền kinh tế Việt Nam và định hướng phát triển bền vững lâu dài. Ví dụ, Nghị quyết số 48/2017/QH14 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 thông qua ngày 10/11/ 2017, đã đề ra các biện pháp để ổn định nền kinh tế Việt Nam, kiểm soát lạm phát và tăng trưởng kinh tế, bao gồm: (i) giảm lãi suất phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô; (ii) đảm bảo đủ thanh khoản trong hệ thống ngân hàng; (iii) quản lý chặt chẽ và nâng cao chất lượng tín dụng; (iv) đảm bảo đủ cơ chế quản lý rủi ro trong hệ thống ngân hàng; (v) đẩy nhanh việc xử lý nợ xấu và cơ cấu lại tổ chức tín dụng; (vi) quản lý các tổ chức tín dụng yếu bằng các nguyên tắc thị trường và không phụ thuộc vào sự hỗ trợ và trợ cấp trực tiếp của Chính phủ; (vii) quản lý chặt chẽ hơn các quỹ của chính phủ; và (viii) kiểm soát chặt chẽ hơn về hoạt động của các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp nhà nước.
- Sự hội nhập kinh tế quốc tế cũng mang lợi rất nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp không những hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà còn trong lĩnh vực dịch vụ tài chính – ngân hàng, trong đó có Techcombank:
 - ✓ Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng là cơ hội để nhiều tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới tìm đến Việt Nam để đầu tư. Kết quả là thu hút FDI của Việt Nam liên tục duy trì mức tăng trưởng ấn tượng trong những năm gần đây. Do đó, các dịch vụ ngân hàng đi kèm như thanh toán quốc tế, mua bán ngoại tệ, L/C... sẽ được hưởng lợi từ xu thế này.
 - ✓ Hội nhập quốc tế cũng sẽ tạo cơ hội nâng cao năng lực và hiệu quả điều hành và thực thi chính sách tiền tệ; đổi mới cơ chế kiểm soát tiền tệ, lãi suất, tỉ giá theo nguyên tắc thị trường; cho phép các ngân hàng cơ hội trao đổi thông tin và ngăn ngừa rủi ro, qua đó hạn chế biến động của thị trường quốc tế và đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đổi lại, hệ thống ngân hàng thương mại và thị trường tiền tệ hoạt động an toàn và hiệu quả sẽ tạo thuận lợi cho việc nâng cao hiệu lực và hiệu quả của các chính sách tiền tệ; thúc đẩy cải cách thể chế, hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao năng lực hoạt động của các cơ quan quản lý tài chính.
- Quá trình tái cơ cấu ngành ngân hàng, xử lý nợ xấu đạt được nhiều thành công:

- ✓ Sau giai đoạn đầu của quá trình tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thì đến nay về cơ bản các ngân hàng đã và đang trên đà tăng trưởng trở lại. Kết quả này có được là nhờ có sự chỉ đạo quyết liệt của NHNN trong việc xử lý nợ xấu và các ngân hàng yếu kém. Trong đó, đáng chú ý là việc NHNN đã chủ động làm việc với Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Công an nhằm tìm kiếm các giải pháp giúp các ngân hàng có thể đẩy nhanh quá trình xử lý tài sản đảm bảo đối với các khoản nợ xấu.
- ✓ Trong các năm qua, Techcombank tiếp tục tập trung vào việc quản trị rủi ro tín dụng với những nỗ lực lớn trong việc quản lý nợ xấu. Đi cùng với tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng cho vay có điểm tín dụng cao, Techcombank đã thực hiện quản trị rủi ro tốt, tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,57% (năm 2016) và 1,61% (năm 2017) – thấp hơn mức quy định của NHNN là 3%.
- ✓ Thu nhập hoạt động cũng tăng 38,1% so với năm 2016, trong đó Thu nhập lãi thuần chiếm 54,6%, Lãi thuần từ dịch vụ khoảng 23,3% và Lãi thuần từ các hoạt động khác chiếm 22,1%.
- ✓ Bên cạnh đó, Techcombank đã kiểm soát tốt chi phí trong năm 2017 thông qua việc xác định và cắt giảm các chi phí không cần thiết, đồng thời cải thiện các loại chi phí giúp tăng doanh thu cũng như năng suất làm việc trong Techcombank, tỷ lệ Chi phí/thu nhập của Techcombank trong năm 2017 giảm xuống chỉ còn 28,7% từ mức 35,3% của năm 2016. Điều này góp phần làm cho Lợi nhuận sau thuế của Techcombank tăng mạnh so với năm 2016 và đạt 6.446 tỷ đồng.
- ✓ Techcombank có lợi thế về công nghệ và đây tiếp tục là cơ sở giúp Techcombank đẩy mạnh việc ứng dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ tiên tiến phù hợp với trình độ phát triển của hệ thống ngân hàng cũng như tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, phát triển hệ thống giao dịch trực tuyến, gia tăng năng lực cạnh tranh theo hướng tự động hoá.

4.8 Vị thế của Techcombank so với các Ngân hàng khác trong cùng ngành

4.8.1 Vị thế của Techcombank trong khu vực

Trải qua chặng đường 25 năm với tốc độ phát triển mạnh mẽ và những thành tích kinh doanh vượt trội, Techcombank đã nhiều lần được ghi nhận là một tổ chức tài chính uy tín với danh hiệu Ngân hàng tốt nhất Việt Nam. Không những thế, so với một số ngân hàng hàng đầu trong khu vực, Techcombank có kết quả hoạt động với hiệu quả cao.

Các ngân hàng trong khu vực được so sánh như sau:

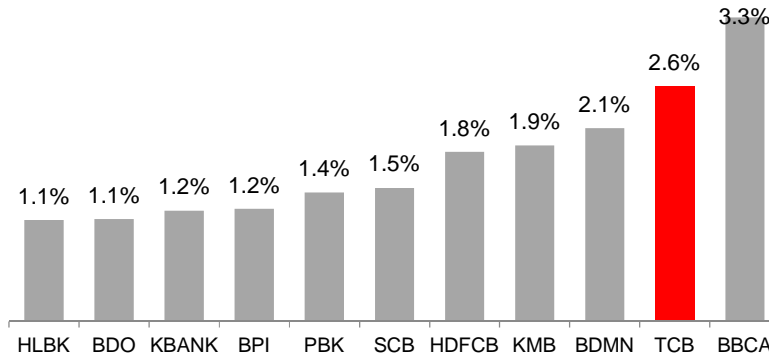
Bảng 28: Các ngân hàng trong khu vực

Tên ngân hàng	Quốc gia	Mã chứng khoán
Kotak Mahindra Bank Ltd	Ấn Độ	KMB
HDFC Bank Ltd	Ấn Độ	HDFCB

Bank of the Philippine Islands	Philippines	BPI
BDO Unibank Inc	Philippines	BDO
Siam Commercial Bank PCL	Thái Lan	SCB
Kasikornbank PCL	Thái Lan	KBANK
Public Bank Bhd	Malaysia	PBK
Hong Leong Bank Bhd	Malaysia	HLBK
Bank Central Asia Tbk PT	Indonesia	BBCA
Bank Danamon Tbk PT	Indonesia	BDMN

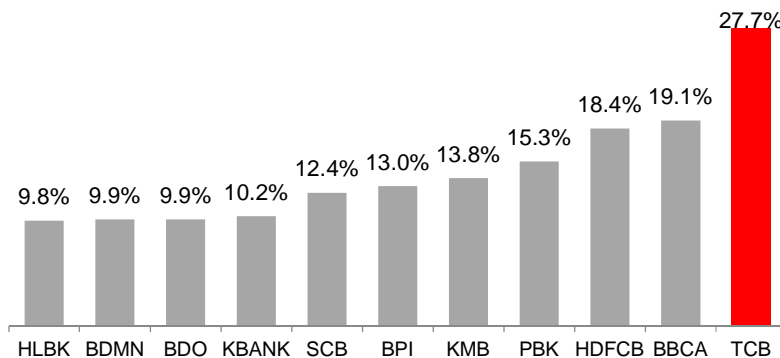
Lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản bình quân (ROAA) và Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) của Techcombank đều cao hơn các ngân hàng so sánh trong khu vực, đặc biệt là hệ số ROAE, Techcombank có hệ số cao nhất.

Hình 5: Hệ số ROAA - 31/12/2017



Nguồn: Báo của độc lập của Frost & Sullivan

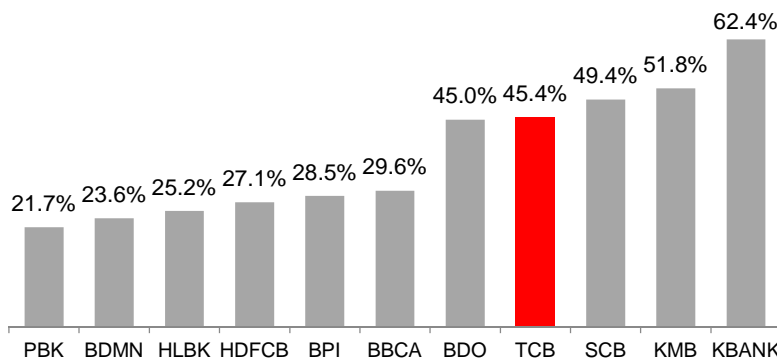
Hình 6: Hệ số ROAE - 31/12/2017



Nguồn: Báo của độc lập của Frost & Sullivan

Ngoài ra, Techcombank cũng như các ngân hàng lớn trong khu vực đều có tỷ trọng Thu nhập ngoài lãi ở mức cao trong Tổng thu nhập hoạt động. Điều đó chứng minh định hướng hoạt động hướng về dịch vụ của Techcombank là phù hợp với sự phát triển chung của ngành trong khu vực. Techcombank cũng thuộc những ngân hàng đạt mức cao đối với chỉ số này.

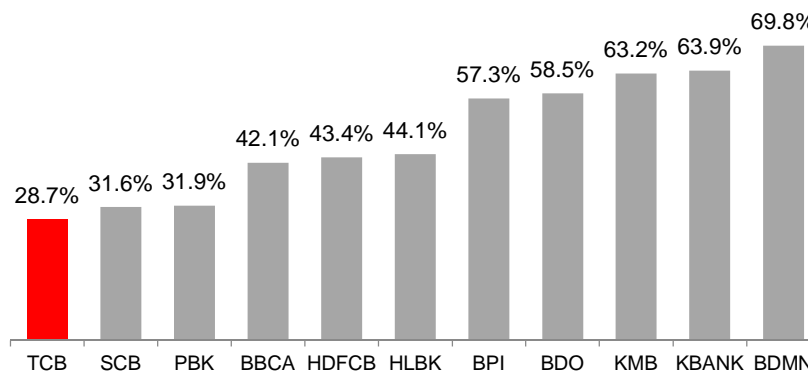
Hình 7: Lãi thuần từ các hoạt động dịch vụ/ Tổng thu nhập hoạt động - 31/12/2017



Nguồn: Báo của độc lập của Frost & Sullivan

Trong khi đó, xét về chỉ tiêu Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động thì Techcombank có hệ số thấp nhất trong các ngân hàng so sánh. Điều này thể hiện tính hiệu quả của Techcombank trong việc kiểm soát chi phí hoạt động.

Hình 8: Chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập hoạt động - 31/12/2017



Nguồn: Báo của độc lập của Frost & Sullivan

4.8.2 Vị thế của Techcombank tại Việt Nam

So với các ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam, Techcombank có nhiều thế mạnh góp phần khẳng định vị thế trên thị trường trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng và các dịch vụ có liên quan.

Hệ thống phân phối hàng đầu trên thị trường

Techcombank đã thiết lập được một mạng lưới phân phối rộng lớn, hiện đại và hiệu quả nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ ngân hàng cho khách hàng, kể cả hệ thống các mô hình chi nhánh và hệ thống ngân hàng điện tử. Tính đến ngày 31/03/2018, mạng lưới phân phối của

Techcombank là mạng lưới lớn thứ ba trong khối ngân hàng thương mại cổ phần tại Việt Nam với 01 hội sở, 02 văn phòng đại diện và 315 điểm giao dịch trên cả nước, chỉ sau Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng TMCP Á Châu. Techcombank cũng đang dẫn đầu trong nhóm các ngân hàng TMCP về số lượng máy ATM với 1.117 chiếc.

Ngoài ra hệ thống POS được trang bị tại các đơn vị chấp nhận thẻ của Techcombank cũng ngày càng mở rộng, tính đến hết 31/03/2018, Techcombank đã triển khai được mạng lưới POS với số lượng 1.996 máy tại các đơn vị chấp nhận thẻ là nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, công ty du lịch, khách sạn... phục vụ chủ thẻ giao dịch thanh toán.

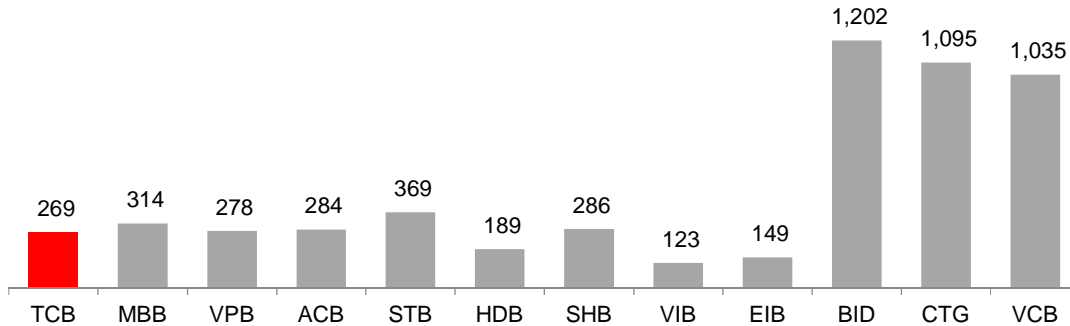
Quy mô

Năm 2017, Tổng tài sản của Techcombank đạt 269.392 tỷ đồng. So với các ngân hàng đang niêm yết/ đăng ký giao dịch thì Techcombank thuộc nhóm các ngân hàng thương mại cổ phần có quy mô tài sản cao.

Tính đến thời điểm 31/03/2018, Techcombank có vốn chủ sở hữu đạt 37.615 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 273.153 tỷ đồng.

Hình 9: Tổng tài sản của một số ngân hàng - 31/12/2017

Đvt: ngàn tỷ đồng

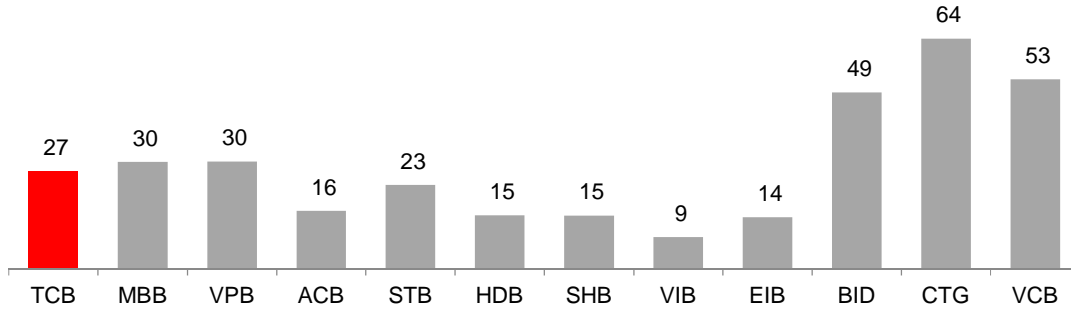


Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của các ngân hàng

Bên cạnh đó, về quy mô Vốn chủ sở hữu thì tại thời điểm cuối năm 2017, Techcombank đứng thứ bảy trong số các ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết/ đăng ký giao dịch tại thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hình 10: Vốn chủ sở hữu của một số ngân hàng - 31/12/2017

Đvt: ngàn tỷ đồng

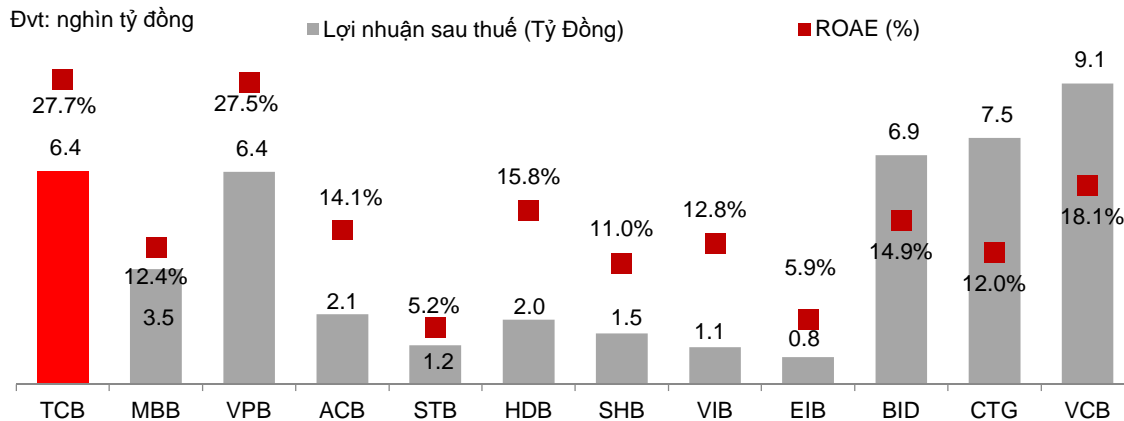


Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của các ngân hàng

◆ Hiệu quả hoạt động kinh doanh

Năm 2017, Techcombank đạt kết quả đột phá về kinh doanh với mức lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 8.036 tỷ đồng, tăng gần gấp 2 lần so với năm 2016. Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu bình quân tăng mạnh và đạt 27,7% - cao nhất trong số các ngân hàng đang hoạt động tại Việt Nam.

Hình 11: Kết quả hoạt động kinh doanh của một số ngân hàng - 31/12/2017

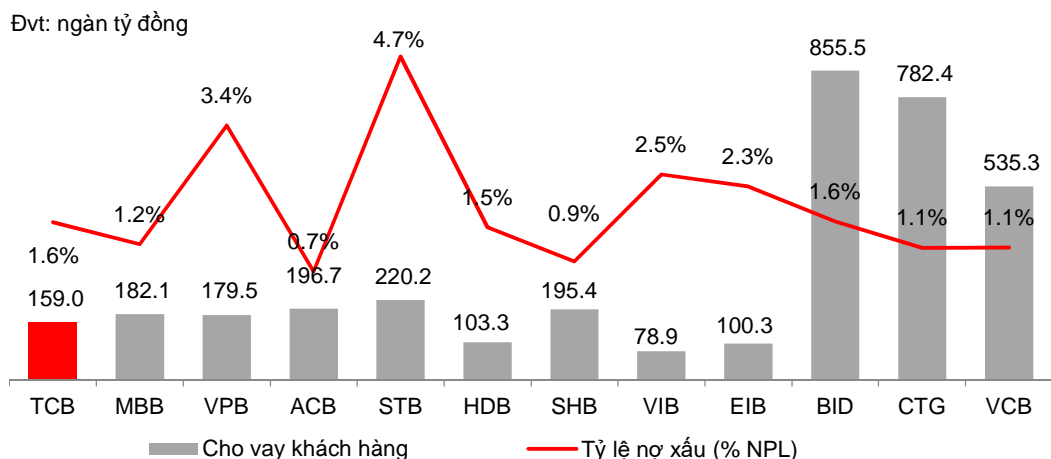


Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của các ngân hàng

◆ Mạng hoạt động kinh doanh chính

Chỉ tiêu so sánh về Huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng và Dư nợ cho vay của Techcombank so với 11 ngân hàng thương mại cổ phần đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam như sau:

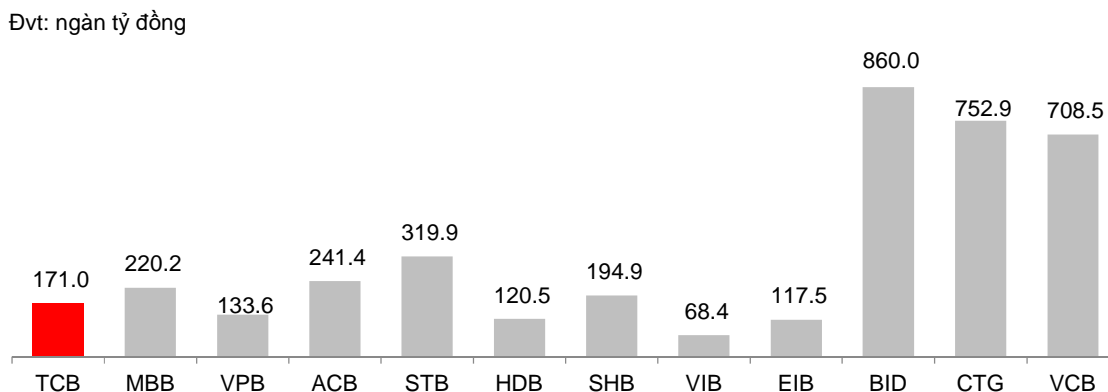
Hình 12: Dư nợ cho vay sau dự phòng của một số ngân hàng - 31/12/2017



Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của các ngân hàng

Dư nợ cho vay của Techcombank thấp hơn các ngân hàng quốc doanh và so với một số ngân hàng thương mại cổ phần thì Techcombank đứng thứ sáu trong số các ngân hàng thương mại cổ phần được so sánh như trên. Tuy nhiên, tỷ lệ nợ xấu của Techcombank được kiểm soát tốt và thuộc nhóm những ngân hàng có NPL thấp hơn so với quy định của NHNN.

Hình 13: Huy động vốn từ tiền gửi của khách hàng - 31/12/2017



Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của các ngân hàng

❖ Dẫn đầu về chất lượng sản phẩm

Với hiểu biết vượt trội về nhu cầu và hành vi của khách hàng, Techcombank là ngân hàng dẫn đầu về cung cấp các sản phẩm dịch vụ đáp ứng đúng và đủ nhu cầu của khách hàng. Không chỉ cung cấp các sản phẩm huy động đơn thuần, Techcombank đã phát triển các dịch vụ toàn diện hỗ trợ, nhờ đó khiến ngày càng nhiều khách hàng sử dụng Techcombank là ngân hàng giao dịch chính. Minh chứng cho thành công này là tổng số dư tài khoản thanh toán của khách hàng tại Techcombank tăng hơn 5% trong năm 2017 và giải thưởng Ngân hàng quản lý tiền mặt nội địa tốt nhất Việt Nam 2016 do Asian Banking & Finance trao tặng hay Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2016 do FinanceAsia trao tặng.

Đối với các sản phẩm cho vay, Techcombank đã tiếp nối thành công của những năm trước và mang lại các giải pháp vượt trội, được ghi nhận không chỉ từ khách hàng mà còn từ các tổ chức quốc tế thông qua các giải thưởng giá trị như [Ngân hàng tài trợ thương mại nội địa tốt nhất Việt Nam 2016, Sản phẩm vay thế chấp và vay mua nhà của năm do Asian Banking & Finance trao tặng. Các sản phẩm thẻ của Techcombank tiếp tục duy trì được vị thế dẫn đầu, trong đó năm 2016 Techcombank đứng thứ 2 toàn thị trường về doanh số chi tiêu qua thẻ Visa, chỉ sau Vietcombank, dẫn đầu thị trường về Sản phẩm thẻ đồng thương hiệu (Leadership in Co-brand products 2016) và dẫn đầu thị trường về doanh số chi tiêu trung bình của dòng sản phẩm Thẻ Ghi Nợ dành cho phân khúc Khách hàng cao cấp (Highest Average Spend for Visa Affluent Debit 2016). Trên hết, số dư và sự hài lòng của khách hàng đối với các sản phẩm dịch vụ của Techcombank liên tục tăng lên cho thấy sự ghi nhận của khách hàng đối với vị thế dẫn đầu về sản phẩm của Techcombank trên thị trường.

❖ Quản trị rủi ro và tín dụng hiệu quả

Techcombank rất chú trọng đến việc phát triển và triển khai các chính sách, quy trình và cơ cấu tổ chức mạnh mẽ để quản trị và kiểm soát các rủi ro tín dụng, thị trường và rủi ro hoạt động. Ngoài việc thành lập các thiết chế như ARCO và các Phòng Kiểm Toán và Kiểm Soát tuân thủ tại miền Bắc, miền Trung và miền Nam thuộc Bộ phận Kiểm toán và kiểm soát tuân thủ để thiết lập các chính sách QTRR và giám sát việc thực hiện các chính sách đó, Techcombank đã tiến hành nhiều bước cho thấy nỗ lực của Techcombank trong việc thực hiện cam kết về hệ thống QTRR mạnh mẽ. Techcombank là một trong số những ngân hàng đầu tiên của Việt Nam (i) tách biệt chức năng phân tích và phê duyệt tín dụng ra khỏi chức năng cho vay, (ii) tập trung chức năng phân tích tín dụng và quy trình phê duyệt tín dụng tại cấp độ Trụ Sở chính hoặc Vùng, và (iii) tách biệt chức năng kiểm soát rủi ro thị trường ra khỏi các hoạt động ngân quỹ.

Quản trị rủi ro tại Techcombank được xây dựng theo từng phân khúc khách hàng, đáp ứng với quy mô, đặc tính, hành vi của từng nhóm khách hàng. Định hướng “Quản trị rủi ro chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn” đã giúp Techcombank ngày càng quản trị rủi ro hiệu quả hơn, hiểu khách hàng, nhận diện sớm các rủi ro và có các quyết định phù hợp hơn. Mặc dù số dư nợ tăng trưởng nhanh, Techcombank vẫn kiểm soát tốt các khoản nợ quá hạn, được thể hiện bằng tỷ lệ nợ nhóm 3-5 khoảng 1,6%. Tỷ lệ dự phòng trên dư nợ quá hạn (nhóm 3-5) của Ngân hàng tăng lên trong năm 2017 và đạt mức 72,9% (2016: 66,6%) - thể hiện sự cẩn trọng và an toàn của Techcombank trong hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó, Techcombank còn xây dựng các phương thức quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản linh hoạt, đồng thời chủ động dự phòng cho các phương án rủi ro. Việc linh hoạt trong quản trị, giúp vừa quản lý được vốn vừa đơn giản trong vận hành kinh doanh. Theo đó, các giải pháp và dịch vụ cho khách hàng cũng có nhiều lựa chọn hơn, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng.

❖ Đứng đầu về khả năng CNTT

Techcombank luôn được coi là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần áp dụng công nghệ tiên tiến hiện đại nhất tại Việt Nam. Xác định hệ thống công nghệ là xương sống cho hoạt động của ngân hàng nên Techcombank không ngừng đầu tư cho phát triển công nghệ để nâng cao chất lượng dịch vụ cũng như cạnh tranh được với các đối thủ khác.

Đặc biệt, từ năm 2016 Techcombank đã đầu tư công nghệ thông qua việc triển khai hàng loạt sáng kiến cải tiến giúp ngân hàng nâng cao được chất lượng dịch vụ, tiết kiệm nhiều chi phí cho ngân hàng. Có thể kể đến dự án nâng cấp, tối ưu hệ thống thẻ đã đưa dịch vụ thẻ của Techcombank lên một tầm cao mới với nhiều tính năng thậm chí còn ưu việt hơn so với các Ngân hàng quốc tế, góp phần đưa Techcombank thành ngân hàng có dịch vụ thẻ tốt nhất Việt Nam. Ví dụ như việc thực hiện real time giữa hệ thống thẻ (“CMS”) với hệ thống ngân hàng lõi (“T24”) của Techcombank: trước đây khi khách hàng có yêu cầu trợ giúp thẻ thì phải chờ từ 3h đến 6h mới có phản hồi của Ngân hàng hoặc khi khách hàng nộp tiền thanh toán thẻ thì ngày làm việc hôm sau tiền mới vào tài khoản do hệ thống CMS và T24 không real time mà cần có người thực hiện cập nhật thông tin từ CMS sang T24. Với việc cải tiến tích hợp 2 hệ thống thì dữ liệu khách hàng được đồng bộ ngay lập tức và các yêu cầu trợ giúp, giao dịch nộp tiền của khách hàng được hệ thống thực hiện tự động ngay.

Bên cạnh đó, Techcombank không ngừng nâng cao trải nghiệm của khách hàng, tập trung phát triển dịch vụ Mobile Banking và dấu ấn là Giải thưởng Ngân hàng triển khai Mobile Banking thành công nhất do tạp chí The Asian Banker trao tặng.

Đối với sự bùng nổ các cuộc tấn công mạng cùng các thủ đoạn ngày càng tinh vi và tập trung tấn công vào ngành ngân hàng, đặc biệt là hệ thống giao dịch điện tử trực tuyến, đội ngũ công nghệ của Techcombank đã chủ động xây dựng các phương án đối phó, tích cực phòng chống từ xa và đảm bảo hoạt động của ngân hàng an toàn, liên tục. An ninh thông tin của Techcombank đã thành lập bộ phận chuyên trách thực thi giám sát, phát hiện, phản ứng với các tấn công đặc thù có chủ đích (“APT”) mà các hệ thống công nghệ hiện nay không thể ngăn chặn được. Qua đó An ninh thông tin của Techcombank đã phát hiện, ngăn chặn được nhiều trường hợp tội phạm công nghệ và lừa đảo tấn công vào hệ thống công nghệ của ngân hàng, đảm bảo an toàn cho ngân hàng và thông tin giao dịch của khách hàng. Bộ phận An ninh thông tin của Techcombank đã được lựa chọn là 1 trong 6 thành viên của Ban điều hành Mạng lưới ứng cứu sự cố an ninh công nghệ thông tin trong ngành ngân hàng của NHNN, đồng thời Giám đốc An ninh Thông tin (“CISO”) của Techcombank đã được nhận giải thưởng The ASEAN CSO AWARDS vào năm 2016.

❖ Đội ngũ quản lý tâm huyết và giàu kinh nghiệm

Các cán bộ quản lý cao cấp của Techcombank rất giàu kinh nghiệm lãnh đạo trong ngành ngân hàng thương mại tại Việt Nam. Đứng đầu HĐQT là Ông Hồ Hùng Anh, là người có kinh nghiệm lâu năm về quản lý và điều hành, là Chủ tịch HĐQT làm việc toàn thời gian tại Techcombank. Ngày 23/09/2016, HĐQT Techcombank đã bổ nhiệm Ông Nguyễn Lê Quốc

Anh vào chức vụ Tổng Giám đốc. Trước đó, ông Nguyễn Lê Quốc Anh từng đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành kiêm Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển Ngân hàng. Ông Nguyễn Lê Quốc Anh tốt nghiệp Tiến sỹ công nghệ hạt nhân tại Đại học Purdue bang Indiana và tại trường Đại học bang California (Hoa Kỳ) là chuyên gia trong các lĩnh vực: thiết lập tư duy chiến lược, quản lý dự án, phân tích kinh doanh và xây dựng mô hình kinh doanh hiệu quả, chiến lược kinh doanh và marketing, xây dựng kiến trúc hệ thống công nghệ. Ông Quốc Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm và từng giữ các vị trí cao cấp tại các tổ chức lớn tại Mỹ như T-Mobile US, Wells Fargo Bank, Nissan USA, Fortress Investment Group, TransMarket Group, McKinsey & Co, Viện Nghiên cứu khoa học liên bang Hoa Kỳ, Pacific Gas & Electric Co và nhiều tổ chức quốc tế khác. Ông Nguyễn Lê Quốc Anh gia nhập Techcombank từ tháng 5/2015 với vị trí Giám đốc Khối Chiến lược và Phát triển ngân hàng.

Đội ngũ quản lý cao cấp của Techcombank có thành tích cao trong việc thực hiện thành công nhiều cải tiến sáng tạo và dẫn đầu thị trường, gồm (i) quyết định đầu tư rất sớm và đáng kể vào nền tảng CNTT theo tiêu chuẩn quốc tế cao nhất; (ii) chú trọng vào việc xây dựng chính sách và quy trình QTRR; (iii) thiết lập văn hóa kinh doanh đặt trọng tâm vào việc tạo lập và duy trì mối quan hệ lâu dài với khách hàng; (iv) triển khai các sản phẩm và dịch vụ sáng tạo có khả năng thu hút khách hàng; và (v) mở rộng hệ thống các mô hình chi nhánh đến các đô thị và các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam.

Techcombank cũng thực hiện chính sách chủ động trong việc tuyển dụng các chuyên gia trung và cao cấp được đào tạo bài bản và giàu kinh nghiệm tại các tổ chức tín dụng hàng đầu của Việt Nam và quốc tế, các NHTMNN và NHNN, để tăng cường cho đội ngũ quản trị hiện tại.

❖ Vị thế của Techcombank theo xếp hạng của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế

Theo công bố của tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's Investors Service vào ngày 04/04/2018, Techcombank được Moody's đánh giá như sau:

Hạng mục	Xếp hạng của Moody's
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng năng lực độc lập (BCA)	b1
Xếp hạng tiền gửi	B1
Xếp hạng đơn vị phát hành dài hạn	B1

Nguồn: Moody's

Mức xếp hạng tín nhiệm này của Techcombank là cao nhất trong 16 ngân hàng được Moody's xếp hạng tại Việt Nam, và ngang bằng với mức trần xếp hạng quốc gia của Việt Nam.

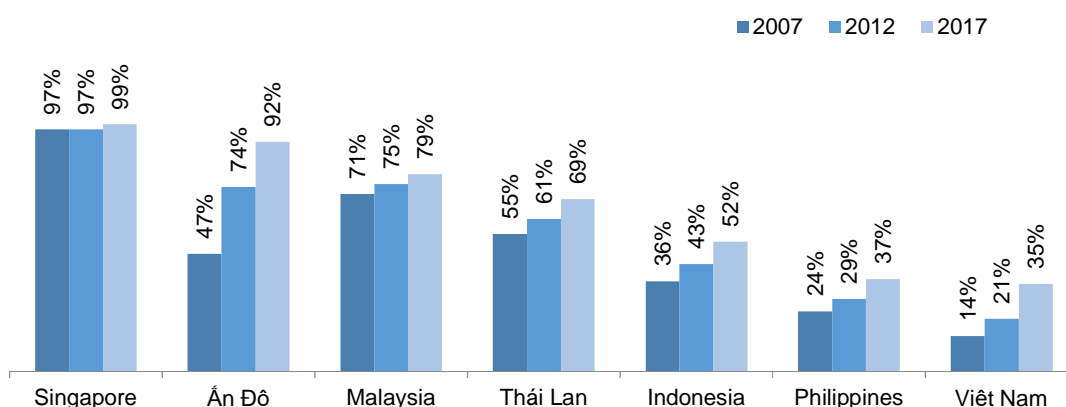
4.8.3 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành ngân hàng Việt Nam đang trải qua giai đoạn tăng trưởng nhanh chóng, với mức tăng trưởng cao nhất so với ngành ngân hàng ở các quốc gia ASEAN khác.

Sự phát triển của ngành ngân hàng được hỗ trợ bởi các chỉ số kinh tế vĩ mô tích cực tại Việt Nam, với dân số trẻ chuyển dịch dần từ hoạt động nông nghiệp sang làm việc tại các ngành sản xuất và dịch vụ, tốc độ đô thị hóa ngày càng nhanh, tăng trưởng tầng lớp trung lưu, thu nhập và chi tiêu tăng nhanh và thu nhập khả dụng cũng có xu hướng đi lên. Số lượng người có tài khoản ngân hàng cũng tăng lên nhanh chóng, tương tự số lượng thẻ ngân hàng do các ngân hàng phát hành và số lượng giao dịch phi tiền mặt thông qua ATM và POS cũng tăng cao.

Bên cạnh đó, tỷ lệ dân số tiếp cận được các dịch vụ ngân hàng tại Việt Nam đang ở mức thấp so với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Hình số 16 cho thấy tỷ lệ này ở Việt Nam hiện nay (35%) chỉ gần bằng tỷ lệ của Indonesia vào năm 2007 (36%). Ngoài ra, tỷ lệ sử dụng các sản phẩm tài chính của Việt Nam vẫn còn rất thấp (cho vay cầm cố - khoảng 6% GDP, thẻ tín dụng – khoảng 5%, bảo hiểm nhân thọ - khoảng 1% và cho vay mua ô tô – khoảng 1%. Chính điều này cho thấy có rất nhiều cơ hội cho sự phát triển của ngành ngân hàng nói chung và Techcombank nói riêng.

Hình 14: Tỷ lệ dân số tiếp cận các dịch vụ ngân hàng tại một số nước



Nguồn: Báo cáo độc lập của Frost & Sullivan

Ngành ngân hàng được hưởng lợi từ tỷ lệ thâm nhập internet cao và tỷ lệ sở hữu điện thoại thông minh cao tại Việt Nam. Bằng việc áp dụng các giải pháp công nghệ trong hoạt động, các ngân hàng đang ngày càng tiếp cận nhanh chóng tới nhóm dân số chưa sử dụng dịch vụ ngân hàng với chi phí thấp hơn so với việc thành lập và mở các chi nhánh ngân hàng tại các vùng sâu vùng xa bên ngoài thành phố lớn.

Nhìn chung, sự tăng trưởng của Việt Nam tiếp tục được hỗ trợ bởi các khoản đầu tư vào nền kinh tế từ các công ty nước ngoài và trong nước, tăng trưởng xuất khẩu, việc tham gia vào

các hiệp định thương mại, đầu tư với các nước trong khu vực và trên toàn cầu, đầu tư vào cơ sở hạ tầng.

Số lượng doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam (bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ) ngày càng gia tăng. Ngành ngân hàng được hưởng lợi từ bối cảnh này do nhu cầu tín dụng ngày càng gia tăng, vì một số lượng lớn các công ty dựa vào nguồn vốn vay từ ngân hàng.

Sức ép tập trung vào một số sản phẩm và kỳ hạn nhất định sẽ làm tăng áp lực cạnh tranh đối với các tổ chức tín dụng tại Việt Nam năm 2018, trong đó các tổ chức tín dụng nhỏ và có năng lực yếu có thể sẽ càng phải phụ thuộc vào giá cả để cạnh tranh với các tổ chức tín dụng có uy tín và nguồn lực để thu hút và phục vụ khách hàng. Điều đó sẽ khiến biên lợi nhuận của các tổ chức tín dụng này tiếp tục bị thu hẹp, trong khi vẫn tiếp tục phải đối mặt với áp lực trích lập dự phòng để xử lý các tài sản có chất lượng thấp tồn đọng từ trước đó. Ngược lại, các tổ chức tín dụng có năng lực tốt có thể sẽ tận dụng cơ hội này để tiếp tục mở rộng hoạt động và đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn và càng phức tạp của khách hàng. Theo đó, kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng trong năm 2018 dự kiến sẽ có sự phân hóa mạnh, với lợi thế ngày càng nghiêng về các tổ chức tín dụng tốt như Techcombank.

4.8.4 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các ngân hàng trong cùng ngành

Bảng dưới đây so sánh một số chỉ tiêu tài chính của Techcombank với một số ngân hàng hiện đang niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam:

Bảng 29: Chỉ tiêu tài chính của một số Ngân hàng niêm yết cùng ngành

Đơn vị tính: ngàn tỷ đồng

Chỉ tiêu	TCB	BID	CTG	VCB	ACB	MBB	VPB
Tiền gửi của khách hàng	171	860	753	709	241	220	134
Cho vay khách hàng	161	867	791	543	199	184	183
Tổng tài sản	269	1.202	1.095	1.035	284	314	278
Nguồn vốn chủ sở hữu	27	49	64	53	16	30	30
Lợi nhuận sau thuế	6,4	6,9	7,5	9,1	2,1	3,5	6,4
ROAE	27,7%	15,2%	12,0%	18,1%	14,1%	12,4%	27,5%
ROAA	2,6%	0,6%	0,7%	1,0%	0,8%	1,2%	2,5%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của các ngân hàng

Ghi chú:

TCB: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

BID: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

CTG: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

VCB: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

ACB: Ngân hàng TMCP Á Châu

MBB: Ngân hàng TMCP Quân đội

VPB: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

4.8.5 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Techcombank với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao và chi tiết, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì định hướng chiến lược của Techcombank hướng tới sự tăng trưởng để đáp ứng nhu cầu và làm sâu sắc mối quan hệ với khách hàng và gia tăng giá trị của doanh nghiệp dựa trên các nền tảng xuất sắc về nhân sự, dữ liệu, vận hành và quản trị rủi ro là hoàn toàn phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Với thế mạnh sẵn có như nền tảng khách hàng, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản trị rủi ro và nhân tố con người, Techcombank tiếp tục chú trọng vào xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, kỹ thuật tiên tiến nhằm hiện đại hoá và phù hợp với yêu cầu hội nhập; kết hợp xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện cho toàn hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo ứng phó kịp thời trước các nguy cơ của nền kinh tế. Techcombank tin tưởng rằng sự phát triển của Ngân hàng sẽ góp phần vào sự phát triển của ngành nghề, chính sách và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

4.9 Chính sách đối với người lao động

Trân trọng con người và không ngừng đầu tư vào các hoạt động phát triển nhân lực chính là chìa khóa giúp Techcombank khẳng định vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Techcombank tự hào là ngân hàng đầu tiên thiết kế và xây dựng Dự án Phân nhóm và Phát triển nghề nghiệp (“JobCat”). Khởi động từ đầu năm 2014, Jobcat là một trong những dự án lớn của Techcombank với mục tiêu chuẩn hóa năng lực, xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng nhóm vị trí và tăng cường hiệu quả đào tạo phát triển. Trong năm 2016 và 2017, Jobcat đã triển khai 130 lớp học (trực tiếp và trực tuyến) cho 2.340 cán bộ trực tiếp bán hàng (tương ứng với 6.021 lượt học). Trong giai đoạn 2, kết quả thi năng lực đầu ra đạt 90,20%, tăng 20,27% so với điểm thi đầu vào (75%).

Techcombank tập trung vào việc quảng bá các giá trị và văn hóa doanh nghiệp mạnh mẽ thông qua các chương trình đào tạo thường xuyên và các hoạt động bên ngoài Ngân hàng. Tất cả nhân viên mới của Techcombank đều được đào tạo, tập huấn trong đó có giới thiệu về các giá trị và chính sách của Ngân hàng. Các nhân viên hiện tại thì được cung cấp các khóa học thường xuyên và chuyên sâu, bao gồm cả lãnh đạo và các khóa học chuyên môn nhằm giúp nâng cao kỹ năng chuyên môn và đồng thời nâng cao kỹ năng mềm. Techcombank

cũng đảm bảo rằng nhân viên có nhiều kênh truyền thông nội bộ để phản hồi, chẳng hạn như các hội thảo định kỳ với Đội ngũ Quản lý, diễn đàn trực tuyến Techcomers.

Với cam kết đầu tư mạnh mẽ vào các dự án đào tạo nhằm nâng cao năng lực đội ngũ quản lý, lãnh đạo, Techcombank đã xây dựng và triển khai rộng rãi các chương trình và dự án về hỗ trợ, đào tạo và phát triển, thu hút nhân tài.

Tại Techcombank, những chính sách đãi ngộ nhân tài được chú trọng phát triển ngay từ những ngày đầu. Techcombank chủ trương phân chia lực lượng cán bộ nhân viên (“CBNV”) thành 6 phân khúc, sau đó áp dụng những lợi ích tài chính và phi tài chính để tuyển dụng và giữ cán bộ trong từng phân khúc. Techcombank luôn ghi nhận và thưởng xứng đáng kịp thời cho những nỗ lực và cống hiến của CBNV cần mẫn, hiệu quả và sáng tạo.

Với hệ thống chính sách đào tạo bài bản và khen thưởng đồng bộ, chúng tôi tự hào khi văn hóa khích lệ đã được tạo dựng, đẩy mạnh và trở thành một nét bản sắc riêng, vững vàng qua nhiều thế hệ CBNV Techcombank.

Chế độ làm việc của Techcombank đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành như được đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tham gia các hoạt động Công đoàn, nghỉ lễ và nghỉ phép... Cán bộ nhân viên có quyền lợi được cấp phát trang thiết bị làm việc đầy đủ, môi trường làm việc an toàn, hiện đại và đảm bảo vệ sinh an toàn. Ngoài ra, CBNV còn được hỗ trợ các khoản phụ cấp nhằm đảm bảo hoàn thành công việc và các chế độ lương thưởng, phúc lợi tương ứng với đóng góp của CBNV. Bên cạnh đó, Techcombank còn có chính sách phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, cán bộ chủ chốt nhằm khuyến khích tinh thần làm việc cũng như khuyến khích sự đóng góp của cán bộ công nhân viên vào sự thành công chung của Techcombank. Mức lương trung bình của nhân viên Techcombank vào năm 2017 là khoảng 35 triệu đồng/ tháng.

Tính đến ngày 31/03/2018, Techcombank có 8.395 cán bộ và nhân viên với cơ cấu như sau:

Bảng 30: Phân loại lao động tại Techcombank tại 31/03/2018

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ học vấn	8.395	100%
Sau đại học	496	5,9%
Đại học	6.878	81,9%
Cao đẳng	456	5,5%
Trung cấp	159	1,9%
Khác	406	4,8%
Theo loại hợp đồng lao động	8.395	100%
Hợp đồng không xác định thời hạn	4.014	47,8%

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Hợp đồng có xác định thời hạn	4.005	47,8%
Thời vụ, thử việc	376	4,4%

Nguồn: Techcombank

4.10 Chính sách cổ tức

Trong ba năm gần đây, với chiến lược tích lũy nguồn lực cho việc phát triển ổn định, Techcombank không thực hiện chia cổ tức, dù bằng tiền mặt hay bằng tài sản khác. Năm 2017, Techcombank tiếp tục không chia cổ tức.

Việc trả cổ tức năm 2018, năm 2019 phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, điều kiện thị trường và phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông cũng như các cơ quan quản lý nên sẽ chỉ được xác định vào từng thời điểm cụ thể thực hiện.

4.11 Tình hình hoạt động tài chính

Bảng 31: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Techcombank

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017
1. Quy mô vốn					
Vốn điều lệ	tỷ đồng	8.878	11.655	8.878	11.655
Tổng tài sản	tỷ đồng	234.949	268.354	235.363	269.392
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)*	%	11,33%	11,19%	13,12%	12,68%
2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động					
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/ Tổng tài sản	%	66%	65%	66%	65%
Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng	%	90%	91%	91%	92%
Nợ quá hạn**	%	3,09%	3,06%	3,09%	3,06%
Nợ xấu (NPL) **	%	1,57%	1,61%	1,57%	1,61%
3. Kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh số huy động tiền gửi	tỷ đồng	174.149	171.511	173.449	170.971

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017
Doanh số thu nợ	tỷ đồng	174.945	212.408	174.895	213.938
Doanh số cho vay	tỷ đồng	142.665	160.340	142.616	160.849
Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH bình quân (ROAE)	%	16,0%	26,2%	17,5%	27,7%
Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	1,3%	2,3%	1,5%	2,6%
Thu nhập ngoài lãi/Tổng thu nhập	%	27,1%	42,0%	31,2%	45,4%
Thu nhập ngoài lãi/Lợi nhuận trước thuế	%	88,0%	90,8%	92,3%	92,3%
Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh	%	0%	0%	0%	0%
Nợ quá hạn **	tỷ đồng	4.410,2	4.916,5	4.412,0	4.917,0
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	%	3,09%	3,06%	3,09%	3,06%
Nợ khó đòi **	tỷ đồng	1.375	1.553	1.375	1.553
Tỷ lệ nợ khó đòi/ Tổng dư nợ	%	0,96%	0,97%	0,96%	0,97%
4. Khả năng thanh toán *					
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	%	19,07%	15,87%	N/A	N/A
Khả năng chi trả ngay trong vòng 30 ngày	%				
VND		77,54%	52,58%	N/A	N/A
Ngoại tệ khác		28,08%	146,86%	N/A	N/A
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn	%	41,51%	42,98%	N/A	N/A

Nguồn: Techcombank

Ghi chú:

(*): áp dụng theo quy định trong Thông tư 36/2014/TT-NHNN và Thông tư 06/2016/TT-NHNN sửa đổi Thông tư 36 về tỷ lệ an toàn tài chính của tổ chức tín dụng;

Các chỉ tiêu về Khả năng thanh toán được trình bày trên bảng trên chỉ được tính cho hoạt động riêng lẻ của Ngân hàng.

(**): xác định theo quy định của Thông tư 02/2013/TT-NHNN về phân loại nợ và trích lập dự phòng và quy định của Thông tư 10/2014TT-NHNN về hệ thống tài khoản kế toán của tổ chức tín dụng;

Nợ quá hạn là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn;

Nợ xấu (NPL) là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5;

Nợ khó đòi là nợ thuộc nhóm 5;

Dựa trên bảng chỉ tiêu tóm tắt trong hai năm qua đã cho thấy Techcombank có sự tăng trưởng cả về quy mô lẫn kết quả hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

❖ Về quy mô

Vốn điều lệ của Techcombank trong năm 2017 tăng gần 31,3% so với năm 2016 và đạt 11.655 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu trong tháng 9/2017 và đã thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu phổ thông để tăng vốn điều lệ. Trong khi đó, tổng tài sản của Techcombank đã tăng gần 15% so với năm 2016. Tuy tổng tài sản tăng mạnh đến chủ yếu từ cho vay khách hàng nhưng tỷ lệ an toàn vốn của Techcombank vẫn được kiểm soát rất tốt với chỉ số CAR đạt 12,68% trong năm 2017. Hơn thế nữa, Tỷ lệ Nợ quá hạn/ Tổng dư nợ chỉ chiếm khoảng 3% trong 2 năm qua cho thấy việc kiểm soát nợ xấu cũng như quy trình quản trị rủi ro của Techcombank đạt hiệu quả cao.

❖ Về chỉ tiêu năng lực hoạt động

Với hệ thống quản trị rủi ro mạnh, việc quản lý nợ vay luôn được chú trọng. Nợ xấu của Techcombank luôn được kiểm soát tốt và ở mức rất thấp theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, Nợ quá hạn của Techcombank cũng chỉ ở mức khoảng 3% - qua đó cho thấy chất lượng khách hàng của Techcombank và khả năng đánh giá khách hàng của Techcombank là rất tốt, đảm bảo khách hàng có đủ năng lực thanh toán các khoản nợ vay.

❖ Về kết quả hoạt động kinh doanh

Việc huy động tiền gửi trong năm 2017 có sự sụt giảm nhẹ so với năm 2016 (giảm 1,4%) và đạt 170.971 tỷ đồng là do Ngân hàng chủ động điều tiết tăng trưởng tín dụng trong 2017 để bảo toàn vốn cho việc mua lại cổ phiếu từ HSBC và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II. Với tín dụng tăng trưởng chậm lại và được định hướng dịch chuyển danh mục cho vay tập trung vào các sản phẩm ít rủi ro, huy động tiền gửi cũng được chủ động giảm tương ứng, để giữ Tỷ lệ Cho vay/ Huy động ("LDR") ở mức hiệu quả, và phù hợp với chiến lược của Techcombank tập trung vào tăng trưởng Tiền gửi không kỳ hạn ("CASA"), giảm chi phí vốn.

Bên cạnh việc tăng trưởng tài sản thì Techcombank cũng đạt được kết quả lợi nhuận rất tốt trong năm 2017. Lợi nhuận sau thuế của Techcombank trong năm 2017 đạt 6.446 tỷ đồng, tăng gần 105% so với năm 2016. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân và Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân trong năm 2017 lần lượt là 27,7% và 2,6%.

4.12 Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**4.12.1 Hội đồng Quản trị****a) Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị****Bảng 32: Danh sách thành viên HĐQT**

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Ghi chú
Ông Hồ Hùng Anh	1970	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Đăng Quang	1963	Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Thiệu Quang	1959	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	1967	Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Đỗ Tuấn Anh	1973	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Thành viên HĐQT điều hành
Ông Lee Boon Huat	1957	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	1953	Thành viên	Thành viên HĐQT độc lập

*Nguồn: Techcombank***b) Sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị****❖ Ông Hồ Hùng Anh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

- Họ và tên: **HỒ HÙNG ANH**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1970
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử tại Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 6/1994 đến tháng 3/1997 Giám đốc - Công ty SANMEX - Cộng hòa liên bang Nga
 - ✓ Từ tháng 3/1997 đến tháng 6/2004 Tổng giám đốc - Công ty MASAN - RUS TRADING tại Cộng hòa liên bang Nga
 - ✓ Từ tháng 6/2004 đến tháng 2/2010 Chủ tịch HĐQT - Công ty MASAN - RUS TRADING tại Cộng hòa liên bang Nga
 - ✓ Từ tháng 3/2004 đến tháng 4/2018 Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Masan)
 - ✓ Từ tháng 4/2008 đến tháng 2/2014 Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
 - ✓ Từ tháng 3/2014 đến tháng 4/2018 Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
 - ✓ Từ tháng 12/2008 đến tháng 4/2018 Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - ✓ Từ tháng 3/2004 đến tháng 5/2005 Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 6/2005 đến tháng 8/2006 Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 9/2006 đến tháng 4/2008 Phó Chủ tịch thứ nhất - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 5/2008 đến nay Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 7/2012 đến tháng 12/2012 Chủ tịch Công ty và sau đó là Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản
 - ✓ Từ tháng 4/2011 đến nay Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương
 - ✓ Từ tháng 7/2012 đến tháng 9/2013 Chủ tịch - Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

- ✓ Từ tháng 10/2013 đến nay Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức niêm yết: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương;
Thành viên HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương.
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 13.103.193 cổ phần, chiếm 1,1242% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 13.103.193 cổ phần, chiếm 1,1242% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ Nguyễn Thị Thanh Tâm – Mẹ 58.043.430 cổ phần, chiếm 4,98% vốn điều lệ đẻ
 - ✓ Nguyễn Thị Thanh Thủy – Vợ 58.043.430 cổ phần, chiếm 4,98% vốn điều lệ
 - ✓ Hồ Anh Minh – Con 31.060.666 cổ phần, chiếm 2,6649% vốn điều lệ
 - ✓ Nguyễn Hương Liên – Em dâu 38.210.496 cổ phần, chiếm 3,2784% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Ông Nguyễn Đăng Quang – Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT

- **Họ và tên:** **Nguyễn Đăng Quang**
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày sinh:** 1963
- **Nơi sinh :** Hà Nội
- **Số CMND:**
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:**
- **Trình độ chuyên môn:** Tiến sĩ Khoa học Công nghệ tại Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov
- **Quá trình công tác:**
 - ✓ *Từ tháng 5/1991 đến tháng 12/1994* Cán bộ - Viện Khoa học Việt Nam
 - ✓ *Từ tháng 01/1994 đến tháng 12/1998* Phó Tổng giám đốc - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ *Từ tháng 01/200 đến tháng 9/2002* Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ *Từ tháng 5/2000 đến tháng 12/2007* Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San
 - ✓ *Từ tháng 01/2008 đến tháng 6/2017* Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San
 - ✓ *Từ tháng 7/2017 đến nay* Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San
 - ✓ *Từ tháng 09/2000 đến tháng 5/2017* Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Ma San
 - ✓ *Từ tháng 5/2017 đến nay* Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Ma San
 - ✓ *Từ tháng 11/2004 đến tháng 7/2013* Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

- ✓ Từ tháng 7/2013 đến nay Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
- ✓ Từ tháng 01/2006 đến tháng 4/2008 Cố vấn Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- ✓ Từ tháng 5/2008 đến tháng 4/2014 Phó Chủ tịch thứ nhất - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- ✓ Từ tháng 4/2014 đến tháng 3/2016 Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- ✓ Từ tháng 3/2016 đến nay Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- ✓ Từ tháng 8/2008 đến tháng 1/2017 Chủ tịch - Công ty TNHH Masan (US) LLC
- ✓ Từ tháng 7/2010 đến nay Chủ tịch HĐQTV - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
- ✓ Từ tháng 2/2013 đến tháng 4/2017 Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San
- ✓ Từ tháng 4/2017 đến nay Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch thứ nhất
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan;
 - Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan;
 - Chủ tịch HĐQTV Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo;

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 177.906.225 cổ phần, chiếm 15,2639% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện sở hữu (CTCP Tập đoàn Masan): 174.771.833 cổ phần, chiếm 14,9950% vốn điều lệ
- ✓ Cá nhân sở hữu: 3.134.392 cổ phần, chiếm 0,2689% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:
Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
✓ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - Chủ tịch HĐQT 174.771.833 cổ phần, chiếm 14,995% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Ông Nguyễn Thiệu Quang – Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Thiệu Quang**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1959
- Nơi sinh: Hà Tĩnh
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư mỏ tại trường Đại học Bách khoa Donhetsk, Ucraina (nay là Đại học Kỹ thuật Quốc gia Donetsk)
- Quá trình công tác:

- ✓ Từ tháng 11/1983 đến tháng 6/1986 *Kỹ sư – Nhà máy Thủy điện Trị An, Tổng công ty xây dựng số 1*
- ✓ Từ tháng 7/1986 đến tháng 12/1988 *Kỹ sư - Tổng Công ty Nhập khẩu Thiết bị Đồng bộ, Technoimport - Bộ Ngoại thương*
- ✓ Từ tháng 01/1989 đến tháng 7/1999 *Kỹ sư - Công ty Công nghệ mới TP. Hồ Chí Minh (Giám đốc Văn phòng đại diện tại Ucraina; Tổng giám đốc Công ty Liên doanh Vinaturbo)*
- ✓ Từ tháng 3/1997 đến tháng 7/2015 *Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Đa My*
- ✓ Từ tháng 7/1998 đến tháng 6/2017 *Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Thương mại La Giang*
- ✓ Từ tháng 6/2000 đến tháng 6/2003 *Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
- ✓ Từ tháng 7/2003 đến tháng 8/2006 *Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
- ✓ Từ tháng 4/2005 đến tháng 3/2009 *Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Hoa Sen*
- ✓ Từ tháng 8/2006 đến tháng 4/2008 *Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
- ✓ Từ tháng 5/2008 đến tháng 01/2017 *Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng*
- ✓ Từ tháng 6/2008 đến tháng 4/2017 *Ủy viên HĐQT - Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam - Vinaconex*
- ✓ Từ tháng 6/2005 đến nay *Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San*
- ✓ Từ tháng 5/2008 đến nay *Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
- ✓ Từ tháng 3/2009 đến nay *Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Bất động sản Ma San*
- ✓ Từ tháng 01/2014 đến nay *Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Môi trường và xây dựng Sài Gòn - Senco*

- Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bất động sản Ma San;
Chủ tịch HĐQT Công ty Công nghệ môi trường và xây dựng Sài Gòn - Senco.
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 10.085.477 cổ phần, chiếm 0,8653% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 10.085.477 cổ phần, chiếm 0,8653% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ Nguyễn Thiều Quyên – Em gái 74.140 cổ phần, chiếm 0,0064% vốn điều lệ
 - ✓ Nguyễn Thiều Quang Anh – Con 130.000 cổ phần, chiếm 0,0112% vốn điều lệ
 - ✓ Nguyễn Thiều Kiên – Con 130.000 cổ phần, chiếm 0,0112% vốn điều lệ
 - ✓ Lê Anh Tuấn – Em rể 516.075 cổ phần, chiếm 0,0443% vốn điều lệ
 - ✓ Phùng Minh Nguyệt – Vợ 275.806 cổ phần, chiếm 0,0237% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- ◆ **Ông Nguyễn Cảnh Sơn – Phó Chủ tịch HĐQT**
 - Họ và tên: **Nguyễn Cảnh Sơn**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1967
- Nơi sinh : Thanh Chương – Nghệ An
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng tại Cộng Hòa Liên Bang Xô Viết
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 9/1990 đến tháng 9/1994 *Kinh doanh tại Mátxcova - Liên bang Nga*
 - ✓ Từ tháng 10/1994 đến nay *Chủ tịch - Tập đoàn T&M Trans (trụ sở tại Russian, Moscow)*
 - ✓ Từ tháng 8/1996 đến tháng 3/1998 *Thành viên Ban kiểm soát - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam*
 - ✓ Từ tháng 3/1998 đến tháng 3/2001 *Ủy viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam*
 - ✓ Từ tháng 3/2001 đến tháng 12/2002 *Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam*
 - ✓ Từ tháng 3/2002 đến tháng 12/2013 *Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư T&M Việt Nam*
 - ✓ Từ tháng 01/2014 đến nay *Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư T&M Việt Nam*
 - ✓ Từ tháng 8/2002 đến nay *Chủ tịch HĐQT- Công ty CP Eurowindow*
 - ✓ Từ tháng 3/2007 đến nay *Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Eurowindow Holding*
 - ✓ Từ tháng 8/2007 đến nay *Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ cao*
 - ✓ Từ tháng 9/2007 đến tháng 6/2013 *Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư Trung tâm thương mại Vinh*

- ✓ Từ tháng 1/2008 đến tháng 6/2016 Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư du lịch Eurowindow Nha Trang
- ✓ Từ tháng 1/2008 đến nay Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư và du lịch T&M Vân Phong
- ✓ Từ tháng 1/2008 đến tháng 8/2016 Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư T&M Hà Tây
- ✓ Từ tháng 12/2008 đến nay Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Eurofinance
- ✓ Từ tháng 5/2008 đến tháng 3/2009 Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- ✓ Từ tháng 4/2009 đến nay Phó Chủ tịch HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- ✓ Từ tháng 5/2009 đến nay Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Đầu tư Trung tâm thương mại Hà Nội – Mátxcova (Incentra)
- ✓ Từ tháng 8/2011 đến nay Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần đầu tư tổ hợp thương mại Melinh Plaza Thanh Hóa
- ✓ Từ tháng 2/2012 đến tháng 2/2014 Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Trường học Nghĩa Đô
- ✓ Từ tháng 5/2012 đến nay Thành viên HĐQT - Công ty CP Xây dựng và Phát triển công nghệ cao (Hitech)
- ✓ Từ tháng 3/2013 đến nay Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tổ hợp TTVH-TM và KS Hà Nội – Mátxcova (HMMO)
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Phó Chủ tịch HĐQT
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Eurowindow Holding;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần EuroFinance;
 - Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Công nghệ cao;
 - Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư tổ hợp thương mại Melinh Plaza Thanh Hóa;

Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch T&M Vân Phong;

Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần quản lý và khai thác tổ hợp TTVHTM-KS Hà Nội-Matsxcova (HMMO);

Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần đầu tư trung tâm thương mại Hà Nội – Matsxcova (Incentra);

Thành viên HĐQT - Công ty CP Xây dựng và Phát triển công nghệ cao (Hitech)

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Eurowindow

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 5.984.993 cổ phần, chiếm 0,5135% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 5.984.993 cổ phần, chiếm 0,5135% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ Nguyễn Thị Phương Hoa – Vợ 25.323.400 cổ phần, chiếm 2,1727% vốn điều lệ
 - ✓ Nguyễn Cảnh Sơn Tùng – Con 7.000.000 cổ phần, chiếm 0,6006% vốn điều lệ
 - ✓ Công ty CP Eurowindow Holding – Chủ tịch HĐQT 386.445 cổ phần, chiếm 0,0332% vốn điều lệ
 - ✓ Công ty CP EuroFinance – Thành viên HĐQT 46.014 cổ phần, chiếm 0,0039% vốn điều lệ
 - ✓ Công ty CP Đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ cao - Thành viên HĐQT 125.290 cổ phần, chiếm 0,0107% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

◆ Ông Đỗ Tuấn Anh – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Đỗ Tuấn Anh**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1973
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Tài sản Đầu tư tại Trường Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 9/1994 đến tháng 8/1995 Công ty liên doanh xây dựng North Construction
 - ✓ Từ tháng 9/1995 đến tháng 4/2005 Chuyên viên (và từ năm 2005 là Phó trưởng phòng) - Vụ Hợp tác Quốc tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 4/2005 đến tháng 5/2006 Học cao học (tốt nghiệp thạc sỹ) - Trường Đại học Tổng hợp Quản lý Singapore chuyên ngành Quản lý tài sản đầu tư
 - ✓ Từ tháng 9/2006 đến tháng 8/2007 Trưởng phòng - Thanh tra Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 8/2007 đến tháng 3/2009 Trợ lý cao cấp Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010 Trưởng Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 4/2010 đến tháng 12/2010 Giám đốc - Khối Chiến lược phát triển Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 01/2011 đến tháng 12/2012 Trợ lý điều hành cao cấp HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

- ✓ Từ tháng 5/2012 đến tháng 2/2017 Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Dịch vụ thương mại và đầu tư Sao Thủy
 - ✓ Từ tháng 12/2012 đến tháng 8/2013 Thành viên Hội đồng quản trị - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 8/2013 đến tháng 4/2014 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 8/2013 đến tháng 4/2014 Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 10/2013 đến nay Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Chứng Khoán Kỹ Thương
 - ✓ Từ tháng 6/2015 đến nay Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 5/2016 đến nay Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư INB
Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư Đại Hùng Tinh
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương Việt Nam
Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư INB
Chủ tịch HĐQT – CTCP Đầu tư Đại Hùng Tinh
 - Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 262.514 cổ phần, chiếm 0,0225% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 262.514 cổ phần, chiếm 0,0225% vốn điều lệ
 - Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
 - Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Ông Lee Boon Huat – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Lee Boon Huat**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1957
- Nơi sinh : Singapore
- Số Hộ chiếu:
- Quốc tịch: Singapore
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kế toán tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin)
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 2/1981 đến tháng 7/1986 Thành viên - Ủy ban Tiền tệ Singapore
 - ✓ Từ tháng 8/1986 đến tháng 8/1998 Chuyên viên tự doanh cao cấp - ngân hàng Hóa học, New York
 - ✓ Từ tháng 9/1988 đến tháng 11/1990 Thủ quỹ - Ngân hàng Hóa học, Singapore
 - ✓ Từ tháng 12/1990 đến tháng 11/1995 Quản lý - Trung tâm nguồn vốn khu vực, Ngân hàng HSBC, Singapore
 - ✓ Từ tháng 12/1995 đến tháng 5/1998 Giám đốc điều hành Thị trường vốn toàn cầu - Ngân hàng Thương mại Hoàng Gia Canadian, Singapore
 - ✓ Từ tháng 6/1998 đến tháng 9/2000 Thủ quỹ khu vực -Ngân hàng Standard Chartered Bank, Singapore

- ✓ Từ tháng 10/2000 đến tháng 10/2002 *Giám đốc khối Nguồn vốn, khu vực Đông Nam Á và Singapore - Ngân hàng Standard Chartered Bank, Singapore*
- ✓ Từ tháng 11/2002 đến tháng 6/2007 *Giám đốc Thị trường toàn cầu, khu vực Đông Nam Á và Singapore - Ngân hàng Standard Chartered Bank, Singapore*
- ✓ Từ tháng 7/2007 đến tháng 11/2009 *Giám đốc Thị trường toàn cầu, Trung Đông và Châu Phi - Ngân hàng Standard Chartered Bank, Dubai*
- ✓ Từ tháng 11/2009 đến tháng 7/2012 *Giám đốc vận hành khu vực Đông Nam Á và Singapore - Ngân hàng Standard Chartered Bank, Singapore*
- ✓ Từ tháng 12/2012 đến tháng 3/2014 *Thành viên HĐQT độc lập - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
- ✓ Từ tháng 4/2014 đến nay *Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
- ✓ Từ tháng 4/2015 đến nay *Thành viên HĐQT độc lập - Alliance Bank Bhd*
- ✓ Từ tháng 3/2016 đến nay *Hội đồng thành viên - Credit Counselling*
- ✓ Từ tháng 12/2016 đến nay *Thành viên HĐQT độc lập - British and Malayan Trustees Limited*
- ✓ Từ tháng 2/2018 đến nay *Thành viên HĐQT độc lập - Ngân hàng AfrAsia Bank Limited Mauritius*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Thành viên HĐQT*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Thành viên HĐQT độc lập - Alliance Bank Bhd*
 - Hội đồng thành viên - Credit Counselling*
 - Thành viên HĐQT độc lập - British and Malayan Trustees Limited*
 - Thành viên HĐQT độc lập - Ngân hàng AfrAsia Bank Limited Mauritius*

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 0 cổ phần 11/05/2018):
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: Không có
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Ông Nguyễn Đoàn Hùng – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Đoàn Hùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1953
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học về Quản lý tài chính tại Trường Đại học Luân Đôn
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 7/1972 đến tháng 8/1973: Bộ đội sư đoàn 365 - Tiểu đoàn 175

- ✓ Từ tháng 8/1973 đến tháng 12/1975 C193, Khoa cơ bản - Trường Đại học Kỹ thuật quân sự
 - ✓ Từ tháng 01/1976 đến tháng 5/1980 Sinh viên khoa Tiếng Anh - Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
 - ✓ Từ tháng 6/1980 đến tháng 11/1990 Cán bộ Vụ kinh tế đối ngoại - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 12/1990 đến tháng 5/1991 Phó phòng - Vụ Quản lý Ngoại hối - Ngân hàng nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 6/1991 đến tháng 8/1992 Trưởng phòng - Vụ Quản lý Ngoại hối - Ngân hàng nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 9/1992 đến tháng 5/1993 Phó Vụ trưởng - Vụ Quản lý Ngoại hối - Ngân hàng nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 6/1993 đến tháng 4/1994 Trưởng Ban Nghiên cứu thị trường vốn - Ngân hàng nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 5/1994 đến tháng 10/1996 Chánh Văn phòng - Văn phòng Thống đốc - Ngân hàng nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 11/1996 đến tháng 10/2000 Vụ trưởng - Vụ Quản lý ngoại hối - Ngân hàng nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 11/2000 đến tháng 4/2003 Giám đốc dự khuyết - Ngân hàng Thế giới
 - ✓ Từ tháng 4/2003 đến tháng 12/2003 Vụ trưởng, Trợ lý Thống đốc - Ngân hàng nhà nước Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 01/2004 đến tháng 10/2013 Phó Chủ tịch - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - ✓ Từ tháng 11/2013 đến nay Nghỉ hưu theo chế độ
 - ✓ Từ tháng 4/2014 đến nay Thành viên HĐQT độc lập - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 4/2016 đến nay Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
- Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên HĐQT
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT độc lập - Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 54 cổ phần, chiếm 0,0000% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 54 cổ phần, chiếm 0,0000% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

4.12.2 Ban Kiểm soát**a) Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

Thông tin chi tiết về Ban Kiểm soát được trình bày dưới đây:

Bảng 33: Danh sách Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Hoàng Huy Trung	1973	Trưởng Ban kiểm soát kiêm Thành viên Chuyên trách
Bà Nguyễn Thu Hiền	1965	Thành viên Chuyên trách
Bà Bùi Thị Hồng Mai	1972	Thành viên
Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	1975	Thành viên

Nguồn: Techcombank

b) Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

❖ Ông Hoàng Huy Trung - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Hoàng Huy Trung**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số Căn cước công dân:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế, chuyên ngành ngân hàng, tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân
Cử nhân kinh tế, chuyên ngành kế toán tại Học Viện Tài chính
Chứng chỉ Kế toán trưởng – Học viện Tài chính
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 5/1995 đến tháng 12/2007 Chuyên viên Phòng Kế hoạch điều hòa tiền mặt – Vụ Phát hành - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Chuyên viên Phòng Quản lý ngân hàng thương mại cổ phần – Vụ Các Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Phó Trưởng phòng Thành lập, phát triển và Chính sách chế độ các ngân hàng – Vụ Các Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

✓ Từ tháng 1/2008 đến tháng 12/2012

Chánh văn phòng HĐQT

Trợ lý/ Tư vấn cao cấp HĐQT - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

✓ Từ tháng 1/2013 đến nay

Trưởng Ban Kiểm soát, Kiểm thành viên chuyên trách - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam

▪ Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết:

Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Thành viên Chuyên trách

✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không có

▪ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018):

19.168 cổ phần, chiếm 0,0016% vốn điều lệ

✓ Đại diện sở hữu:

Không có

✓ Cá nhân sở hữu:

19.168 cổ phần, chiếm 0,0016% vốn điều lệ

▪ Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

▪ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:

✓ Đặng Ngọc Cảnh – Em rể

6.887 cổ phần, chiếm 0,0006% vốn điều lệ

▪ Những khoản nợ đối với Công ty:

Không có

▪ Thù lao và các khoản lợi ích khác:

Không có

▪ Lợi ích liên quan đối với Công ty:

Không có

▪ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Không có

❖ **Bà Nguyễn Thu Hiền – Thành viên Ban kiểm soát Chuyên trách**

▪ Họ và tên:

Nguyễn Thu Hiền

▪ Giới tính:

Nữ

- Ngày sinh: 1965
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Liên Bang Nga, Thạc sỹ khoa học về kinh tế
Chứng chỉ Kế toán trưởng – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1982 đến năm 1983 *Học tại Đại học Ngoại ngữ Thanh Xuân Hà Nội - Đại học Ngoại ngữ Thanh Xuân Hà Nội*
 - ✓ Từ năm 1983 đến năm 1987 *Học tại Đại học Kinh tế Quốc dân AZERBAIZAN - Thành phố BAKU -Đại học Kinh tế Quốc dân AZERBAIZAN - Thành phố BAKU*
 - ✓ Từ năm 1988 đến năm 1993 *Làm việc tại Ngân hàng Công thương Hai Bà Trưng, Hà Nội - Ngân hàng Công thương – Hà Nội*
 - ✓ Từ năm 1993 đến năm 1999 *Kế toán trưởng - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
Kế toán trưởng - Chi nhánh Techcombank TP.Hồ Chí Minh
Phó Giám đốc -Chi nhánh Techcombank TP. Hồ Chí Minh
 - ✓ Từ năm 2000 đến năm 2003 *Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
Kế toán trưởng – CTCP Công nghiệp Thương mại Masan
 - ✓ Từ năm 2003 đến năm 2004 *Kế toán trưởng – CTCP Công nghiệp Thương mại Masan*

- ✓ Từ năm 2005 đến năm 2006 Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần công nghiệp Thương mại Masan
Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- ✓ Từ năm 2006 đến năm tháng 3/2009 Trưởng ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Giám đốc tài chính - Công ty Cổ phần công nghiệp Thương mại Masan
Giám đốc - Công ty TNHH 1 Thành Viên Xây dựng Hoa Hướng Dương
- ✓ Từ tháng 4/2009 đến năm tháng 3/2010 Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Trưởng ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan
Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Giám đốc - Công ty TNHH 1 Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng
Giám đốc - Công ty TNHH 1 Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng
- ✓ Từ tháng 4/2010 đến tháng 12/2012 Trưởng Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
Trưởng ban Kiểm soát - Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan
Thành viên Ban kiểm soát - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
- ✓ Từ tháng 1/2013 đến nay Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên chuyên trách
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 1.013.945 cổ phần, chiếm 0,0870% vốn điều lệ
- ✓ Đại diện sở hữu: Không có
- ✓ Cá nhân sở hữu: 1.013.945 cổ phần, chiếm 0,0870% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ Phạm Hiền Trang – Con ruột 3.617.776 cổ phần, chiếm 0,3104% vốn điều lệ
 - ✓ Nguyễn Thị Thanh Hằng – Chị 197.604 cổ phần, chiếm 0,0170% vốn điều lệ
đầu
 - ✓ Nguyễn Thị Lam Hương – Em 198.225 cổ phần, chiếm 0,0170% vốn điều lệ
gái
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên và Quy chế hoạt động Techcombank
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Bà Bùi Thị Hồng Mai –Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Bùi Thị Hồng Mai**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1972
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kế toán
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 11/1995 đến tháng 9/1998 Cán bộ phòng Kinh Doanh - Công ty liên doanh Nhà máy bia Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội
 - ✓ Từ tháng 10/1998 đến tháng 7/2003 Cán bộ phòng Kinh Doanh
Cán bộ, cán bộ cao cấp - Phòng Kế toán Tài Chính - Công ty TNHH Nhà máy bia Heineken - Hà Nội
 - ✓ Từ tháng 4/2008 đến tháng 12/2009 Quyền trưởng Phòng Kế toán - Công ty CP truyền thông S (kênh truyền hình O2TV)
 - ✓ Từ tháng 4/2011 đến tháng 10/2016 Tổng giám đốc - Công ty CP truyền thông S (kênh truyền hình O2TV)
 - ✓ Từ tháng 3/2010 đến nay Thành viên - Ban Kiểm soát - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 12/2010 đến nay Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư INB
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Thành viên
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT - Công ty CP Đầu tư INB
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 16 cổ phần, chiếm 0,0000% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 16 cổ phần, chiếm 0,0000% vốn điều lệ
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

 - Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ Lê Quang Vinh – Chồng 17.334 cổ phần, chiếm 0,0015% vốn điều lệ
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes –Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1975
- Nơi sinh : Cộng Hòa Áo
- Số Hộ chiếu:
- Quốc tịch: Cộng hòa Áo
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Đại học Bundeshandelsakademie, Klagenfurtm Cộng hòa Áo – chuyên ngành Kế toán
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, ngân hàng và Tiếp thị - Đại học Klagenfurt
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 02/2002 đến tháng 05/2004 Chuyên viên – Ngân hàng của Carinthia và Styria – Phòng Phân tích rủi ro/quản lý và tư vấn khách hàng
 - ✓ Từ tháng 06/2004 đến tháng 09/2005 Giám đốc Marketing – Công ty TNHH Đầu tư T&M Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 10/2005 đến tháng 06/2007 Phó Giám đốc – Công ty TNHH Đầu tư T&M Việt Nam
 - ✓ Từ tháng 7/2007 đến tháng 09/2011 Phó Giám đốc Quản lý tài sản – Công ty CB Richard Ellis Hà Nội
 - ✓ Từ tháng 09/2011 đến tháng 3/2014 Giám đốc quốc gia văn phòng Hà Nội - Jones LaSalle
Giám đốc Tài sản và Quản lý tài sản cấp quốc gia - Jones LaSalle

Giám đốc Dịch vụ Phát triển tài sản và Quản lý Dự án - Jones LaSalle

✓ *Từ năm 04/2012 đến nay* *Thành viên Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*

✓ *Từ tháng 01/2015 đến nay* *Tổng Giám đốc - CTCP Đầu tư Du lịch Eurowindow Nha Trang*

▪ Các chức vụ công tác hiện nay:

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết:* *Thành viên*

✓ *Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:* *Tổng Giám đốc - CTCP Đầu tư Du lịch Eurowindow Nha Trang*

▪ Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): *Không có*

✓ *Đại diện sở hữu:* *Không có*

✓ *Cá nhân sở hữu:* *Không có*

▪ Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.

▪ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: *Không có*

▪ Những khoản nợ đối với Công ty: *Không có*

▪ Thù lao và các khoản lợi ích khác: *Không có*

▪ Lợi ích liên quan đối với Công ty: *Không có*

▪ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: *Không có*

4.12.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

a) Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thông tin chi tiết về thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng được trình bày dưới đây:

Bảng 34: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	1966	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Tuấn Anh	1973	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Thắng	1973	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Bằng	1972	Giám đốc Tài chính
Bà Bùi Thị Khánh Vân	1980	Kế toán trưởng, Giám đốc Kế toán và Báo cáo tài chính
Bà Thái Hà Linh	1978	Giám đốc Kế toán, Chính sách tài chính và thuế

Nguồn: Techcombank

b) Sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**❖ Ông Nguyễn Lê Quốc Anh – Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Nguyễn Lê Quốc Anh**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1966
- Nơi sinh: Việt Nam
- Số Hộ chiếu:
- Quốc tịch: Hoa Kỳ
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ chuyên ngành Kỹ sư Hạt nhân tại Đại học Purdue (Mỹ) và Thạc sỹ chuyên ngành Kinh tế lượng tại Đại học bang California, East Bay (Mỹ)
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 5/1988 đến tháng 8/1993 *Kỹ sư Hạt nhân - Công ty Pacific Gas and Electric Co, Hoa Kỳ*
 - ✓ Từ tháng 3/1997 đến tháng 9/2000 *Kỹ sư nghiên cứu - Phòng thí nghiệm Quốc gia ARGONNE. Hoa Kỳ*

- | | |
|-------------------------------------|---|
| ✓ Từ tháng 9/2000 đến tháng 3/2002 | Tư vấn Cao cấp, Phòng Công nghệ Kinh doanh – Công ty McKinsey & Company, Hoa Kỳ |
| ✓ Từ tháng 3/2002 đến tháng 3/2005 | Giám đốc Phòng Giao dịch Thị trường chứng khoán – Hệ thống Giao dịch tự động - Quỹ đầu tư – Công ty Đầu tư liên kết, Tập đoàn Fortress Investment, Hoa Kỳ |
| ✓ Từ tháng 3/2005 đến tháng 4/2015 | Giám đốc điều hành - Công ty One Global Consulting, Hoa Kỳ |
| ✓ Từ tháng 9/2005 đến tháng 8/2006 | Chuyên gia Tư vấn Tài chính- Khôi Kế hoạch và Chiến lược doanh nghiệp - Công ty Nissan North America – Nissan USA, Hoa Kỳ |
| ✓ Từ tháng 11/2006 đến tháng 6/2011 | Giám đốc Chiến lược và Phát triển Ngân hàng - Ngân hàng Wells Fargo, Hoa Kỳ |
| ✓ Từ tháng 6/2011 đến tháng 3/2015 | Giám đốc Chiến lược và Kế hoạch Đầu tư Tài chính - T-Mobile US, Hoa Kỳ |
| ✓ Từ tháng 11/2014 đến tháng 5/2015 | Chuyên gia tư vấn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam |
| ✓ Từ tháng 5/2015 đến tháng 3/2016 | Giám đốc Khôi Chiến lược và Phát triển Ngân hàng - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam |
| ✓ Từ tháng 3/2016 đến tháng 9/2016 | Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam |
| ✓ Từ tháng 9/2016 đến nay | Tổng Giám đốc - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam |
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Tổng Giám đốc
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 - Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 2.000.000 cổ phần, chiếm 0,1716% vốn điều lệ
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 2.000.000 cổ phần, chiếm 0,1716% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có

- Các cam kết nắm giữ:
Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ **Ông Đỗ Tuấn Anh – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc**

- Vui lòng xem mục 4.12.1

❖ **Ông Phạm Quang Thắng – Phó Tổng Giám đốc**

- Họ và tên: **Phạm Quang Thắng**
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1973
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Kế toán quốc tế tại Trường Đại học công nghệ Swinburne
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1994 đến năm 1999 *Kế toán viên; Phó Phòng Kế toán tài chính; Kế toán Trưởng - Techcombank*
 - ✓ Từ năm 2000 đến năm 2004 *Trưởng phòng kế hoạch tổng hợp - Techcombank*
 - ✓ Từ năm 2004 đến năm 2006 *Phó Tổng Giám đốc - Techcombank*
 - ✓ Từ năm 2006 đến năm 2008 *Giám đốc Trung tâm Nguồn vốn và Thị trường tài chính - Techcombank*

- ✓ Từ năm 2008 đến năm 2009 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kế toán tài chính, kế hoạch và chiến lược – Techcombank
- ✓ Từ năm 2009 đến năm 2012 Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Khách hàng doanh nghiệp - Techcombank
- ✓ Từ năm 2013 đến năm 2014 Phó Tổng giám đốc, Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng - Techcombank
- ✓ Từ năm 2014 đến nay Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối Kiểm soát tuân thủ và Pháp chế - Techcombank
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Phó Tổng Giám Đốc
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 225.074 cổ phần, chiếm 0,0193% vốn điều lệ
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 225.074 cổ phần, chiếm 0,0193% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
 - ✓ Dư Thị Thu Hương – Vợ 46.200 cổ phần, chiếm 0,0040% vốn điều lệ
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- ◆ **Ông Trịnh Bằng – Giám đốc Tài chính Tập đoàn**
 - Họ và tên: **Trịnh Bằng**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1972
- Nơi sinh : Đà Lạt, Việt Nam
- Số Hộ chiếu :
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Kỹ sư Hệ thống (Bachelor of Science in System engineering), Đại học Virginia (Mỹ).
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1994 đến năm 1996 *Phân tích Tài chính, tổ chức các Tổ chức Tài chính - MORGAN STANLEY*
 - ✓ Từ năm 1996 đến năm 1999 *Phòng Liên kết, Sáp nhập, Mua lại và Cấu trúc lại - MORGAN STANLEY*
 - ✓ Từ năm 2000 đến năm 2001 *Phó Giám đốc điều hành - Nhóm Chiến lược Kinh doanh / Thương mại Điện tử -MORGAN STANLEY*
 - ✓ Từ năm 2001 đến năm 2002 *Phó Giám đốc điều hành - Thị trường Vốn toàn cầu - MORGAN STANLEY*
 - ✓ Từ năm 2003 đến năm 2006 *Phó Giám đốc điều hành - TETRA PARTNERSHIPS*
 - ✓ Từ năm 2006 đến năm 2008 *Giám đốc điều hành - THE BHT GROUP, INC.*
 - ✓ Từ năm 2008 đến năm 2014 *Giám đốc điều hành, Trưởng văn phòng đại diện tại Việt Nam và Philipines - MORGAN STANLEY*
 - ✓ Từ năm 2014 đến năm 2017 *Cố vấn cao cấp - Việt Nam và Philippines - MORGAN STANLEY*
 - ✓ Từ tháng 2/2018 đến nay *Giám đốc tài chính Tập đoàn – Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
- Các chức vụ công tác hiện nay:

- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ Giám đốc tài chính Tập đoàn chức niêm yết:
- ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ Không có chức khác:
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 2.000.000 cổ phần, chiếm 0,1716% vốn điều lệ 11/05/2018):
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 2.000.000 cổ phần, chiếm 0,1716% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Bà Bùi Thị Khánh Vân – Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Bùi Thị Khánh Vân**
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1980
- Nơi sinh : Thái Bình
- Số CMND:
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú:
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng Tài chính, tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân

- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ tháng 1/2004 đến tháng 4/2006 Chuyên viên Kế toán tài chính - Techcombank
 - ✓ Từ tháng 5/2006 đến tháng 6/2009 Phó phòng Kế toán tài chính Hội sở - Techcombank
 - ✓ Từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2010 Phó Giám đốc Techcombank Nam Định - Techcombank
 - ✓ Từ tháng 1/2011 đến tháng 12/2012 Giám đốc Kế toán và Báo cáo Tài chính - Techcombank
 - ✓ Từ tháng 1/2013 đến nay Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Kế toán và Báo cáo tài chính - Techcombank
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: Kế toán trưởng
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - ✓ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện sở hữu: Không có
- Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
- Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

❖ Bà Thái Hà Linh – Giám đốc Kế toán, Chính sách tài chính và thuế

- **Họ và tên:** **Thái Hà Linh**
- **Giới tính:** Nữ
- **Ngày sinh:** 1978
- **Nơi sinh :** Hà Nội
- **Số CMND:**
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Địa chỉ thường trú:**
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA) năm 2006 của Trung tâm Pháp – Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG).
- **Quá trình công tác:**
 - ✓ *Từ tháng 4/2001 đến tháng 3/2003* *Giao dịch viên - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
 - ✓ *Từ tháng 4/2003 đến tháng 8/2004* *Kiểm soát viên Kế toán tài chính Hội sở - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
 - ✓ *Từ tháng 8/2004 đến tháng 4/2006* *Phó phòng Kế toán tài chính Hội sở - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
 - ✓ *Từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2007* *Trưởng phòng Kế toán giao dịch và kho quỹ - Trung tâm giao dịch Hội sở - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
 - ✓ *Từ tháng 5/2006 đến tháng 3/2007* *Trưởng phòng Kế toán tài chính - Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn Cầu*
 - ✓ *Từ tháng 3/2007 đến tháng 9/2007* *Kế toán trưởng - FPT Capital*
 - ✓ *Từ tháng 10/2007 đến tháng 1/2008* *Phó phòng Kế toán thẻ - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
 - ✓ *Từ tháng 2/2008 đến tháng 12/2011* *Trưởng phòng giao dịch Bờ Hồ - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*

- ✓ Từ tháng 1/2011 đến tháng 3/2011 *Phó Giám đốc Trung tâm Phát triển bán và nâng cao chất lượng dịch vụ - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
 - ✓ Từ tháng 3/2011 đến tháng 12/2012 *Kế toán trưởng - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
 - ✓ Từ tháng 2/2013 đến tháng 5/2014 *Giám đốc Trung tâm Kiểm soát rủi ro vận hành - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
 - ✓ Từ tháng 5/2014 đến nay *Giám đốc Kế toán, Chính sách tài chính và Thuế - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam*
- Các chức vụ công tác hiện nay:
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức niêm yết: *Giám đốc Kế toán, Chính sách tài chính và thuế Người ủy quyền công bố thông tin*
 - ✓ Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: *Không có*
 - Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm 11/05/2018): 418.804 cổ phần, chiếm 0,0359% vốn điều lệ
 - ✓ Cá nhân sở hữu: *418.804 cổ phần, chiếm 0,0359% vốn điều lệ*
 - ✓ Đại diện sở hữu: *Không có*
 - Các cam kết nắm giữ:

Cam kết nắm giữ 100% số lượng chứng khoán của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam trong vòng 6 tháng và nắm giữ 50% số lượng trong vòng 1 năm kể từ ngày chứng khoán được niêm yết giao dịch trên SGDCK.
 - Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết: Không có
 - Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 - Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có
 - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

4.13 Tài sản

Dưới đây là số dư tài sản cố định tại 31/12/2017:

Bảng 35: Số dư tài sản cố định tại 31/12/2017

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Tài sản cố định hữu hình	1.579	562	35,6%	1.603	570	35,6%
Nhà cửa, vật kiến trúc	337	304	90,2%	337	304	90,2%
Máy móc, thiết bị	1.093	199	18,2%	1.115	208	18,7%
Phương tiện vận tải	147	58	38,9%	149	58	38,9%
Tài sản cố định khác	2	0.4	20,0%	2	0.4	20,0%
Tài sản cố định vô hình	1.426	931	65,3%	1.450	942	65,0%
Phần mềm vi tính	810	334	41,2%	829	342	41,3%
Quyền sử dụng đất có thời hạn	614	595	96,9%	616	598	97,1%
Tài sản cố định vô hình khác	2	2	100%	5	2	40,0%
Tổng cộng	3.005	1.493	49,7%	3.053	1.512	49,5%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2017

Bảng 36: Danh mục một số khu đất lớn thuộc sở hữu của Techcombank

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Địa chỉ
1	Nhà tại trụ sở Bắc Ninh – Xóm 10 Đại Phúc – Chi nhánh Bắc Ninh	1.984,8	Trụ sở Bắc Ninh -Xóm 10 Đại Phúc - thị xã Bắc Ninh - TCB Bắc Ninh
2	Chi nhánh Techcombank – số 15 Vincom Royal city Hà Nội – CN Hoàng Gia	384	SO-15, tại tầng R3-L1, nhà chung cư số R3, tại Royal city, 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội

3	Số nhà: 12B Vincom Royal city Hà Nội - Chi nhánh Hoàng Gia	113	SO-12B, tại tầng R3-L1, nhà chung cư số R3, tại Royal city, 72A Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội
04	Quyền sử dụng đất 44 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội (số 4 Quang Trung)	2.822,3	Trụ sở Ngân hàng 44 Lý Thường Kiệt, HBT, Hà Nội
5	Mặt bằng Vincom Q2 HCM – Chi nhánh Cát Lái (Nguyễn Duy Trinh)	112,5	Lầu 2 + lầu 3 (TTTTM vincom) số 307 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, Quận 2, TP HCM
6	Văn phòng Techcombank tỉnh Thái Bình	331,4	L1-9, tầng số L1, số 460 Phố Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
7	Mặt bằng Vincom Hải Phòng – Chi nhánh Lê Thánh Tông	105,9	L1- 15A, số 1, đường Lê Thanh Tôn, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, Thành Phố Hải Phòng
8	QSD Đất Royal City, Chi nhánh Hoàng Gia (căn SO-12B)	119,2	Khu phức hợp Royal City, 72A Đường Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội
9	QSD Đất Royal City, Chi nhánh Hoàng Gia (căn SO-15)	160	
10	Phòng giao dịch Phạm Thái Bường – Vĩnh Long	357,6	L1-6, và L2-03, tầng số L1-L2, Trung tâm thương mại Vincom plaza, tổ 9, khóm 3, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
11	Phòng giao dịch Nguyễn Thái Học – Yên Bái	150	L1-03, TTTM Vincom Plaza, công viên Yên Hòa, đường Thành Công và đường Tô Hiến Thành, phường Nguyễn Thái Học, Tỉnh Yên Bái
12	Chi nhánh Hà Tĩnh	162,7	L1-05, tầng số L1, TTTM Vincom Plaza, tiểu khu 2, tổ dân phố 1, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Nguồn: Techcombank

Dưới đây là số dư Bất động sản đầu tư tại 31/12/2017:

Bảng 37: Số dư bất động sản đầu tư tại 31/12/2017

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Bất động sản đầu tư	-	-	-	1.443	1.238	85,8%

Nguồn: BCTC kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2017

Bất động sản đầu tư của Techcombank được trình bày trên BCTC hợp nhất năm 2017 là Tòa nhà Hội sở Techcombank, do công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (AMC) nắm giữ. Thông tin được trình bày tại Thuyết minh số 15.

Techcombank không trình bày giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên theo Chuẩn mực kế toán số 5, Mục 30, điểm (i) là do: tòa nhà này được sử dụng chủ yếu để làm trụ sở của Techcombank và các công ty con, doanh thu cho thuê toàn nhà của AMC và chi phí thuê nhà của Techcombank đã được loại trừ khi trình bày trên báo cáo hợp nhất. Do tòa nhà được sử dụng nội bộ nên Techcombank quan tâm đến nguyên giá cũng như thời hạn sử dụng của tòa nhà (đã được trình bày trong BCTC hợp nhất) hơn là giá trị hợp lý của tòa nhà.

4.14 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

4.14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 – 2019

Bảng 38: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2018 - 2019

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Riêng lẻ					Hợp nhất				
	Năm 2017	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2017	Năm 2018		Năm 2019	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2017	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2018
Vốn chủ sở hữu	24.970	48.961	93%	59.277	21%	26.931	51.812	89%	63.266	22%
Dư nợ cho vay khách hàng	160.340	195.414	22%	240.254	23%	160.849	197.414	23%	242.713	23%
Lợi nhuận sau thuế	5.678	7.110	25%	10.315	45%	6.446	8.000	24%	11.454	43%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Dư nợ cho vay khách hàng	3,5%	3,6%	0,1%	4,3%	0,7%	4,0%	4,1%	0,1%	4,7%	0,6%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	26,2%	19,2%	-7,0%	19,1%	-0,1%	27,7%	20,3%	-7,4%	19,9%	-0,4%
Cổ tức (*)	-	-	-	-	-	-	*	-	*	*

Nguồn: ĐHCĐ thường niên năm 2018, Nghị quyết HĐQT số 347/2017-NQ-HĐQT

(*): việc trả cổ tức phụ thuộc vào kết quả kinh doanh, điều kiện thị trường và phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông cũng như các cơ quan quản lý nên sẽ chỉ được xác định vào từng thời điểm cụ thể thực hiện

4.14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Ngay từ khi thành lập cho tới nay, Techcombank đã duy trì được vị thế là một trong các ngân hàng TMCP hàng đầu tại Việt Nam. Đặc biệt là từ năm 2016, Ngân hàng đã triển khai chiến lược 2016 – 2020 với tầm nhìn trở thành ngân hàng số 1 và doanh nghiệp hàng đầu, dẫn dắt đời sống tài chính của người dân Việt Nam. Ngân hàng đã và đang từng bước thực hiện được tầm nhìn đó với định hướng kinh doanh “rủi ro thấp – lợi nhuận cao” và việc áp dụng một mô hình kinh doanh ưu việt, thực sự lấy khách hàng làm trọng tâm và cung cấp đầy đủ các giải pháp tài chính phù hợp, hiệu quả với trải nghiệm vượt trội cho từng phân khúc khách hàng mục tiêu.

Kết quả hoạt động trong các năm vừa qua đã chứng tỏ sự đúng đắn về chiến lược và định hướng, cũng như sự vượt trội về năng lực triển khai của Ngân hàng. Mặc dù không phải là ngân hàng lớn nhất về quy mô nhưng tới năm 2017, Techcombank là ngân hàng dẫn đầu về hiệu quả và sự bền vững trong hoạt động tính theo các chỉ tiêu năng suất lao động, tỷ trọng thu nhập ngoài lãi, hiệu suất chi phí hoạt động, lợi nhuận sau thuế trên bình quân tổng tài sản (“ROAA”) và trên bình quân vốn chủ sở hữu (“ROAE”). Không chỉ so sánh với các ngân hàng Việt Nam mà đứng trên bình diện khu vực, các chỉ số này cũng đưa Techcombank vào trong nhóm các ngân hàng hiệu quả nhất. Điều này phù hợp với kết quả đánh giá khảo sát của các tổ chức tư vấn hàng đầu thế giới như McKinsey hay Kon Ferry Hay Group, trong đó sức khỏe doanh nghiệp và mức độ hiệu quả nhân sự của Techcombank ở trong nhóm dẫn đầu trên thế giới và trong ngành ngân hàng, và có khoảng cách lớn so với mức bình quân của các doanh nghiệp Việt Nam.

Trong thời gian tới, Techcombank sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các nền tảng cốt lõi mà Ngân hàng đã lựa chọn để tiếp tục triển khai chiến lược 2016 – 2020. Đáng chú ý là Ngân hàng sẽ đầu tư hơn 7.000 tỷ đồng vào các dự án Chuyển đổi CNTT, qua đó giúp Techcombank tiếp tục là một ngân hàng dẫn đầu về công nghệ như định hướng ngay từ khi thành lập của Techcombank. Bên cạnh đó, Techcombank cũng sẽ triển khai một số chiến lược kinh doanh cụ thể như sau:

Tập trung khai thác hệ sinh thái khách hàng trong chuỗi giá trị của Techcombank và các khách hàng lớn hiện tại

Hiện tại, Techcombank có những khách hàng doanh nghiệp lớn như Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Tập đoàn Vingroup, CTCP Tập đoàn Masan, Sun Group ... Đây đều là những doanh nghiệp có khối lượng khách hàng và đối tác rất lớn vì vậy hệ sinh thái này đã, đang và sẽ được Techcombank khai thác nhằm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như năng lực cạnh tranh so với các ngân hàng khác trong ngành. Techcombank cung cấp các sản phẩm tài chính tối ưu như cho vay tài trợ vốn lưu động, các dịch vụ giao dịch ngân hàng, thanh toán lương ... nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng của các Tập đoàn trên. Hơn thế nữa, với việc sử dụng dịch vụ của Techcombank trong tất cả các giao dịch của khách hàng, đối tác trong hệ sinh thái sẽ giúp cho Techcombank có được một lượng tiền gửi không

kỳ hạn (“CASA”) lớn trong hệ thống. Điều này giúp cho Techcombank giảm chi phí huy động từ đó có lợi thế cạnh tranh so với các ngân hàng khác và tăng lợi nhuận từ hoạt động.

Trong tương lai, Techcombank tiếp tục thiết lập mối quan hệ đối tác chiến lược với các đối tác khác là những tập đoàn lớn nhằm củng cố và mở rộng hệ sinh thái khách hàng.

Thu nhập từ phí dịch vụ tiếp tục là nguồn thu nhập hoạt động chiến lược của Techcombank

Techcombank tiếp tục đẩy mạnh khai thác các sản phẩm phân khúc dịch vụ nhằm gia tăng Thu nhập hoạt động từ phí dịch vụ như sản phẩm bancassurance, sản phẩm thẻ tín dụng, tài trợ thương mại, dịch vụ tư vấn từ Ngân hàng đầu tư ... Đối với từng phân khúc sản phẩm, Techcombank tập trung tăng số lượng khách hàng, tăng số lượng giao dịch của mỗi khách hàng và đa dạng hóa các sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu từng nhóm khách hàng.

Hệ thống quản trị rủi ro mạnh đã góp phần làm giảm thiểu các rủi ro trong quá trình hoạt động, đồng thời nâng cao chất lượng tài sản của Techcombank

Mô hình quản trị rủi ro của Techcombank được xây dựng theo từng phân khúc khách hàng, đáp ứng với quy mô, đặc tính, hành vi của từng nhóm khách hàng và với định hướng “quản trị rủi ro chủ động tới gần khách hàng hơn, am hiểu kinh doanh hơn” đã giúp Techcombank ngày càng quản trị rủi ro hiệu quả hơn, hiểu khách hàng, nhận diện sớm các rủi ro và có các quyết định phù hợp.

Techcombank tập trung vào các khoản vay rủi ro thấp như giảm các khoản vay cá nhân không tài sản đảm bảo, chủ động giảm các khoản vay có thời hạn vay dài đối với các khoản vay của Khối WB và BB.

Bên cạnh đó, nhằm giảm thiểu rủi ro, Techcombank cũng tập trung vào đối tượng khách hàng có rủi ro thấp trong việc thanh toán khoản vay như giảm các khoản vay của các khách hàng doanh nghiệp siêu nhỏ, chỉ giải ngân các khách hàng Khối BB đã từng giao dịch với Techcombank từ 3 năm trở lên.

Ngoài dự án IT sẽ triển khai thì Techcombank cũng đã và đang triển khai hàng loạt các dự án nhằm nâng cao năng lực hoạt động và tạo lợi thế cạnh tranh với các ngân hàng khác. Với năng lực đã được xây dựng và khẳng định, cũng như mức đầu tư lớn sắp tới, Techcombank sẽ có đủ năng lực để đạt được tầm nhìn cũng như các kế hoạch kinh doanh đầy tham vọng của mình trong thời gian tới.

4.14.3 Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHQĐĐ thông qua

Bảng 39: Kế hoạch đầu tư, dự án

Tên dự án	Mục đích triển khai	Tiến độ dự án	Thực trạng dự án
Chuyển đổi IT	Để chuyển đổi Techcombank thành ngân hàng hướng tới nền tảng công nghệ vượt trội bằng việc chuyển đổi suy nghĩ của các	2018 - 2020	Tới hết quý I/2018, Techcombank đã

	<p>đơn vị đối với công nghệ; sử dụng công nghệ để phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng và đảm bảo an ninh thông tin tốt nhất; tinh giản và tự động hoá các quy trình thủ công nội bộ để đảm bảo hiệu quả và nâng cao kinh nghiệm của nhân viên.</p> <p>Techcombank đã thuê đơn vị tư vấn là McKinsey để tư vấn Techcombank triển khai dự án.</p>	<p>xây dựng định hướng mô hình IT song hành, trong đó vừa hoàn thiện các nền tảng công nghệ để vận hành Ngân hàng, vừa đầu tư để xây dựng các năng lực về công nghệ thế hệ mới. Ngân hàng đã xác định hơn 40 sáng kiến cần triển khai về công nghệ từ nay tới năm 2020, và đang thực hiện các chuyển đổi về tổ chức, xây dựng các năng lực cần thiết để triển khai thành công các sáng kiến này.</p>
--	---	--

Nguồn: Techcombank

Tổng vốn đầu tư dự kiến của Techcombank cho dự án trên là khoảng 7.128 tỷ đồng. Dự án sẽ triển khai trên nhiều mảng lĩnh vực hoạt động khác nhau của Techcombank như: giao dịch thẻ, quản trị rủi ro, ngân hàng giao dịch... và dự kiến thời gian triển khai trong thời gian từ 2018-2020.

4.14.4 Kế hoạch tăng vốn điều lệ

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Techcombank chưa có kế hoạch tăng vốn điều lệ.

4.15 Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, VCSC đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam. Căn cứ vào năng lực lãnh đạo của đội ngũ lãnh đạo Techcombank, hệ thống quản trị rủi ro mạnh, hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, nền tảng khách hàng trong hệ sinh thái khách hàng đa dạng cũng như định hướng chiến lược đúng đắn thì nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Techcombank đưa ra là có tính khả thi và Techcombank có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa

trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán, mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự ra quyết định đầu tư.

4.16 Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

4.17 Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Techcombank mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**1. Loại chứng khoán**

- Cổ phiếu phổ thông

2. Mã chứng khoán

- TCB

3. Mệnh giá

- 10.000 đồng/cổ phần

4. Tổng số chứng khoán niêm yết

- 1.165.530.720 cổ phiếu

5. Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ chức niêm yết

Căn cứ quy định tại Điều 53 Mục 1 Nghị định 58/2012/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 20 tháng 07 năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 60/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2015): “Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”. Chi tiết như sau:

Bảng 40: Danh sách cổ đông là cán bộ chủ chốt hạn chế chuyển nhượng

STT	Tên cổ đông	Năm sinh	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo
I	Hội đồng Quản trị			207.342.456	103.671.230
1	Hồ Hùng Anh	1970	Chủ tịch HĐQT	13.103.193	6.551.597
2	Nguyễn Đăng Quang	1963	Phó Chủ tịch thứ nhất	3.134.392	1.567.196
	<i>Cổ đông lớn là CTCP Tập đoàn Masan</i>			<i>174.771.833</i>	<i>87.385.917</i>
3	Nguyễn Thiệu Quang	1959	Phó Chủ tịch	10.085.477	5.042.739
4	Nguyễn Cảnh Sơn	1967	Phó Chủ tịch	5.984.993	2.992.497

STT	Tên cổ đông	Năm sinh	Chức vụ	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP bị hạn chế chuyển nhượng trong 6 tháng tiếp theo
5	Đỗ Tuấn Anh	1973	Phó Chủ tịch kiêm Phó Tổng Giám đốc	262.514	131.257
6	Lee Boon Huat	1957	Thành viên	0	0
7	Nguyễn Đoàn Hùng	1953	Thành viên độc lập	54	27
II	Ban Kiểm soát			1.033.129	516.565
1	Hoàng Huy Trung	1973	Trưởng Ban, Thành viên chuyên trách	19.168	9.584
2	Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes	1965	Thành viên	0	0
3	Nguyễn Thu Hiền	1972	Thành viên chuyên trách	1.013.945	506.973
4	Bùi Thị Hồng Mai	1975	Thành viên	16	8
III	Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			4.643.878	2.321.939
1	Nguyễn Lê Quốc Anh	1966	Tổng Giám đốc	2.000.000	1.000.000
2	Đỗ Tuấn Anh	1973	Phó Tổng Giám đốc		
3	Phạm Quang Thắng	1973	Phó Tổng Giám đốc	225.074	112.537
4	Trịnh Bằng	1972	Giám đốc Tài chính Tập đoàn	2.000.000	1.000.000
5	Bùi Thị Khánh Vân	1980	Kế toán trưởng, Giám đốc kế toán và Báo cáo tài chính	0	0
6	Thái Hà Linh	1978	Giám đốc Kế toán, Chính sách tài chính và thuế, Người ủy quyền công bố thông tin	418.804	209.402
Tổng cộng				213.019.463	106.509.734

Nguồn: Techcombank

Ngoài ra, Techcombank còn có tổng cộng **16.947.918** cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/11/2018 trong đợt phát hành cho cổ đông hiện hữu năm 2017 theo Nghị quyết HĐQT số 1436/NQ-HĐQT ngày 17/11/2017.

5.1 Phương pháp tính giá

- Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Techcombank theo phương pháp thị trường, cụ thể là phương pháp so sánh hệ số P/E và P/B và phương pháp giá trị sổ sách.
- Chỉ số P/E được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho thu nhập trên mỗi cổ phiếu (“EPS”) của cổ đông của Công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/E với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 09/04/2018, thu nhập mỗi cổ phiếu được lấy theo EPS năm gần nhất (năm 2017).
- Chỉ số P/B được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho giá trị sổ sách. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/B với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 09/04/2018, giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu (BVPS) được lấy theo năm gần nhất (năm 2017)
- Chỉ số P/E, P/B dùng để tính giá trị cổ phiếu Techcombank sẽ dựa trên P/E, P/B bình quân của nhóm so sánh và kết quả kinh doanh của Techcombank được thể hiện trên BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017.

Bảng 41: Một số chỉ tiêu tài chính của Techcombank tại 31/12/2017

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017
Tổng thu nhập hoạt động	16.344
Lợi nhuận sau thuế	6.446
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	835.039.242
Thu nhập trên một cổ phiếu phổ thông (đồng)	7.719
Giá trị vốn chủ sở hữu của Techcombank	26.931
Giá trị sổ sách trên một cổ phiếu (đồng)	32.251

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017

Chúng tôi sử dụng số liệu của một số Ngân hàng đang niêm yết để làm cơ sở so sánh, bao gồm các Ngân hàng sau:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (HOSE: BID)
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (HOSE: CTG)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (HOSE: VCB)
- Ngân hàng TMCP Quân đội (HOSE: MBB)

- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (HOSE: VPB)
- Ngân hàng TMCP Á Châu (HNX: ACB)

Bảng 42: Bảng tính hệ số P/E, P/B bình quân

ST T	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày 09/04/2018 (đồng/cp)	EPS (đồng)	BVPS (đồng)	P/E (lần)	P/B (lần)
1	CTG	37.700	1.546	17.126	24,4	2,2
2	HDB	48.700	1.966	16.615	24,8	2,9
3	MBB	36.800	1.953	16.429	18,8	2,2
4	VPB	69.300	4.564	21.532	15,2	3,2
5	BID	44.400	1.499	14.287	29,6	3,1
6	ACB	51.100	1.996	16.260	25,6	3,1
Bình quân					23,1	2,8

Nguồn: VCSC, BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2017 của các ngân hàng

$$\begin{aligned} \text{Giá trị 1 cổ phiếu theo P/E} &= \text{Hệ số P/E bình quân} \times \text{EPS (TCB)} \\ &= 23,1 \times 7.719 \\ &= \mathbf{178.309 \text{ (đồng)}} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{Giá trị 1 cổ phiếu theo P/B} &= \text{Hệ số P/B bình quân} \times \text{BVPS (TCB)} \\ &= 2,8 \times 32.251 \\ &= \mathbf{90.303 \text{ (đồng)}} \end{aligned}$$

Tổng hợp kết quả:

Bảng 43: Kết quả định giá cổ phiếu Techcombank

Phương pháp	Kết quả (đồng)	Trọng số
So sánh hệ số P/E	178.309	60%
So sánh hệ số P/B	90.303	30%
Giá trị sổ sách	32.251	10%
Giá cổ phiếu tính theo trọng số	137.301 đồng	

Nguồn: VCSC

- Phương pháp so sánh hệ số P/E thể hiện được mối tương quan giữa hoạt động kinh doanh của Techcombank so với các ngân hàng trên thị trường. Hệ số P/E cho thấy giá

của cổ phiếu tại thời điểm định giá cao hơn thu nhập từ cổ phiếu đó bao nhiêu lần, hay nhà đầu tư phải trả giá cho một đồng thu nhập bao nhiêu. Nói cách khác, giá cổ phiếu định giá theo phương pháp so sánh hệ số P/E của các doanh nghiệp cùng ngành là giá trị ở thời điểm hiện giúp nhà đầu tư cân nhắc để đưa ra quyết định đầu tư. Do vậy, Techcombank ưu tiên sử dụng kết quả của phương pháp định giá này với trọng số 60%.

- Phương pháp so sánh hệ số P/B phản ánh giá trị tài sản Techcombank đang sở hữu. Đối với các doanh nghiệp mà hoạt động cốt lõi là cung cấp dịch vụ như Techcombank, giá trị sổ sách không phản ánh đầy đủ giá trị thực của Techcombank do giá trị tài sản hữu hình thường không lớn. Giá trị sổ sách của tài sản không tính tới các tài sản vô hình như thương hiệu hay uy tín do Techcombank tạo ra. Vì vậy, Techcombank tính toán giá cổ phiếu dựa trên phương pháp so sánh hệ số P/B để tham khảo và chỉ sử dụng kết quả định giá theo phương pháp này với trọng số 30%.
- Phương pháp giá trị sổ sách (“Book value”) tại thời điểm 31/12/2017 của Techcombank thể hiện giá trị tại một thời điểm xác định nên không phản ánh đầy đủ giá trị thực của Techcombank, do đó chúng tôi sử dụng phương pháp này với trọng số 10%.

Ngoài ra, ngày 07/05/2018, Techcombank đã thực hiện bán cổ phiếu quỹ cho nhà đầu tư nước ngoài với giá bán bình quân là 128.000 đồng/cổ phiếu (theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu quỹ số 863/2018/HĐQT-TCB ngày 07/05/2018).

Theo đó, Techcombank đề xuất mức giá niêm yết để nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM ở mức **128.000 đồng/cổ phiếu (Một trăm hai mươi tám ngàn đồng trên một cổ phiếu)**.

5.2 Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều lệ của Techcombank thì nhà đầu tư nước ngoài có quyền chuyển nhượng cổ phần Techcombank theo quy định của pháp luật hiện hành. Trong trường hợp cổ phiếu Techcombank được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch chứng khoán có liên quan.

Căn cứ theo Khoản 2, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán, trường hợp công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đầu tư, pháp luật liên quan có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó.

Căn cứ theo Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 quy định về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng tại Việt Nam như sau:

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Nghị định này.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư nước ngoài và người có liên quan của nhà đầu tư nước ngoài đó không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng, công ty niêm yết. Như vậy, quy định trên sẽ áp dụng cho vốn điều lệ của Techcombank là 11.655.307.200.000 VND (Mười một ngàn sáu trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, hai trăm ngàn đồng).
- Trong trường hợp đặc biệt để thực hiện cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém, gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức nước ngoài, một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài, tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng cổ phần yếu kém được cơ cấu lại vượt quá giới hạn quy định tại các khoản (ii), (iii) và (v) nêu trên đối với từng trường hợp cụ thể.
- Tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài bao gồm cả phần vốn nhà đầu tư nước ngoài ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
- Nhà đầu tư nước ngoài chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi của tổ chức tín dụng Việt Nam sang cổ phiếu phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu cổ phần, điều kiện sở hữu cổ phần theo quy định tại Nghị định này.

Tại thời điểm phát hành Bản cáo bạch niêm yết này, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài đang nắm giữ cổ phần tại Techcombank là 22,5% (theo Công văn số 2156/UBCK-QLCB ngày 09/04/2018).

5.3 Các loại thuế có liên quan

Công ty đang nộp các loại thuế theo quy định như: thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế môn bài, và thuế thu nhập cá nhân khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các loại thuế khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Công ty thực hiện nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Bắt đầu từ năm 2015, Công ty áp dụng mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế của Công ty.

Thuế Giá trị gia tăng: áp dụng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế Thu nhập cá nhân: Công ty và các cổ đông trong công ty khi có thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu phải nộp thuế Thu nhập cá nhân theo các quy định hiện hành

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Trụ sở chính

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.HCM
Điện thoại: +84 (028) 3914 3588 Fax: +84 (028) 3914 4531
Website: www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Tòa nhà CornerStone, Lầu 8, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 (024) 3831 5090 Fax: +84 (024) 3831 5100
Website: www.ey.com

VII. PHỤ LỤC**Phụ lục I:**

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép hoạt động

Phụ lục II:

- Điều lệ Techcombank , Quy chế quản trị nội bộ

Phụ lục III:

- Báo cáo tài chính kiểm toán riêng và hợp nhất năm 2016, năm 2017 và Quý I năm 2018 do Techcombank tự lập
- Báo cáo giải trình BCTC năm 2016, 2017 và Quý 1/2018

Phụ lục IV:

- Danh sách các chi nhánh của Techcombank

Bảng 44: Danh mục văn bản pháp luật có liên quan

STT	Tên tài liệu
I. Quy định chung	
1	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 16/26 tháng 11/ năm 2014 có hiệu lực từ 1/7/2015
2	Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung ngày 22 tháng 11 năm 2016)
3	Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/ tháng 11/ năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 11 năm 2012, ngày 26 tháng 11 năm 2014 và ngày 6 tháng 4 năm 2016)
4	Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/ tháng 6/ năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 6 năm 2013 và ngày 26 tháng 11 năm 2014) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 26/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (được sửa đổi, bổ sung ngày 1 tháng 10 năm 2014, ngày 12 tháng 2 năm 2015 và ngày 15 tháng 12 năm 2017)
5	Luật Phòng, chống rửa tiền số 07/2012/NĐ-CP/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội
II. Văn bản liên quan đến lĩnh vực chứng khoán	
1	Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11
2	Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn

thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 6 năm 2015)

- 3 Thông tư 155/2015/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- 4 Nghị định 108/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 09 năm 2013 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung ngày 1 tháng 11 năm 2016)
- 5 Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung ngày 12 tháng 4 năm 2017)
- 6 Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam
- 7 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 6 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng
- 8 Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 8 năm 2016 về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
- 9 Quyết định số 85/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 03 năm 2018 của Tổng Giám đốc SGDCK Tp.HCM về việc ban hành Quy chế niêm yết tại SGDCK Tp.HCM

III. Văn bản liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực tín dụng

- 1 Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 11 năm 2017)
 - 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017
 - 3 Nghị định số 141/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 22 tháng 11 năm 2006 về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng (được sửa đổi, bổ sung ngày 26 tháng 1 năm 2011)
 - 4 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN của NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung ngày 27 tháng 5 năm 2013 và ngày 18 tháng 3 năm 2014)
 - 5 Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của NHNN ngày 29 tháng 4 năm 2004 về việc ban hành hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng (được sửa đổi, bổ sung ngày 10 tháng 9 năm 2004, ngày 1 tháng 6 năm 2005, ngày 10 tháng 7 năm 2006, ngày 15 tháng 1 năm 2008, ngày 20 tháng 3 năm 2014, ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngày 29 tháng 12
-

năm 2017)

- 6 Thông tư số 36/2014/TT-NHNN của NHNN ngày 20 tháng 11 năm 2014 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung ngày 27 tháng 5 năm 2016 và ngày 28 tháng 12 năm 2017)

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2018

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

HỒ HÙNG ANH

NGUYỄN LÊ QUỐC ANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

HOÀNG HUY TRUNG

BÙI THỊ KHÁNH VÂN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TÔ HẢI



AO
K
H
H
H